

KIM LONG

TINH HOA *VÔ THUẬT* TRUNG HOA



TINH HOA
VÕ THUẬT TRUNG HOA

III

KIM LONG

TJRNH HƠA
VÕ THUẬT TRUNG HÓA

NHÀ XUẤT BẢN MŨI CÀ MAU

I. DIỄN BIẾN PHÁT TRIỂN CỦA VÕ THUẬT TRUNG HOA.

Hiện nay có đến hàng trăm môn thể dục thể thao lớn nhỏ trên thế giới, để tiện cho việc nghiên cứu khoa học, người làm công tác lý luận xin được tiến hành phân loại. Phương pháp phân loại có nhiều, trong đó có phương pháp lấy tính chất của môn vận động để phân loại. Một loại là thể dục kiện thân, lấy việc cường tráng thân thể diên niên ích thọ làm mục đích chủ yếu, loại thứ hai mang tính giải trí, biểu diễn, bồi dưỡng thân tâm, loại thứ ba là phòng thân tự vệ, vượt nguy thoát hiểm, có giá trị thực dụng trong sinh hoạt.

Nhưng căn cứ theo cách phân loại trên thì võ thuật Trung Hoa vừa có tác dụng cường kiện thân thể, diên niên ích thọ, vừa có tính bồi dưỡng thân tâm, lại có giá trị phòng thân tự vệ. Trong các môn thể dục thể thao thế giới rất ít có môn vận động nào có đủ các công năng trên như võ thuật Trung Hoa.

Từ sắc thái văn hóa thể thao, phong cách thi đấu thể thao trên thế giới, có thể chia làm 2 loại hình lớn: Một loại là thể hiện ý thức đạo đức và tính chỉnh thể trong quá trình vận động, còn một loại mang sắc thái văn hóa phương Tây, tức là thể hiện sự cạnh tranh quyết liệt, sức lực dũng mãnh, mang tính cá nhân rõ rệt. Võ thuật Trung

Hoa là một môn thể thao truyền thống của dân tộc Trung Hoa, lấy võ đức làm đạo nghĩa, bảo vệ sự đặc sắc của môn phái mình, nghiên cứu sự phối hợp chỉnh thể của thư pháp, nhãn pháp, thân pháp, bộ pháp, thể hiện rõ sắc thái văn hóa phương Đông. Nhưng trong sự phát triển của rất nhiều môn phái võ ở Trung Hoa, sự cạnh tranh lẫn nhau là rất khốc liệt, các bài quyền, binh khí đều mang phong cách chiến đấu dũng mãnh. Cho nên từ góc độ văn hóa thể thao mà xét thì võ thuật Trung Hoa mang cả sắc thái văn hóa thể thao phương Tây. Đây là một nét đặc sắc riêng mà các môn thể dục thể thao khác không thể so bì.

Võ thuật Trung Hoa có lịch sử đã mấy nghìn năm, rẽ sâu gốc vững. Từ cuối thế kỷ XIX cánh cửa phong kiến Trung Hoa bị phá tung, bắt đầu giao lưu với thể thao thế giới. Võ thuật Trung Hoa với sắc thái độc đáo của mình đã được cả thế giới chú ý. Tại Đại hội thể dục thể thao Olympic lần thứ 11, năm 1936 tổ chức ở Berlin (Đức) đoàn vận động viên Trung Quốc lần đầu tiên tham dự (Olympic lần thứ 10 chỉ có một mình Lưu Trường Xuân tham gia, không có tổ chức thành đoàn đại biểu), toàn đoàn có 69 người, trừ các môn bóng đá, bóng chuyền, cử tạ, bơi lội, điền kinh, đua xe đạp ra, còn có 11 người tổ chức thành “đoàn đại biểu võ thuật Trung Hoa”. Trong Olympic lần này, các môn khác của đoàn Trung Quốc đều bị thất bại, chỉ có “đoàn biểu diễn võ thuật Trung Hoa” biểu diễn tại các thành phố lớn của Đức, được dân chúng Đức hoan nghênh nhiệt liệt. Sau đó, đoàn được mời sang biểu diễn ở các nước và rất được ái mộ. Tinh Võ thể dục hội được thiết lập ra nhiều phân quán ở các nước nhằm truyền bá võ thuật Trung Hoa ra thế giới. Các bộ phim võ thuật của Hồng Kông lấy võ thuật Trung Hoa làm cơ bản đã làm

chấn động toàn cầu, gây nên “cơn sốt Kung Fu Trung Quốc”.

Đến những năm 1980, tại các nước châu Âu và Châu Mỹ ở mươi mươi thành thị lớn đều thành lập “Trung Hoa võ thuật hiệp hội”, năm 1990, ở Bắc kinh thành lập “Quốc tế võ thuật liên hiệp hội”, có 37 hội viên các nước tham gia, đến năm 1993 đã phát triển đến 57 nước. Ở Trung Quốc và các nơi trên thế giới nhiều lần tổ chức “thi đấu Wushu quốc tế”, làm cho võ thuật Trung Quốc ngày càng phát triển. Tháng 11-1993, Wushu Trung Quốc được chính thức đưa vào các môn thi đấu của Á vận hội.

Cuốn sách này sẽ miêu tả và phân tích những đặc điểm của võ thuật Trung Hoa, khắc họa toàn cảnh quá trình phát triển của nó để các bạn hiểu thêm bộ môn thể thao rất hấp dẫn này.

DIỄN BIẾN PHÁT TRIỂN CỦA WUSHU TRUNG QUỐC

Võ thuật Trung Hoa có lịch sử từ xưa, bắt nguồn từ những hình thức tự vệ, chống chọi với kẻ thù. Theo phát hiện của các nhà khảo cổ, người Nguyên Miêu cách đây 170 vạn năm đã biết chế ra các dụng cụ để đập, gọt, đó chính là mầm mống của chùy và dao sau này. Thời thượng cổ, vũ khí cũng chính là công cụ lao động, chưa có phân biệt. Khoảng hình thành các bộ lạc nguyên thủy thì bắt đầu có vũ khí chính thức, truyền thuyết nói Xuy Vưu phát minh ra “ngũ binh” (5 loại binh khí) là địch, qua, kích, du mâu, di mâu. 5 loại này là lẩy côn (gậy) làm cơ sở lại gắn thêm đầu mũi nhọn để đâm, tăng thêm lực xung sát. Đến đời Ân Thương đã có đồng xanh (thanh đồng), binh khí

bằng đồng xanh ra đời. Di chỉ khảo cổ An Dương khai quật được 730 mũi mâu (như lưỡi giáo).

Trong “Tả truyện - Thành công thập tam niên” viết rằng “Quốc chi đại sự, tại tự dữ phong” (Việc lớn của quốc gia là ở cúng tế và giao chiến). Chế tạo binh khí, huấn luyện sĩ tốt, tăng cường g quốc phòng là việc lớn của đất nước. Trong quân đội, có vũ khí tấn công cũng có vũ khí phòng ngự, võ nghệ phát triển về cả tấn công lẫn phòng thủ. Đến đời Xuân Thu Chiến Quốc, kỹ thuật luyện kim phát triển có thể đúc sắt luyện thép, đầu tiên là dùng thép tốt đúc binh khí. “Kim loại tốt để đúc đồng, kiếm, mâu, kích, lấy chó ngựa để thử. Kim loại xấu để chế búa rìu, cày bừa, lấy cây, đất để thử”. (Quản Tử - Tiểu Khuông) binh khí để chiến đấu quan trọng hơn cả công cụ sản xuất. Muốn nâng cao hiệu quả chiến đấu, ngoài việc cải tiến chế tạo binh khí ra còn phải chú trọng rèn luyện kỹ thuật sử dụng binh khí, cũng tức là luyện võ nghệ. Trang Tử nói: “Người biết kiếm thuật, lấy cái hư mà thể hiện, lấy sự thông lợi làm khai mở, ra tay sau mà đến trước địch thủ”. Đời Chiến Quốc không chỉ có đấu quyền đấu kiếm mà còn có các võ sư chuyên về dạy kiếm. Đến đời Hán, nhiều loại binh khí ra đời, chất lượng được nâng cao, theo “Hán Quan Nghi”, 5 loại binh khí là cung, nỏ, kích, đao khiên và kiếm. Lúc này đã có sự phối hợp tác chiến giữa nhiều loại binh khí ngắn, dài, công, thủ nên đòi hỏi phải phát triển sử dụng vũ khí trong tác chiến. Trong Hán Thư Nghệ Văn Chí ghi chép về binh gia đã có đến mươi mấy thiên về “thủ bá” (đấu võ), “kiếm đạo” (đánh kiếm), “xạ pháp” (phép bắn cung). Các sách đời Hán như Ngô Việt Xuân Thu, Thuyết Uyển... đều có lý luận về võ nghệ. Đến đời Tam Quốc tranh hùng, binh biến tràn lan, võ nghệ là điều kiện quan trọng để làm nghiệp lớn, tòng quân, bảo vệ gia đình

và bản thân. Trong “Anh Hùng Ký, Tam Quốc Diễn Nghĩa” miêu tả các trận tử chiến giữa Lữ Bố với Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Hứa Chữ đấu Mã Siêu, Hoàng Trung đấu Quan Công... hoàn toàn chú trọng tài năng võ nghệ cá nhân. Do đó toàn xã hội nỗi lên cao trào luyện võ nghệ, gặt hái nhiều thành tựu về võ thuật.

Võ nghệ là một nguồn phát sinh của võ thuật. Nếu Trung Quốc cổ đại, không có vũ đạo, không có hình thức biểu diễn binh khí thì sẽ không có võ thuật Trung Hoa, hay nói cách khác, không phải là hình thức võ thuật như hiện nay. Vũ đạo phải là một nguồn hình thành của võ thuật Trung Hoa. Dân chúng Trung Hoa thời thượng cổ là dân tộc giỏi ca múa. Trong các lễ tế thần linh, yến tiệc... đều phải có ca múa. Tế thần xã tắc phải cầm bat mà múa, tế thần tứ phương phải cầm quạt mà múa, tế thần sông suối phải cầm binh khí mà múa. Hình thức cầm binh khí mà múa khởi nguyên sớm nhất từ “Can Thích Vũ”. Theo Hàn Phi Tử thì “vào thời Nghiêu Thuấn có tộc Hữu Miêu không phục... bèn giáo hóa ba năm, chấp Can Thích Vũ (múa binh khí để thị uy), Hữu Miêu bèn phục”. Can là tám mộc, Thích là đầu búa. Can Thích Vũ là hình thức cầm binh khí nhảy múa trước khi giao chiến làm cho đối phương nghe thấy khiếp sợ mà hàng phục. Morcon trong tác phẩm “Xã hội cổ đại” miêu tả về bộ lạc “dùng phương thức nhảy múa để tuyên bố kế hoạch của họ, hễ tham gia nhảy múa là đều tham gia chiến đấu”. Có thể thấy trên thế giới, có một số dân tộc cũng cầm binh khí nhảy múa, nhưng ở Trung Quốc cổ đại thì Can Thích Vũ được xã hội nô lệ kế thừa và phát triển, dùng làm hình thức tế lễ, trở thành chương trình học tập giáo dục của con cháu chủ nô lệ, đến đời Chu thì phát triển thành “Miếu Đường Vũ” (múa tế trang miếu đường). Chu Vũ Vương sau khi đánh

thắng nhà Thương, chế ra “Đại Vũ Vũ đế ca tụng công đức, người tham gia có đến vài trăm, toàn bộ đều mặc nhung phục (trang phục ra chiến trận), tay cầm binh khí múa theo tiếng nhạc, tất cả có 6 đoạn âm nhạc, đội hình biến đổi 6 lần. Hình thức múa binh khí này, đời Hán gọi là “Vũ Đức Vũ”, đời Đường gọi là “Thất Đức Vũ”, lại còn có “Tần Vương phá trận nhạc” ca tụng Đường Thái Tông (Lý Thế Dân). Có thể thấy, múa binh khí có ảnh hưởng rất lớn trong văn hóa cổ đại Trung Quốc.

Múa binh khí thời cổ đại không chỉ phát triển trong triều đình mà còn là hình thức hoạt động vui chơi trong dân gian. Trạng Kinh Thi có nói đến “Vạn Vũ” là cách cầm binh khí nhảy múa, vui chơi trong dân gian. Đến thời Chiến Quốc, kiếm trở thành vũ khí phòng thân tục đeo kiếm rất thịnh hành từ vương tôn công tử, quan lại, du hiệp đến thường dân. Đeo kiếm thể hiện vẻ uy nghi, đánh kiếm là để phòng thân, múa kiếm là để thanh thản tâm. Múa kiếm một người, múa đôi Vũ kiếm (2 người cầm kiếm biểu diễn đánh đỡ). Cuối đời Tần, nông dân khởi nghĩa, bộ hạ của Hạng Vũ muốn giết Lưu Bang để tiêu diệt đối thủ tranh hùng. Bà con của Hạng Vũ là Hạng Trang theo lời dặn của mưu sĩ Phạm Tăng, vào chúc thọ. Chúc thọ xong, rút kiếm ra nói: “Trong quân không có gì làm vui, xin được múa kiếm”. Hạng Trang múa kiếm, dụng ý là giết Lưu Bang. Chú của Hạng Vũ là Hạng Bá lại có giao tình sinh tử với Trương Lương là mưu sĩ của Lưu Bang nên có ý muốn cứu Lưu Bang, bèn tham gia múa kiếm với Hạng Trang, dùng thân che cho Lưu Bang, Hạng Trang đâm không trúng. (Sử ký - Hạng Vũ bản kỷ). Đoạn ghi chép này cho thấy, đời Tần Hán đã có song đấu, song luyện, sử dụng binh khí thật, có thể sát thương người khác là hình

thức giải trí vui chơi. Bình khí không chỉ là kiếm mà còn có các loại khác. Theo “Tam Quốc Chí - Cam Ninh truyện” chú dẫn “Ngô Thư” rằng: Đại tướng Lăng Thống nước Ngô có mối thù giết cha với Cam Ninh, một lần nguyên soái Lữ Mông bày tiệc thết đãi, hai người gặp nhau. Rượu vào nóng mặt, Lăng Thống mượn cớ múa đao biểu diễn để thừa cơ giết Cam Ninh, Cam Ninh biết ý nên cũng mượn cớ múa kích giúp vui, đấu với Lăng Thống. Lữ Mông thấy không xong bèn vung đao cầm mộc xông vào rẽ hai tướng ra. Như vậy, ở đời Hán, mọi binh khí đều có thể múa biểu diễn.



H.1 “Tý võ đồ”

Hiện nay trong mấy ngàn bức họa vẽ hình chiến đấu, đối luyện, biểu diễn giải trí... Bức thạch họa “Tý võ đồ” (H.1) đời Hán được khai quật ở huyện Đông Sơn, tỉnh Giang Tô cho thấy rất rõ hình ảnh biểu diễn giải trí bằng binh khí. Bên dưới phía trái của hình có một vị quan, phía sau có người hầu, phía trước có quan lại, tất cả đang say sưa xem 2 người biểu diễn đối luyện, người bên trái cầm kích dài đang đâm tới, người bên phải tay trái cầm câu thương (một loại binh khí phòng ngự, 2 mặt có móc câu có thể tấn công) chống đỡ, tay phải cầm đao tiến hành phản công. Phía phải có 1 người ôm đao đứng, chắc cũng là một

người biểu diễn. Góc trên bên trái có 1 nhạc công. Bức họa thể hiện tính giải trí rõ ràng là ở các chỗ trống trong hình đều vẽ đầy chim sẻ, một hình ảnh tốt lành. Ngoài ra, các bức họa như: kích kiếm xúc cúc đồ, Quan tý võ đồ... thể hiện hình thức biểu diễn binh khí, tính quân sự trở thành giải trí, nhưng biểu diễn là trên cơ sở đồi luyện, có công có thủ, giả mà như thật, hấp dẫn ly kỳ, khiến người xem say mê. Các tính chất kiện thân, biểu diễn thực dụng của võ thuật Trung Hoa hình thành vào đời Hán, từ 2 nguồn gốc sớm nhất: võ nghệ trong chiến đấu và biểu diễn giải trí. Hai nguồn ấy dung hợp lại thành hình thái võ thuật Trung Hoa thời kỳ đầu.

Đời Hán có cơ sở vật chất sung túc nên đài hỏi về giải trí tinh thần khá cao. Các hình thức vui chơi giải trí lành mạnh được phát triển. Theo “Trưởng Tái truyện” trong Hán Thư, có hình thức đấu võ vật rất hấp dẫn người xem, gọi là Giác để. Về sau Giác để phát triển rất phong phú về nội dung, nên gọi chung là Giác để bách lý, có nhiều môn từ quân sự hoặc hoạt động thể dục diễn tiến mà thành như ném bánh xe, đại đồng hồ, biểu diễn chiến đấu trên xe ngựa, phóng xuyên vòng lửa... Theo Trương Hành chép trong “Tây Lương Phú”, trong các môn Giác để đời Hán có biểu diễn về câu chuyện “Đông Hải Hoàng Công”. Chuyện kể vào cuối đời Trần ở quận Đông Hải có một người trẻ tuổi tên là Hoàng Công, cường tráng mạnh mẽ, biết vu thuật có thể hàng phục yêu. Nhưng đến khi tuổi già, thân thể suy nhược, lại đam mê tửu sắc, không tự lượng sức mà còn đi hàng hổ phục yêu, cuối cùng bị hổ giết hại. Biểu diễn “Đông Hải Hoàng Công” như thế nào? Gần đây khai quật ở Tứ Xuyên một bức họa đá “Giác để đồ” mới hiểu được. Bức họa vẽ 7 người, đều đeo mặt nạ, tay

cầm binh khí, có Hoàng Công và các trợ thủ cùng với 4 con vật: rắn, hổ, khỉ, lợn. Rắn, cọp bị Hoàng Công đánh bại đè lên trên: khỉ, lợn trốn chạy. Bức họa này là thuật lại phần đầu câu chuyện “Đông Hải Hoàng Công”, thủ pháp biểu diễn là đánh đấm, thi triển quyền pháp, giống như các pha đấu võ trong kịch, phim sau này.

Sự hình thành và phát triển của võ thuật đời Hán có liên quan mật thiết với thuật đạo dẫn của Trung Hoa cổ đại. Đời Hán là thời điểm phát triển cực thịnh của thuật đạo dẫn. Theo cổ tịch ghi chép, thời Chiến Quốc, thuật đạo dẫn đã có 2 thức là “hung kinh, điểu thân” bắt chước tư thế của gấu và chim. Đến đời Hán, qua những bức họa “Đạo dẫn đồ” khai quật được tại Gò Mã Vương thì đạo dẫn đã có 44 thức. Đời Hán lại lưu truyền “Lục Cầm Lý”. Sau đó là “Ngũ Cầm Lý” mô phỏng tư thế của hổ, nai, gấu, khỉ, chim. Bắt chước tư thế sinh vật vừa có ý kiện thân, vừa lại có giá trị biểu diễn. Trong các bức họa những chiêu thức võ thuật, phần lớn là mô phỏng theo loài vật như Hắc hổ đào tâm, Ô Long xuất động, Bạch hạc lượng xí, Kim kê độc lập, phụng hoàng tâm điểm đầu... đều là phát triển từ thuật đạo dẫn. Từ đời Tống về sau phát triển thành các môn riêng như Hổ quyền, Hạc quyền, Hầu quyền, Đường Lang quyền, Áp quyền, Kê quyền, Uyên ương quyền, Ngũ hổ quần dương côn, Mai hoa Đường Lang kiếm. Võ thuật vừa mang tính biểu diễn vừa giúp cho thân thể khỏe mạnh. Hoa Đà viết trong “Ngũ Cầm Lý” rằng: “Cơ thể nên lao động nhưng đừng quá sức. Hoạt động thì cốc khí được tiêu, huyết mạch lưu thông, bệnh không thể sinh, giống như cái then cửa không bị mục vây”. (Hậu Hán Thư, Hoa Đà truyện). Nhà dưỡng sinh học Cát Hồng đời Đông Tấn viết trong “Bão Phác tử” rằng: “Rùa, hạc sống lâu, bắt

chước chúng có thể tăng tuổi thọ”, “bắt chước hoạt động của rồng, hổ, nuốt như rùa, bay như yến, co như rắn, duỗi như chim, ngửa lên trời, cúi xuống đất như thế sẽ có ích cho cơ thể”.

Cần phải nói rằng, đời Hán ngoài hình thức biểu diễn võ thuật ra, còn có 2 hoạt động mang đậm tính quân sự là thi quyền thuật và đấu kiếm. Cam Diên Thọ là danh tướng triều Hán, rất giỏi cưỡi ngựa bắn tên nên được chọn vào Vũ Lâm quân, sau đạt nhiều thành tích được đề bạt Lâm Vũ lâm lang. Việc rèn luyện đấu vật (thủ bát) được “Hán Thư - Nghệ văn chí liệt vào “Binh gia kỹ xảo loại” (Kỹ xảo trong binh gia).

Xã hội thời chiến quốc đã có tục đấu kiếm. “Triệu Văn Vương thích kiếm, võ sĩ dưới trướng có hơn 3000 người, ngày đêm tổ chức đấu kiếm với nhau” (Trang Tử - Thuyết Kiếm). Đời Hán cũng vậy. Hán Thứ - Hoài Nam Vương truyện viết rằng: Hoài nam vương Thái tử Lưu Thiên học kiếm thuật, tự cho là không ai bằng được, nghe nói quan Lang trung là Lôi Bị giỏi kiếm bèn mời đến đấu. Bị mấy lần từ chối, sợ đâm trúng Thái tử”. Điều này cho thấy đấu kiếm đầu đời Hán là dùng kiếm thật, đánh để phân thắng bại.

Võ thuật từ đời Hán hình thành và liên tục phát triển, hấp thu tinh hoa của các bộ phận khác. “Ngụy thư - Lạc chí” ghi rằng: Năm Thiên Hưng thứ 6 (403), hoàn thiện các môn tạp kỹ, tạo 5 loại binh khí giác đẽ”. Biểu diễn võ thuật đương thời thuộc phạm trù giác đẽ lý, tạo 5 loại binh khí giác đẽ là nhằm tăng thêm tính kích thích. Nhưng “tạo” những gì thì không thấy ghi chép rõ ràng. Trong Lạc Dương Già lam ký có viết: Vũ Lâm ném kích

cao bằng cây trăm thước. Hồ bèn Trương Đông Cừ quăng dao khỏi lâu 1 trượng”. Điều này cho thấy ném binh khí được chú trọng trong biểu diễn. Các trò biểu diễn tạp kỹ đời Hán có ném đạn, ném kiếm, ném bánh xe, đến đời Nam Bắc triều phát triển thêm, làm tăng tính hấp dẫn các trò ấy. Đời Đường lại phát triển một bước mới. Theo “Độc dí chí”: Bùi Mân giỏi múa kiếm, Mân xoay người ném kiếm lên mây, cao mây chục trượng, ánh sáng lấp loáng, Mân cầm vò kiếm đón bên dưới, kiếm xuyên qua nhà rơi vào vò, mây ngàn người xem đều kinh sợ”.

Văn hóa đời Đường chịu ảnh hưởng của Tây Vực rất lớn, gọi là “hiện tượng Hồ hóa”, biểu diễn võ thuật cũng mang nét “Hồ hóa”. Đời Đường, gọi các hình thức múa có cầm khí vũ gồm có những gì? Có nhiều thuyết nói khác nhau. Theo Quế Phục thì kiếm khí vũ là 2 tay cầm Lưu tinh chùy; Tiêu Điều Phi thì nói kiếm khí vũ là múa kiếm; Nhân Bán Đường trong “Nguyên Bạch thi trản chứng” thì nói kiếm khí vũ là cầm binh khí và cờ... Cách nói tuy khác nhau nhưng đều thống nhất là: trong tay có cầm binh khí, múa theo âm nhạc và bước múa của Tây Vực múa theo bài nhất định và có thể truyền thụ cho người khác. Như thế, từ đời Đường hình thức biểu diễn Sáo lộ tức theo bài, đã ra đời bắt đầu định hình hình thức biểu diễn võ thuật Trung Hoa.

Đời Tống là thời kỳ phát triển quan trọng của võ thuật Trung Hoa. Thứ nhất võ thuật lúc này đã tách rời khỏi phạm trù kiếm vũ và giác để ký hình thành lớp nghệ nhân độc lập chuyên nghiệp biểu diễn võ thuật. Đời Tống, thương nghiệp và thủ công nghiệp phát triển làm cho nhân khẩu ở thành thị gia tăng, các thành thị xuất hiện khu vui chơi giải trí gọi là “ngõa tử”. Trong ngõa tử có

nhiều nghệ nhân chuyên biểu diễn võ thuật, gọi là sứ quyền, sử bảng, tổ chức thành đoàn chuyên nghiệp gọi là anh lược xã. Dời Nam Tống thành Lâm An có nghệ nhân biểu diễn côn rất nổi tiếng là Chu Lai Cơ. Ngoài ra còn có biểu diễn về thương, đao, kiếm. Trừ các đoàn biểu diễn võ thuật chuyên nghiệp ra còn có nhiều tổ chức biểu diễn võ thuật bán chuyên nghiệp. Trong “Thủy Hử truyện” tả về bệnh đại Trùng.Tiết Vĩnh, Đả hổ tướng Lý Trung tuy không phải là nghệ nhân biểu diễn võ thuật, nhưng trên bước đường lưu lạc giang hồ lúc túng quẫn có thể “Múa thương, côn bán thuốc cao sống qua ngày”. Bệnh Quan Sách Dương Hùng vốn là người coi ngục thường được quan tri phủ mời đến hoa viên “sử bảng” biểu diễn côn pháp. Có thể thấy vào đời Tống, dân chúng đã rất ưa chuộng biểu diễn võ thuật.

Thứ hai là võ thuật đời Tống đã sáo lộ hóa, các bài biểu diễn thêm vào nhiều động tác khéo léo, đẹp mắt để tăng tính hấp dẫn. Bài Trường Quyền ngày nay vốn khởi thủy từ “Triệu Khuông Dân tam thập nhị thế trường quyền”, Hình Ý quyền do Nhạc Phi sáng chế, Võ Đang quyền là do Trương Tam Phong sáng chế... đều vào đời Tống, chứng tỏ đời Tống đã kế thừa và phát triển hình thức biểu diễn sáo lộ đời Đường. Tuy võ thuật đời Tống chuyên về biểu diễn nhưng vẫn chưa thoát ly khỏi tính thực dụng chiến đấu. Như Tiết Vĩnh, Lý Trung, Dương Hùng trong “Thủy Hử truyện” biểu diễn thương pháp, côn pháp được nhiều người khen ngợi nhưng trên chiến trận đối địch cũng có thể đánh nổi chục người. Chỉ có con mắt nhà binh trải qua kinh nghiệm chiến đấu phong phú mới có thể thấy rõ: “đều là chiêu thức hoa hòe, chỉ xem cho đẹp mắt, lâm trận vô dụng”.

Đời Minh, Thanh, võ thuật Trung Hoa phát triển rất mạnh. Hiện tại, 90% bài sáo lộ về quyền, binh khí đều được định hình và truyền khắp Trung Hoa vào thời điểm này. Luyện võ trong dân gian cũng rất rầm rộ. Nhưng điều kiện phát triển võ thuật của 2 triều đại này rất khác nhau, một triều là công khai để xướng luyện võ, chiêu mộ hương binh, một triều lại cấm luyện võ khiến cho các tổ chức bí mật được phát triển mạnh.

Đời Minh, các nghệ nhân biểu diễn võ thuật không có khu vực nhất định như đời Tống, mà đi lưu lạc khắp nơi mãi võ để mưu sinh. Triều đình phát triển võ thuật qua hình thức tổ chức hương binh, đại đa số các nghệ nhân võ thuật làm thầy dạy võ. Từ trung kỳ đời Minh thay đổi binh chế, phế bỏ nơi đóng quân, thực hiện tổ chức hương binh và mộ dũng binh, nhờ đó đã tạo luồng sóng tập võ ở tầng lớp dưới, Theo “Minh Sử - Bình Chí” ghi chép, đương thời hương binh các nơi có sở trường võ nghệ riêng “như vùng Tung Sơn, Hà Nam chuyên luyện đoàn binh (binh khí ngắn); Cảnh Kinh luyện Đường Lang Thủ; vùng Mân Chương Tuyền luyện phi tiêu; Mân Đình ở Việt Đông luyện đại đao. Về tăng binh có Thiếu Lâm, Phục Ngưu, Ngũ Đài”.

Đương thời, nổi danh nhất là đội quân chống Nhật “Thích gia quân”, “Du gia quân” cũng đều là quân hương binh chiêu mộ. Hương binh huấn luyện là do địa phương đó phụ trách, việc sử dụng loại binh khí nào, đặc trưng võ nghệ ra sao đều do thầy dạy võ ở địa phương quyết định. Các vị võ sư dạy võ có nhiều người là tướng lĩnh, có kinh nghiệm trận mạc, đồng thời cũng có các nghệ nhân chuyên biểu diễn “hoa quyền tứ cước” do đó, Thích Kế Quang viết trong “Kỷ hiệu tân thư” răn binh sĩ rằng: “Võ nghệ trong quân là để cho binh lính phòng thân, lập công giết giặc

cho nên phải thực dụng, không được hoa hòe cho đẹp mắt mà thôi”. Sử tịch đời Minh có chép nhiều lưu phái võ thuật, nhưng trong “Minh sử - Bình chí” không kể tên nhiều, cho thấy những lưu phái này không hoàn toàn có giá trị thực dụng mà thiên về biểu diễn.

Đời Minh đã định hình những bài sáo lô theo những động tác quy phạm, đời Tống còn gọi là “giáo pháp cách”, có đồ hình và lời giải thích để binh lính tham khảo mà luyện theo. Triều Vạn Lịch có Trình Tông Du người Tân An là một quyền sư có tiếng, tuy Trình Tông Du từng làm quan chức đô ty (một chức võ quan cao) nhưng chỉ đánh dẹp bọn giặc cỏ, chưa từng qua chiến trận lớn. Khi tuổi già, Trình Tông Du về làng cũ viết sách hướng dẫn phương pháp huấn luyện võ thuật cho binh lính, chú trọng “độc vũ” (bài luyện cá nhân), “đối vũ” (2 người đối luyện), “quần vũ” (bài luyện tập thể). Trong “Đơn đao pháp tuyển” của họ Trình có viết: “Trước đây, đao pháp chú trọng đến thực dụng đối địch, đòi hỏi binh lính phải luyện tập từng bài đao cho thật thuần thục, dễ bế tiến thoái, xoay trở, tiện cho lâm trận đối địch, cho nên ta lập đao pháp đồ để tiện quan sát”. Tuy nhiên, võ tướng Thích Kế Quang lại không chấp nhận. “Lâm trận đối địch, muôn người cùng tiến, muôn giáo cùng chĩa, vạn đao cùng chém, trở tay đã khó đừng nói đến múa may tung hoành. Tùy ý tiến thoái, nhảy nhót đậm thọc đều là hoa hòe, không có giá trị ứng dụng”. Tuy nhiên chính nhờ sự phát triển sáo lô trong binh sĩ đó thúc đẩy võ thuật Trung Hoa tiến triển hơn.

Võ thuật đời Minh phát triển có liên quan đến “làn sóng dưỡng sinh” đương thời. Đời Minh có nhiều trước tác chuyên về dưỡng sinh, phản ánh sự coi trọng dưỡng sinh của xã hội đương thời. Phần lớn các trước tác này đi sâu

vào “Đạo dẫn dưỡng sinh pháp”, kết tụ tinh hoa “đạo dẫn thuật” của Đạo giáo. Các tín đồ Đạo giáo từ đời Ngụy Tấn Nam Bắc triều¹⁰ đã nhận thức được công hiệu của thuật đạo dẫn dưỡng sinh, nhưng họ quá mê đắm vào trường sinh bất tử, thành tiên thành thần, nên đưa luyện đan trở thành vị trí quan trọng nhất để cầu mong Kim thân vĩnh tồn”, Trường sinh bất tử. Nhưng qua đời Đường, thầy uống kim đan vô hiệu, nên Đạo gia mới chú trọng đến “Đạo dẫn thuật”, hành khí tu luyện nội đan. Dời Tống có Trần Đoàn, Ngụy Bá Đoan viết nhiều sách dạy thuật tu luyện nội đan, thuật đạo dẫn trở thành công pháp tu luyện chính yếu của các đạo sĩ đời Minh, do đó mới hình thành Nội gia quyền, kết hợp võ thuật với hành khí.

Hoàng Tông Hy viết trong “Vương Chinh Nam: một chí minh” rằng: “Thiếu Lâm Tự lấy quyền pháp vang danh thiên hạ, chỉ tấn công nhưng cũng bị tấn công. Có nội gia quyền lấy tĩnh chế động, địch thủ dụng vào tất bị hạ gục nên khác với Thiếu Lâm ngoại gia”. Ở đây muốn nói, quyền thuật Thiếu Lâm lấy tấn công làm chính, nội gia quyền lợi hại hơn Thiếu Lâm, tất nhiên đây chỉ là ý kiến của riêng Hoàng Tông Hy. Nhưng qua đó có thể biết, Nội gia quyền phát triển trên cơ sở quyền thuật Thiếu Lâm. Dời Minh, Phật giáo và Đạo giáo đều có cống hiến lớn cho sự phát triển của võ thuật Trung Hoa.

Tiếp đó, trên cơ sở phát triển Nội gia quyền, cuối đời Minh đầu đời Thanh ra đời môn Thái cực quyền chú trọng kiên thân dưỡng sinh kết hợp mật thiết giữa tinh tâm và động thể, hành khí và luyện thân làm tăng thêm công hiệu cường thân ích thọ. Khởi nguyên của Thái cực quyền có nhiều thuyết khác nhau, nhưng đều không tách rời khỏi nhân vật Đạo giáo. Đáng tin cậy nhất là thuyết cho rằng

Trần Vương Đình ở Trần Gia Câu, huyện Ôn, tỉnh Hà Nam sáng chế vào cuối đời Minh đầu Thanh.

Trần Vương Đình là một võ quan nhỏ, khi triều Thanh chiếm triều Minh, ông về quê ẩn cư, lấy việc dạy võ cho con cháu quanh làng và đọc kinh Huỳnh Đình để tiêu khiển tháng ngày. Trong “Thái cực quyền thập tam thế hành công ca” viết rằng:

Tương suy dụng ý chung hà tại?
Ích thọ diên niên bất lão xuân.

Ý là nói mục đích chính của Thái cực quyền là ở chỗ ích thọ diên niên không già cỗi.

Vì thế, chắc chắn Thái cực quyền được sáng chế trên tư tưởng chỉ đạo “quy sinh” (coi trọng mạng sống) của Đạo giáo. Thái cực quyền là niêm quyền pháp độc đáo trong võ thuật Trung Hoa.

Quý tộc Mãn Châu lấy cung mã thống nhất Trung Quốc lập ra triều Thanh, lấy dân tộc thiểu số thống trị hết các tộc lớn khác, thực hiện chính sách áp bức, nghiêm cấm dân chúng tập võ, cấm tàng trữ vũ khí, cấm truyền dạy võ nghệ. Vì thế trong dân gian hình thành các tổ chức bí mật (hội kín) chống đối triều đình, như Thiên địa hội, Bạch liên giáo, Thiên lý hội, Bát quái giáo, Nghĩa hòa quyền và Thanh bang, Hồng bang. Các tổ chức này lấy danh nghĩa “phản Thanh phục Minh” hiệu triệu quần chúng, truyền thụ võ thuật là một thủ đoạn tổ chức vũ trang hóa quần chúng. Do đó võ thuật được truyền thụ trong các hội kín pha tạp đủ các môn phái, mỗi nơi một kiểu làm cho võ thuật đời Minh rất đa dạng và phức tạp. Cũng do mục đích truyền thụ võ thuật là võ trang hóa quần chúng nên tính

thực dụng của võ thuật lúc này rất mạnh. Vả lại, thành phần chính của tổ chức bí mật là quần chúng lao động, đòi hỏi phải có bản lĩnh tự vệ và phản kháng, nên họ luyện võ rất chăm. Nhờ đó, võ thuật Trung Hoa phát triển càng nhanh càng rộng.

Nghĩa hòa quyền, Thuận dao hội là các tổ chức bí mật hoạt động ở các tỉnh Sơn Đông, Hà Nam, Giang Tô, An Huy. Năm Gia Khánh thứ 13, bị quân Thanh ngăn cấm nên chuyển về phía Bắc, kết hợp với các tổ chức phía Bắc tỉnh Sơn Đông và phía Nam tỉnh Hà Bắc là Mai hoa quyền, Hồng quyền “lập võ đàm dạy võ, đến hơn 800 chỗ, lại thường tổ chức đấu võ gọi là Luợng quyền bị triều Thanh đàm áp. Nhưng dưới tình thế bị các đế quốc phương Tây xâm lược, triều đình nhà Thanh thay đổi chính sách, sai người đi chiêu dụ, đổi Nghĩa hòa quyền thành Nghĩa hòa đoàn tấn công vào các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thiên Tân, được công khai truyền thụ võ nghệ. “Kinh thành bất luận là sĩ nông công thương đều tập luyện nghĩa hòa quyền, các nơi thiết lập võ trường nhiều không đếm xuể”. (Nghĩa hòa quyền vận động).

Cuối đời Thanh đầu thời kỳ Dân quốc, thể theo hiện đại từ châu Âu truyền vào Trung Quốc, thể thao hiện đại có tính quốc tế, tính cạnh tranh cao, có ưu thế riêng, nhưng thể thao truyền thống Trung Hoa lại có tính dân tộc sâu đậm, được dân chúng cả nước ưa thích. Năm 1910, võ thuật gia lừng danh Hoắc Nguyên Giáp và đệ tử là Trần Công Triết thành lập “Tinh võ thể dục hội” ở Thượng Hải. Sau đó nhiều nơi trong các thành phố lớn Trung Quốc, Đông Nam Á, Bắc Mỹ thiết lập các phân hội. Tinh Võ thể dục hội trở thành tổ chức có ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển võ thuật Trung Hoa thời kỳ cận đại. Đồng thời

với Tinh võ thể dục hội, ở Bắc Bình, Thiên Tân cũng thành lập các võ quán tư nhân và đoàn thể. Năm 1928, Thái Nguyên Bồi tiên sinh cùng một số người thành lập tổ chức “Quốc thuật nghiên cứu quán” là một tổ chức nghiên cứu và phát triển võ thuật Trung Hoa một cách hệ thống, các tỉnh đều có lập phân quán. Những tổ chức đoàn thể trên có tác dụng rất lớn trong sự phát triển của võ thuật Trung Hoa, bắt đất truyền bá võ thuật Trung Hoa ra thế giới.

Nước Trung Hoa mới được thành lập rất coi trọng công tác nghiên cứu và phát triển võ thuật. Năm 1975, Ủy ban thể dục thể thao quốc gia Trung Quốc ban hành “Thông tri về phát triển và chỉnh lý di sản võ thuật”, các hiệp hội võ thuật và ủy ban thể dục thể thao các nơi tiến hành làm việc, mở các cuộc hội thảo, tọa đàm, tạo một cuộc vận động nghiên cứu phát triển võ thuật với quy mô lớn nhất trong lịch sử. Qua 1 năm làm việc nghiêm túc, phân tích quyền lý, xác định phong cách đặc trưng của 129 bài quyền.

Tháng 11-1953, tại Thiên Tân cử hành “Toàn quốc dân tộc hình thức thể dục vận động đại hội” (Đại hội thể dục thể thao toàn quốc) trong đó tham gia đông nhất là võ thuật. Sau đó lại mấy lần tổ chức thi đấu võ thuật, đến năm 1958 tổ chức “Đại hội võ thuật toàn quốc lần thứ I” ban hành “Quy chế thi đấu võ thuật”, võ thuật cổ truyền mấy ngàn năm được tiếp nhận vào thể thao hiện đại, trở thành 1 môn thi đấu riêng trên đấu trường quốc tế.

Từ năm 1982 trở đi, các thành phố lớn ở trong và ngoài Trung Quốc không ngừng tổ chức các cuộc thi đấu Wushu quốc tế, giải Cầm tiêu Wushu quốc tế, thành lập “Quốc tế Wushu liên hiệp hội”... Wushu Trung Quốc đậm

sắc thái phương Đông đã phát triển không ngừng và trở thành đóa hoa tươi trên đấu trường thể thao thế giới hiện đại.

II. QUYỀN THUẬT HUYỀN BÍ

Quyền thuật là thành tố cơ bản rất quan trọng trong võ thuật Trung Hoa, từ xưa đến nay đã có những câu như: Học nghệ tiên học quyền (học võ phải học quyền trước), Quyền vi võ nghệ chi nguyên (Quyền thuật là nguồn của võ nghệ)... Trong sự khởi thủy và phát triển của võ thuật Trung Hoa, Quyền thuật là đầu mối. “Lã thị xuân thu” viết: “Thời mông muội xa xưa con người bẻ cây cối mà đánh nhau”. “Thi kinh - Tiếu Nhã” nói: “Vô quyền vô dũng, chẳng bàn được gì”. Thời kỳ binh khí kim loại chưa ra đời, gậy gộc là vũ khí, thì sức mạnh và sự gan dạ trong tác chiến chiếm vị trí quan trọng nhất.

Đến hậu kỳ xã hội nô lệ, trong việc tuyển chọn quan lại cấp thấp vẫn rất chú trọng đến yếu tố mạnh bạo, gan dạ. Quản Trọng phò Tề, thống nhất chư hầu, xưng bá thiên hạ, từng quy định việc chiêu mộ quan lại như sau: “Trong địa phương có kẻ mạnh bạo, sức lực hơn người, thì phải báo lên, nếu không báo là mắc tội che giấu nhân tài.” (Quản Tử - Tiểu Khuông). Trong “Chu Lê” có một loại quan chức gọi là “hoàn nhân”, trách nhiệm của hoàn nhân là “theo dõi việc quân, bí mật tìm hiểu địch tình bốn phương, tuần du bang quốc, bắt giữ bọn điệp tặc”. Đây có thể gọi là một cơ cấu trinh sát, làm công tác gián điệp và chống gián điệp, đòi hỏi hoàn nhân phải là những người nhanh nhẹn, gan dạ, khỏe mạnh. Đến thời Chiết Quốc đã có hình thức

đấu quyền và lý luận về đấu quyền. “Trang Tử - Nhân gian thế) có nói đến việc sử dụng đòn thế rõ ràng (dương) và những chiêu thức bất ngờ khó lường (âm).

Đời Hán, các loại binh khí đã phát triển, nhưng kỹ thuật sử dụng tay không vẫn giữ một vị trí quan trọng nhất định, vì khi chiến trận sắp tàn, cung tên bắn hết, sẽ là giai đoạn giáp lá cà quyết tử. Cháu của Lý Quang là chiến tướng Lý Lăng, suất lĩnh 5000 bộ binh giữ nơi quan ải, đánh nhau với hàng vạn quân Hung Nô “tên hết đường cùng, binh lính dùng dao ngắn, tay không quyết tử với giặc” (Hán thư - Lý Quang truyện). Binh sĩ đời Hán rất chú trọng đến việc luyện quyền thuật. Trong “Hán thư - Nghệ văn chí” có thiêng “thủ bác” (Đánh tay không) xếp vào “Binh gia kỷ xảo loại” để binh sĩ tập luyện tay chân. Cam Diên Thọ là đại tướng của Hán Vũ Đế, khi làm Vũ Lâm Lang thường tổ chức thi đấu tay không để chọn võ quan trung cấp. Họa đá đời Hán khắc họa hình ảnh tập luyện quyền thuật đương thời, như bức “Thủ bác đồ” (hình 2) được khai quật ở huyện Tân Dã, tỉnh Hà Nam, trong hình có 3 người, mặc áo dài dội mũ, người ở giữa đang vung quyền, chân xuống tấn, người bên trái té ngửa, người bên phải bị gãy binh khí, đây là hình thức luyện tập “một đấu hai”, phản ánh chiêu thức giao đấu đời Hán khá giống sau này.

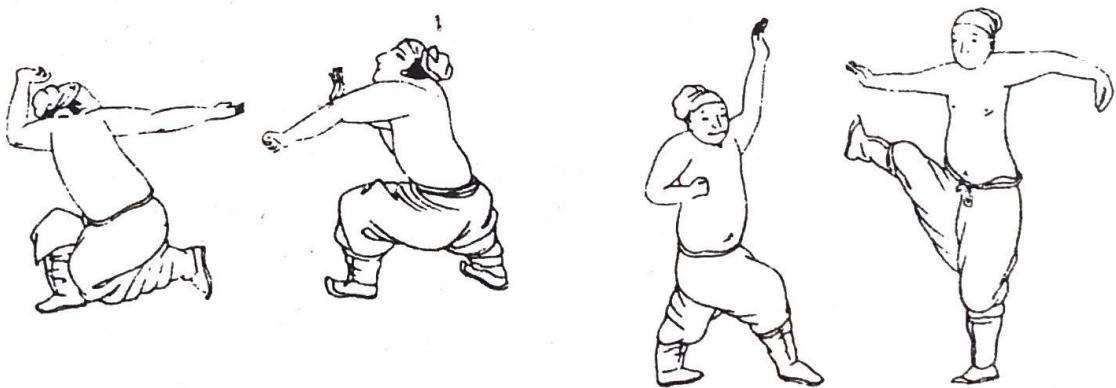


H.2 “Thủ báц đô”

Đấu quyền đời Hán vừa là luyện tập phục vụ quân đội, vừa là biểu diễn giải trí. “Hán thư - Ai đế bản kỷ” nói: “Ai đế tính thanh nhã, không ham thanh sắc, thường thưởng thức bắn cung, đấu võ”. Tả Tư trong “Ngô đô phú” miêu tả sinh hoạt giải trí vui chơi của nhân dân Tô Châu thời Tam Quốc có các hình thức đấu võ, bắn tên, ném hồ, biểu diễn võ nghệ... Đến đời Tống, biểu diễn quyền thuật đã trở thành môn giải trí chính thức, hình thành lớp người mãi võ bán thuốc cao. Trong “Thủy Hử truyện” hồi thứ 35 miêu tả Tống Giang xem Tiết Vĩnh biểu diễn: “Vị giáo đầu ấy buông cây thương trong tay xuống, rồi đi một bài quyền”. Tống Giang cũng là người “thích thương, côn, quyền cước”.

Đời Minh là giai đoạn phát triển mạnh của quyền thuật, lúc này binh khí đã tiến bộ vượt bậc, “quyền pháp khéo léo tựa như không có liên quan gì đến chiến trận”. Nhưng “hoạt động tay chân, vận động cơ bắp là cánh cửa đầu tiên của người học nghề võ”. Luyện tập quyền thuật có thể nâng cao tố chất cơ thể “thân pháp linh động, thủ pháp mau lẹ, cước pháp nhanh mà vững, tiến thoái nhẹ nhàng”, “Quyền thuật là nguồn của võ nghệ” (kỷ hiệu tân

thư - Quyền kinh tiệp yếu). Do đó, các tướng đem quyền thuật huấn luyện binh sĩ, Thích Kế Quang hệ thống 32 thế Trường quyền (xem hình 3) để dạy binh lính. Quyền thuật tuy “không liên quan đến đại chiến” nhưng rất có tác dụng phòng thân tự vệ. “Ninh Ba phủ chí” chép rằng: Đời Minh có người ở Từ Khê tên là Biên Trừng, rất ngưỡng mộ quyền pháp Thiếu Lâm Tự, bèn lên Thiếu Lâm Tự xin làm người nấu nướng trong chùa, lén theo dõi các sư tập võ mà luyện theo, 3 năm sau trở về quê, lúc ngồi uống rượu trên lầu cao ngoài thành, có tên ác bá nơi ấy ỷ thế hiếp người, dẫn mấy chục tên cầm côn, thương kéo đến vây Trừng, Trừng rút khăn trên đầu vung ra quấn lấy các đầu côn, thương ném đi, vung quyền múa cước đánh gục cả mười mấy tên, võ đùi nhảy ra khỏi trùng vây, cả bọn đều cúi đầu bái phục.



H.3 Bốn thế trong Trường Quyền

Quyền thuật vừa có công dụng cường thịnh kiện thể, lại có thể trừ bạo giúp người. Đời Minh có đến 2,3 chục loại quyền pháp được sáng chế trên khắp Trung Hoa như: Tống Thái Tổ tam thập nhị thế Trường quyền, Lục bộ quyền, Hầu quyền, Hóa quyền, Ôn gia thất thập nhị hành

quyền, Tam thập lục hợp tỏa, Nhị thập tứ khí thám mã, Bát thiểm Phiên, Thập nhị đoán, Lữ hồng bát hạ, Cẩm trương đoán đả, Lý Bán Thiên chi cước, Ưng trảo vương chi nã, Trương Bá Kính chi đả... Triệu gia quyền, Nam quyền, Bắc quyền, Tây gia quyền, Câu giải quyền, Trương phi thần quyền, Bá vương quyền, Đồng tử bái Quan Âm quyền, Tam thập lục nã pháp... (Theo “Kỷ hiệu tân thư” và “Giang Nam kinh lược”).

Nhưng các loại quyền pháp trên mới hình thành nên tuy có đặc trưng riêng, vẫn có nhược điểm nên Thích Kế Quang nói: “Nếu có thể luyện hết quyền pháp các nhà lại thì giống như trận pháp Thường Sơn Trường Xà (con rắn 2 đầu ở Thường Sơn), đánh đầu này thì đầu kia ứng, trên dưới đều chu toàn, bất khả chiến bại”.

Vì quyền thuật dễ luyện hơn binh khí, nên trong các tổ chức bí mật đời Thanh phát triển rất nhiều bài quyền. Trong “Thanh bại loại cảo” ghi chép nhiều hơn đời Minh đến mấy chục loại quyền pháp, ngoài các môn phái độc lập còn có đặc trưng của từng địa phương. Nhưng vì truyền thụ bí mật, phần lớn là luyện tập ban đêm, nên cùng là 1 loại quyền pháp, nhưng động tác khác nhau xa. Cuối đời Thanh, đầu Dân quốc, quyền thuật được truyền dạy công khai, các chuyên gia võ thuật nghiên cứu và chỉnh lý nhưng nội dung quá rộng, khó chỉnh lý cho đầy đủ.

Sau khi nước Trung Hoa mới được thành lập, lại qua nhiều lần chỉnh lý, mới quy các loại quyền có phong cách giống nhau vào cùng một loại, tổng hợp lại thành 4 loại quyền pháp lớn là Trường quyền, Nam quyền, Hình Ý quyền và Thái Cực quyền.

1. TRƯỜNG QUYỀN

Trường quyền là tên gọi tổng hợp các loại quyền pháp có phong cách giống nhau như Tra quyền, Hoa quyền, Hồng quyền, Pháo chùy quyền, Phiên tử quyền, Thiếu lâm quyền. Tên gọi này bắt nguồn từ “Trường quyền tam thập nhị thế” (32 thế Trường quyền). Thủ pháp, Thân pháp., Bộ pháp, Cước pháp dựa theo đặc điểm của “32 thế Trường quyền” mà kết thành bài quyền, các động tác bao gồm: Thoán, băng, triển, dược, đằng... Đặc điểm của Trường quyền là đánh rộng, thoảng, xa, thoải mái, mạnh mẽ, linh hoạt nhanh nhẹn, sử dụng cước pháp (đòn đá) và các động tác nhảy vọt rất nhiều. Thủ pháp (đòn tay) chú trọng cương nhu phối hợp, tiết tấu quyền pháp rõ ràng đâu ra đó.

Động tác của Trường quyền phải ngay chính, sử dụng lực trong các đòn đá, đánh, cầm nã... phải rõ ràng, công thủ chỉnh tề, trong ngoài kết hợp chặt chẽ, thống nhất. Đầu chuyển động theo thân, thực hiện “tay - mắt theo nhau”, “tay đến mắt đến”, chiêu thức từ ý niệm chuyển ra nhãn quang. Lúc đi quyền phải tập trung tư tưởng, thể hiện vẻ mạnh mẽ, linh mẫn, không sợ hãi gì cả. Ra đòn phát lực phải có sức công phá, tuy cương mà không ngay đơ, nhu mà không mềm rũ, lại còn lấy ý thức chi phối phát lực, lấy khí thức chi phối phát lực, trong ngoài hợp nhất. Hô hấp phải điều hòa, lúc nảy lên phải “đè khí”, lúc dừng phải “thác khí”, động tác về cương kình phải “tụ khí”, động tác hạ xuống phải “trầm khí”. Toàn bộ động tác phải có nhịp điệu phân minh, thể hiện rõ sự phối hợp nhanh - chậm, động - tĩnh, cương - nhu, khởi - phục.

Do Trường quyền di chuyển rộng, sử dụng 2 chân nhiều nên rất chú trọng đến cước lực. Tục ngữ nói “Luyện quyền không luyện cước, đến già cũng chẳng được gì”, “quyền đánh 3 phần, cước đá 7 phần”, ... là nói tầm quan trọng của hai chân trong Trường quyền.

Đời Minh, Đường Thuận Chi viết trong “Võ Diên” về quyền pháp rằng “Phàm muốn học cước pháp, trước tiên phải học “hư”. Chữ “hư” ở đây là chỉ các công phu cơ bản về tần pháp, bộ pháp, thối pháp. Về sau lại có nhiều phương pháp luyện tập binh khí, càng chú trọng đến cước pháp. Nổi tiếng nhất là phép luyện “Mai hoa trang công”, dùng 5 trụ gỗ dài 7 thước chôn xuống 3 thước, nhô trên mặt đất 4 thước, đường kính đầu trụ gỗ khoảng 2 tấc, mỗi trụ cách nhau 2 thước thành hình hoa mai. Đầu tiên luyện mã bộ trên trụ, dùng lòng bàn chân, rồi gót chân, mũi bàn chân tiếp xúc với đầu trụ gỗ.

Sau quen dần tùy ý nhảy nhót, luyện quyền hay binh khí trên trụ gỗ.

2. NAM QUYỀN

Đời Minh, Trịnh Nhược có nhắc đến “Nam quyền” trong “Giang Nam kinh lược” rằng “quyền pháp này mau lẹ như gió, như chớp”. Nhưng đó không phải là khái niệm về “Nam quyền” hiện nay. Tuy nhiên nhờ đó có thể biết rằng, Trung Quốc rộng lớn, phương Nam phương Bắc khác nhau rất lớn về địa hình, khí hậu, tố chất cơ thể, do đó các nơi hình thành võ thuật căn cứ vào đặc điểm của địa phương, sáng chế loại quyền pháp thích hợp với bản địa.

Nam quyền hiện nay là loại quyền pháp lưu truyền ở vùng Giang Nam rộng lớn, đặc điểm của nó là phạm vi

hoạt động hép, động tác rất mau lẹ linh hoạt, trọng tâm hạ thấp, mã bộ vững chắc, phát huy thủ pháp “ngắn 1 tấc, hiểm 1 tấc”, “một tay nhiều thê”. Nam quyền phần lớn sử dụng đòn ngắn, ra đòn mau, liên tục, động tác nhanh nhẹn, kinh lực dũng mãnh, kết hợp mau chậm, phát lực gọn mà có lực, lúc tấn công phát kinh thành tiếng để tạo áp lực.

Nam quyền sử dụng tay là chính, phạm vi di động không rộng, khác xa với Trường quyền bay nhảy rộng thoáng, cho nên mới có câu “Nam quyền Bắc cước”, “Nam quyền trọng thủ pháp, Bắc quyền trọng cước pháp”, điều này có liên quan đến địa thế phương nam Trung Quốc nhiều sông rạch, khe núi, ít bình nguyên. Thể hiện đặc điểm rõ nhất của Nam quyền là môn “Thuyền quyền” thịnh hành ở lưu vực Thái Hồ, có thể biểu diễn đủ các loại chiêu thức trên ván thuyền nhỏ chỉ vài mét vuông. Thuyền quyền cực kỳ mau lẹ, như mèo bắt chuột, phát đòn là trúng đích, chiêu thức như có như không, hư hư thực thực.

Thủ pháp của Nam quyền rất đa dạng: quyền chưởng, chỉ, trảo, câu, cùng các loại trữ pháp (cùi chõ), kiều pháp. Kiều pháp là thủ pháp đặc biệt của Nam quyền, tức co cánh tay thành hình chiếc cầu, tấn công theo hình thức quyền, bàn, thiết. Phát lực trong Nam quyền có 3 loại gồm phát lực mau lẹ, phát lực đoán kinh và phát lực nhanh đều. Nam quyền tuy lấy thủ pháp làm chủ nhưng đòi hỏi tấn pháp phải thật vững “vững như tháp sắt, ngồi như núi”. Do đó luyện trung bộ là công phu cơ bản. “Muốn học công phu võ công, trước phải học trát mã”, trát mã là trang công, bộ pháp. Nam quyền cũng rất chú ý đến thân pháp, tay - chân - thân mình linh hoạt thống nhất. Nam quyền trọng về tấn công, thường dùng đòn ngắn, chiêu

thức mạnh mẽ mưu lẹ, nên có câu “xúc tắc biến, phát như tiên” (Đụng đập là biến chiêu, ra đòn như tên bắn). Khi diễn luyện làm quyền phải trầm khí ở Đan điền, dùng lối hô hấp bụng, động tác nhanh chóng mà hơi thở không gấp.

Bài quyền của Nam quyền có trên trăm bài, khí giới có côn, dao, xoa, giản, búa, mâu, mộc, lại có cả cách sử dụng bồ cào, ghế ngắn để tấn công phòng vệ. Đặc điểm luyện tập của các loại khí giới cũng giống như quyền pháp, thực dụng và mau lẹ.

3. HÌNH Ý QUYỀN

Hình ý quyền lại có tên gọi là Tâm ý quyền, Tâm ý lục hợp quyền, Lục hợp quyền. Dụng ý của tên gọi này là “Tâm ý thành ở trong, chi thể hình ở ngoài”, là thể hiện của tâm ý, cũng là sự thống nhất hình và ý. Vì vậy, tâm ý, hình ý là đặc điểm chính của Hình ý quyền. Cũng có thuyết nói rằng, Hình ý quyền bao gồm rất nhiều nét đặc trưng của các loài động vật, như sự dũng mãnh của hổ, sự nhanh nhẹn của khỉ, sự vững chắc của gấu, là “loại quyền pháp theo hình lấy ý mà bắt chước theo” cho nên có tên là Hình ý quyền.

Đặc điểm của Hình ý quyền là đơn giản chắc chắn động tác ra vào ngay ngắn một co một duỗi, nhịp điệu rõ ràng, chặt chẽ “Hai chõ không rời khỏi sườn, hai tay không rời khỏi ngực”.

Lúc xuất quyền luôn kết hợp chặt chẽ với thân pháp và bộ pháp, toàn thân trên dưới tựa như vặn thành một sợi dây thừng, khó lòng tấn công vào. Lúc đi quyền phải trầm khí, thân thể ngay ngắn, bộ pháp vững vàng, ngực

trống mà bụng chắc, khí hạ đan điền, cương mà không cứng đờ, nhu mà không mềm yếu.

Hình ý quyền đòi hỏi sự kết hợp của 6 yếu tố gọi là “lục hợp”. Tâm hợp với ý, ý hợp với khí, khí hợp với lực, vai hợp với thắt lưng, cùi chõ hợp với gối, tay hợp với chân. Toàn thân phân làm 6 thức: thân rồng, bụng gấu, chân gà, trảo ưng, đầu hồ, tiếng sét, tức là mô phỏng theo các hình tượng trên. Hình ý quyền lại chia cơ thể làm 3 phần: đầu và tay là phần ngọn, thân mình là phần thân, chân là phần gốc. Ở phần ngọn, tay là ngọn, cùi chõ là đoạn ngọn, gối là đoạn giữa, chân là đoạn gốc. Lúc vận động yêu cầu “phần ngọn động, phần giữa theo, phần gốc thúc đẩy”. Toàn thân là một khối chỉnh tề, tuân thủ theo “bát yếu”: đỉnh, khẩu, viên, mãn, thùy, khúc, đĩnh, bao, nhằm giữ cho tư thế chính xác, giúp ích cho kiện thân.

Quyền pháp cơ bản của Hình ý quyền gồm có Ngũ hành quyền (Tý, băng, thuỷ, pháo, hoành), Thập hình quyền. Trang pháp (bộ pháp) có kê thoái trang, Ưng trang, Hùng trang. Quyền thế của Hình ý quyền chặt chẽ, chú trọng luyện lực “lập cơ bản, tráng kiện thân thể, làm cho xương cốt cứng rắn như sắt đá”. Kỹ thuật công thủ của Hình ý quyền trọng ở nhanh, mạnh, “tấn công lúc địch thủ không ngờ, xuất kỳ bất ý mà ra đòn”.

Hình ý quyền có thuyết nói là đầu đời Thanh cuối đời Minh do Cơ Tế Khả, người Bồ Thành, tỉnh Sơn Tây sáng chế ra. Cơ Tế Khả danh là Hàng Phong, võ nghệ cao cường, lừng danh một thời, nhưng quyền pháp sáng chế không truyền ra ngoài. Có người đất Hà nam là Mã Học Lê ngưỡng mộ Hình ý quyền, nhưng không có duyên bái Cơ Tế Khả làm thầy, sau mới giả dạng thành kẻ côn đồ đến nhà họ Cơ xin ăn. Cơ Tế Khả thấy Mã Học Lê thân thể

khỏe mạnh mới thuê làm công dài ngày, ba năm sau Học Lễ nói lại như thường, xin sư phụ cho về quê. Mọi người trong nhà biết là Học Lễ đến lén học võ nên không cho ra cửa, đòi phải đánh vỡ, nhưng mấy người giao đấu đều bị Học Lễ đánh bại. Cơ Tế Khà thấy Học Lễ thành tâm lại có nồng khiếu bèn cho Học Lễ ở lại truyền thụ Hình ý quyền 4 năm nữa. Từ đó Hình ý quyền lưu truyền khắp nơi.

4. THÁI CỰC QUYỀN

Khởi nguyên của Thái cực quyền có nhiều thuyết, nhưng thuyết cho là Trần Vương Đinh người ở Trần Gia Câu, huyện Ôn, tỉnh Hà Nam sáng chế là rất có cơ sở.

Trần Vương Đinh là một võ quan nhỏ đời Minh, tinh thông võ nghệ. Triều Minh bị diệt, Trần Vương Đinh về quê ẩn cư, cày cấy và dạy võ qua ngày. Ông hấp thu quyền pháp các nhà đời Minh và “Đạo dẫn thuật” của Đạo gia, lấy triết lý thái cực, âm dương làm cơ sở, sáng chế thành môn Thái cực quyền độc đáo, có tác dụng cường thân kiện thể, tu tâm dưỡng tính, lại có công năng phòng thân nhất định.

Thái cực quyền mà Trần Vương Đinh sáng chế vốn chỉ để luyện tập trong gia tộc họ Trần ở Trần Gia Câu, không truyền ra ngoài.

Vào năm Gia Tĩnh triều Thanh, Dương Lộ Thời ở huyện Vĩnh Niên, tỉnh Hà Bắc, vì nhà nghèo nên từ nhỏ đã vào làm nô bộc trong nhà Trần Đức Hô ở Trần Gia Câu. Lộ Thiên thông minh, thấy gia tộc họ Trần luyện Thái cực quyền bền thích mà luyện theo, sau được Trần Trường Hưng chỉ điểm, công phu càng cao thâm. Về sau,

Dương Lộ Thiền về quê, mở tiệm thuốc sinh sống. Thời gian sau, Lộ Thiền lên kinh thành truyền thụ Thái cực quyền, tự hình thành một phái riêng, gọi là Dương Thị đại giá Thái cực quyền. Thái cực quyền của Trần Gia Câu lại phân làm lão giá và tân giá. Người ở Vĩnh Niên, Hà Bắc là Võ Vũ tương bái Dương Lộ Thiền làm thầy, học Dương thị đại giá, lại học Trần thị tân giá, sau đó cải tiến, hình thành Võ Thị Thái cực quyền.

Lại có Tôn Lộc Đường từ nhỏ say mê luyện võ, tinh thông Hình ý quyền, Bát quái quyền, lại học Võ thi Thái cực quyền, dung hợp cả 3 nhà lại, hình thành Tôn thi Thái cực quyền.

Ngô Giám Tuyền người Mãn Châu, sau khi học Dương thị đại giá thì cải tiến hình thành Ngô thi Thái cực quyền riêng của mình.

Ngoài Thái cực quyền của 5 họ: Trần, Dương, Võ, Tôn, Ngô, lại còn có các lưu phái nhỏ khác.

Trừ Thái cực quyền ra, còn có Thái cực kiếm, Thái cực đạo, Thái cực thương, Thái cực côn, và đối luyện thôi thủ.

Mấy trăm năm qua, Thái cực quyền phát triển cực kỳ rộng rãi là nhân vì Thái cực quyền rất có công hiệu dưỡng sinh kiện thân, diên niên ích thọ.

Cho dù lưu phái của Thái cực quyền rất nhiều, nhưng đặc trưng cơ bản là giống nhau, tức là trong quá trình tập phải tập trung sức chú ý, tĩnh tâm dùng ý điều chỉnh hô hấp, kết hợp vận động tay chân với tĩnh tâm hình khí, phải trầm khí ở Đan điền, vận dụng lối hô hấp bụng thật sâu, cải thiện công năng hô hấp và tuần hoàn huyết dịch, nâng cao công năng trao đổi chất của cơ thể, làm cho ý, khí, thể phối hợp điều hòa, đạt đến công hiệu kiện thân

cực cao. Trong luyện tập Thái cực quyền đòi hỏi cơ thể ngay ngắn thoái mái, ôn nhu chậm rãi, mềm mại, động tác theo đường tròn (hoàn vô đoan) hoàn chỉnh, liên tục, hư thực phân minh, cương nhu tương tế, ngoài nhu mà trong cương, phát kình có đàm tính. Dương Trừng Phủ tổng kết 10 điều quan trọng khi luyện Thái cực quyền. Đầu ngay thẳng, thân ngực căng lồng, lồng eo hông, phân hư thực, trầm vai hạ khuỷu, dùng ý không dùng sức, trên dưới theo nhau, trong ngoài kết hợp, liên miên không dứt, trong động có tĩnh.

Mục đích của Thái cực quyền là cường thân kiện thể, diên niên ích thọ, nhưng cơ sở động tác là dựa trên dòn thế võ thuật, cho nên Thái cực quyền ở hình thức nào cũng có nét đặc sắc về chiến đấu nhưng phong cách chiến đấu của Thái cực quyền không giống như các môn phái khác, mà là “lấy tinh chế động”, “dùng nhu khắc cương”, “lấy thuận tránh hại”.

Vương Tông Nhạc trong “Thái cực quyền” nói: “Lấy 4 lượng đầy ngàn cân, không phải dùng lực”. Điều này nói rõ, thuật chiến đấu trong Thái cực quyền không phải ở chỗ phát lực dũng mãnh mà thuận theo kình lực đối phương mà bồi thêm lực.

Truyền nhân đời thứ 3 của Dương thị Thái cực quyền là Dương Trừng Phủ lúc ở Thượng Hải tỷ võ, đối phương dùng lực phóng quyền tới, Dương Trừng Phủ không rước cũng không đỡ, chỉ thuận tay kéo nhẹ một cái, quăng đối phương văng xa hơn trượng, đây chính là hiệu quả của thuật “Tránh hư đánh thực, mượn kình phát lực”.

III. KHÍ GIỚI - BINH KHÍ DÀI – NGẮN

Khí giới là một bộ phận quan trọng hợp thành võ thuật Trung Hoa. Võ thuật từ võ nghệ diễn hóa mà thành, võ nghệ binh khí cũng rất phức tạp, đa dạng, từ xã hội nguyên thủy, tộc Khương Vưu đã phát minh 5 thứ binh khí. 5 loại binh khí này đều là trên cơ sở gậy gộc gắn thêm đầu mũi nhọn. Đến thời Chiến Quốc có “ngũ binh”: dao, kiếm, mâu, kích, đống, đã có sự phối hợp binh khí dài ngắn. Đời Tống đã có “Thập bát ban võ nghệ”, tức là 18 món binh khí.

Trong Thủy Hử truyện, 18 món binh khí là “Mâu, chùy, cung, nõ, súng, roi, giản, kiếm, liên (xích), qua, phủ, việt, đống, kích, bia, bảng, thương, ba”.

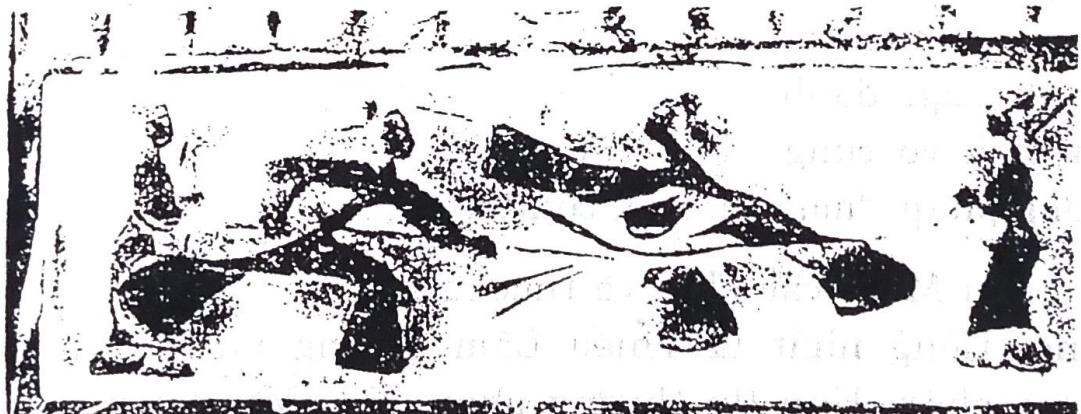
Đời Minh Chu Quốc Trinh viết: “Dũng đồng tiểu phẩm” thì nói “thập bát ban võ nghệ” là “Cung, nõ, thương, dao, kiếm, mâu, thuẫn, phủ, việt, kích, giản, quá, thù, xoa, ba đầu (bừa), sách sách, bạch đá, tiên”.

Trong mỗi loại binh khí lại còn nhiều kiểu khác nhau, như dao thì có đại dao, đoán dao, yêu dao... trong đoán dao lại chi ra Trực bối dao, Quỷ đầu dao, Liễu diệp dao, Nhạn sí dao, Vân đầu dao, Đại khản dao. Trên cơ sở ấy lại phát triển thêm nhiều món khí giới cổ lợi cho biểu diễn. Để có một quy phạm nhất định trong biểu diễn binh khí, binh khí trong biểu diễn Wushu Trung Hoa chia là 4 loại: Trường khí giới, Đoán khí giới, Song khí giới và Nhuyễn khí giới.

1. THƯƠNG (TRƯỜNG KHÍ GIỚI)

Trường khí giới tức binh khí dài, gồm có thương côn, đại đao, kích, xoa, búa, quải, nhưng thương được gọi là “bách binh chi vương”, đứng đầu các món binh khí, là loại khí giới rất quan trọng, đại biểu cho loại khí giới dài.

Thương là do mâu biến đổi mà thành. Mâu là binh khí sớm nhất, tức là gắn một đầu mũi tên (nhọn) ở đầu trên của chiếc gậy. Có 2 loại mâu xuất hiện từ thời Khương Vưu: trường mâu và đoán mâu. Kỵ binh đời Hán chủ yếu dùng mâu, “Bố lấy mâu đâm chết Phạm” (Tam Quốc Chí). Trong bức họa trên đất nung đời Hán “Cách đấu đồ” (Hình 4) được khai quật ở thành Trịnh Châu vẽ một người cầm mâu đâm tới, một người cầm kiếm phản kích, phía sau có một nữ tỳ, chứng tỏ đây là cảnh luyện tập võ nghệ.



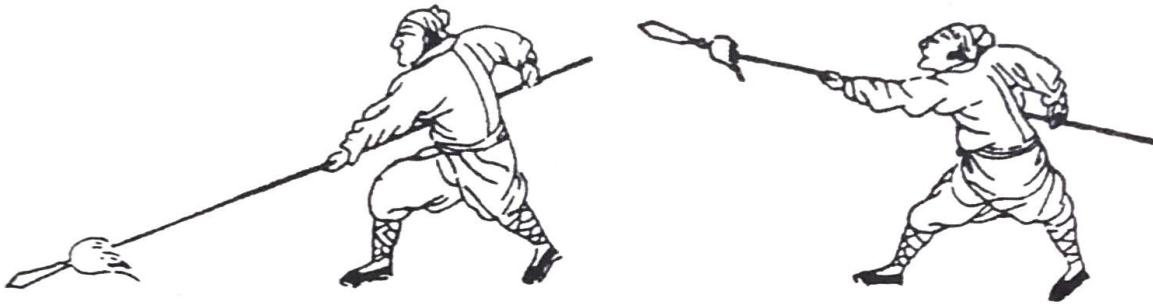
H.4 “Cách đấu đồ”

Từ đời Đường về sau, mâu dài được cải tiến ngắn hơn gọi là thương, cán dùng sắt đúc thành, gọi là thiết thương. theo “Cựu ngũ đại sử - Vương Kính Nghiêu truyện” có tả “Vương Kính Nghiêu khôi ngô dũng mãnh, giỏi võ thiện chiến, sử dụng thương được đúc bằng sắt, thương nặng hơn 30 cân, xung phong ra trận, đánh đâu thắng đó.”

Đời Tống, thương có nhiều chủng loại, theo “Võ kinh tổng yếu” ghi chép có đến 16 loại thương, chủ yếu là dựa vào công dụng khác nhau của mũi thương mà thay đổi. Như song câu thương, đơn câu thương, bút thương thường dùng cho bộ binh, đoán chùy thương, quái thương, tật lê thương dùng để phá thành, quái đột thương, tróc thương sử dụng để giữ thành, câu liêm thương dùng để phá thế trận kỵ binh... Do đó, vào đời Tống, nghiên cứu về thương pháp rất phát triển, lãnh tụ nông dân khởi nghĩa cuối đời Tống là Lý Toàn có ngoại hiệu là “Lý thiết thương”, vợ Lý Toàn là Dương Diệu Chân càng tinh thông thương pháp xuất chúng “35 năm cầm Lê Hoa thương”, thiên hạ vô địch thủ”. Trong “Kỷ hiệu tân thư” có nói: “Phép đánh trường thương bắt nguồn từ họ Dương (tức Dương Diệu Chân), gọi là Lê hoa thương, danh vang thiên hạ, biến hóa khôn lường, thần hóa vô cùng”. Đời Tống đã có nghệ nhân biểu diễn thương pháp, “múa thương, côn bán thuốc cao”.

Đời Minh các phái về thương pháp càng nhiều, trong đó nổi tiếng nhất là Thiếu Lâm thương pháp, Xà khẩu thương pháp, Hàn thị thương pháp, Nga My thương pháp, Sa gia thương pháp, Mã gia thương pháp, Lý gia đoán thương.

Thích Kế Quang tập hợp thành “Thương pháp đồ thuyết” (hình 5) truyền dạy cho binh sĩ (Kỷ hiệu tân thư).



H.5 Thương pháp

Đời Thanh, trong các tổ chức bí mật, có “Trường thương hội”, chuyên dùng trường thương làm binh khí, quân ở phía Bắc hướng ứng Thái bình thiên quốc cũng chuyên dùng trường thương.

Thời cận đại, phát triển 4 loại binh khí lớn là đao, thương, kiếm, côn. Thương chiếm vị trí trọng yếu trong võ thuật khí giới Trung Hoa.

Thương gồm các bộ phận mũi thương, ngù thương, cán thương hợp thành. Dài ngắn của thương bất đồng, võ thuật quy định độ dài của thương theo chiều cao người sử dụng đưa thẳng tay lên, ngón tay cách ngù thương không nhỏ hơn 1 nắm tay. Mũi thương dài 40cm, cán lớn bằng nắm tay, thương nặng 0,7 đến 1 kg. Thương pháp chủ yếu có trát, lan, nã pháp. Trát pháp cũng gọi là triệt thương, là thế đâm tấn công chủ yếu. Khi đâm thương phải ngay ngắn, mau lẹ, đâm ra thâu vào nhanh chóng, lực truyền đến mũi thương, đạt đến mức “xuất thương như giao long xuất thủy, thâu thương như mãnh hổ hồi sơn”. Trát thương phân làm thương bình, trung bình, hạ bình, trong đó trung bình thương là quan trọng nhất. “Trung bình thương là vua trong thương pháp, điểm ngay vào giữa khó chống đỡ”.

Đời Minh, Trình Tông Du viết: “Đơn thương pháp tuyển”, giới thiệu phép luyện trát thương như sau: “Triệt thương mỗi lần phải ra hết lực, tiến một bước đâm một thương. 45 bước là một tổ, đâm cho đến thấm mệt thì nghỉ. Sau đó không ngừng tăng số lượng đâm thương, cho đến khi có thể đâm một lần 500 nhát triệt thương”. Sau khi luyện triệt thương cho tốt mới luyện lan thương, nã thương. Lan thương, nã thương cũng gọi là cách thương, chủ yếu là phòng thủ, đỡ gạt. “Đơn thương pháp tuyển” giới thiệu lúc luyện cách thương nên phối hợp với triệt thương, đầu mũi thương dùng vải bọc lại thật dày để khỏi bị thương, một người triệt thương tấn công, một người cách thương phòng thủ, sau đó đổi bên. Động tác càng lúc càng nhanh, đến lúc thuần thực rồi thì bắt đầu luyện bài sáo lộ.

Ngoài ra thương pháp còn có các loại khác như băng, điểm, xuyên, tý, quyển, bạt, kiêu, luyện kình lực, bộ pháp... trong “thập bát ban võ nghệ, thì thương pháp là khó luyện nhất, nên có câu “học côn một tháng, học quyển một năm, học thương một đời”, nhưng khi luyện tốt thương pháp rồi thì rất dễ luyện các môn binh khí dài khác.

2. KIẾM (ĐOẢN KHÍ GIỚI)

Binh khí ngắn có đao, kiếm, roi, giản, câu. Kiếm là vua của các loại binh khí ngắn. Kiếm (gươm) là sự hợp thành giữa mâu và đao, có thể đâm, chém, là binh khí phòng thân tự vệ tốt nhất. Khi thuật luyện kim phát triển, binh khí được đúc đầu tiên là kiếm.

Vì trong quá trình đúc kiếm gặp nhiều khó khăn, nên càng làm tăng thêm tính thần kỳ của kiếm. Vương

hầu quý tộc dùng châu ngọc nạm chuôi kiếm, vỏ kiếm để tỏ ra vẻ sang giàu, được gọi là bảo kiếm, “phí tổn, thanh kiếm, đáng giá liên thành”. Thời Chiến Quốc thịnh hành đeo kiếm, cũng có đấu kiếm và múa kiếm giải trí. Đời Hán kế thừa nghi lễ đeo kiếm “từ thiền tử đến bá quan không ai không đeo kiếm” (Tân thư - Dư Phục Chí), đấu kiếm, múa kiếm đã rất thịnh hành. May bức thạch họa đời Hán, trong đó có bức “Đấu kiếm đồ” (Hình 6) khai quật được ở huyện Gia Tường, tỉnh Sơn Đông, vẽ hình 2 đôi kiếm thủ đang đấu kiếm, người xem ở 2 bên chống kiếm đứng chờ, nói rõ hoạt động đấu kiếm rất phổ biến trong thời kỳ này.

Đời Hán, kiếm không chỉ phòng thân mà còn dùng chiến đấu. Đại thần của Hán Cảnh Đế khi nghị luận về tính năng chiến đấu hơn kém của các loại binh khí nơi biên ải đã nói: “Đường quanh co khúc khuỷu, là nơi tốt để sử dụng kiếm, mộc” (Hán thư - Triều Thác truyện). Lúc này cũng đã xuất hiện hạng kiếm khách chuyên lấy kiếm thuật làm nghiệp dĩ, “lập công làm tướng quân, mấy mươi người được phong hầu, đô úy, hiệu úy hơn trăm người, đều là kiếm khách cả” (Tam Quốc Chí). Từ sau đời Ngụy Tấn, kiếm rời khỏi chiến trận, trở thành một món trang sức đeo bên người.



H.6 “Đấu kiếm đồ”

Đời Đường, ngoài “kiếm khí vũ” còn có múa kiếm “Thái thú Thủ Tuyễn có thể múa kiếm”. Trong bích họa của Đôn Hoàng có “Vũ kiếm đồ” (hình 7). Đời Tống, biểu diễn múa kiếm trở thành một tiết mục chuyên môn, Tống Thái Tông “tuyển dũng sĩ hàng trăm người chuyên luyện múa kiếm, có thể quăng kiếm lên không trung nhảy lên đón lấy, người xem đều ớn lạnh”. (Tục Tư trị thông giám trường thiên).

Đời Minh kiếm pháp đã có trên mười mấy dòng nổi tiếng “Họ Biện Trang có phân giải kiếm pháp, khởi lạc pháp của Vương Tu, Cố Ứng pháp của Lưu Tiên Chủ, Thiểm điện pháp của Mã Minh Vương, (Trần Kỷ). Từ đời Hán đến đời Thanh, kiếm thuật phát triển mạnh nhất là Đạo giáo. Đạo giáp coi kiếm là pháp khí, cũng là khí cụ để phòng thân, kiện thân.

Tích niên tầng ngộ Hỏa Long quân.

Nhất kiếm tương truyền bạn thử thân.

Nghĩa là: Năm ngoái từng gặp Hỏa Long chân nhân và được truyền kiếm cho (Lữ Nham - Đắc Hỏa Long chân nhân kiếm pháp).



H.7 “Vũ kiếm đồ”

Kiếm thuật đã trở thành môn khí giới tu luyện của tín đồ Đạo giáo. Những bài kiếm lưu hành hiện nay như Võ Đang kiếm, Thái Cực kiếm, Thanh bình kiếm, Bát quái kiếm, Côn nôn kiếm... đều là do Đạo giáo sáng chế.

Kiếm có 2 bộ phận chính là thân kiếm và chuôi kiếm, thân kiếm có mũi kiếm, lưng kiếm, lưỡi kiếm tạo thành. Chuôi kiếm có phần bảo hộ hổ khẩu tay. Kiếm dài ngắn khác nhau (trường kiếm, đoán kiếm), kiếm quy định biểu diễn cao ngang dưới tai vận động viên.

Đặc điểm của kiếm thuật là nhẹ nhanh, thanh thoát, linh hoạt, nhiều biến hóa, nên nói “kiếm xuất như phong”. Kiếm pháp có điểm, băng, thích, tí, vân, mạt... Múa bài kiếm phải chú trọng bộ pháp và yêu pháp (phần eo hông), phải đạt được “thân nhẹ bộ thoảng”, toàn bài kiếm phải liên tục đến hết, khí thế nhất quán, kiếm thân hợp nhất, bộ pháp nhẹ nhàng, phần eo hông uốn éo như rắn (xà hành).

Kiếm thuật có Đơn thủ kiếm, Trường tuệ kiếm, Song kiếm, đặc biệt là trường tuệ kiếm biểu diễn rất ung dung, tiêu sái, hư ảo tuyệt vời.

3. SONG ĐAO (SONG KHÍ GIỚI)



H.8 “Chiến đấu đao”

Song khí giới (đánh cắp binh khí) có song dao, song kiếm, song thương, song câu, trong đó song dao là thường gặp nhất.

Ở xã hội nguyên thủy, công cụ sản xuất và chiến đấu là một, dao là binh khí xuất hiện khá sớm nhưng đến thời kỳ xã hội nô lệ, đoản kiếm trở thành binh khí hộ thân, dao ít thấy xuất hiện. Dời Hán, kiếm và mộc (khiên) dùng cho chiến trận, nhưng qua thực chiến, lưỡi kiếm quá mỏng không thích hợp ở đại chiến ác liệt, do đó dao và mộc trở thành binh khí trọng yếu trong chiến trận đời Hán, kỵ binh và bộ binh đều sử dụng dao và mộc. Bức thạch họa “Chiến đấu đao” (hình 8) đời Hán được quật trong khu mộ Hán, tỉnh Sơn Đông có vẽ hình kỵ binh trên ngựa cầm đao và mộc, bộ binh cũng sử dụng đao và mộc. Lúc này giá trị sử dụng của đao rất lớn, thịnh hành tục đeo đao và đeo kiếm (Hậu Hán thư - Dư Phục Chí). Đại tướng Lý Quảng và sứ thần Tô Vũ thời Hán Võ Đế đều từng “rút bối đao tự đâm” nói rõ họ lúc bình thời đều có mang đao. Dời Tam

Quốc, đao được chế tạo ở trình độ cao. Năm thứ 2 đời Ngụy, Minh Cảnh Đế (năm 238), nữ vương Nhật Bản phái sứ thần sang, trong lễ vật hồi báo có “2 cây đao 5 thước” (Tam Quốc Chí - Đông Di truyện). Từ Ngụy Tân về sau, Cương đao là vũ khí quan trọng của bộ binh lẩn kỵ binh. Dời Đường, Lý Toàn viết trong “Thái bạch tâm kinh” có chép binh lính nhà Đường mỗi người đều mang một ngọn đao. Binh khí phòng thân trong dân chúng đời Tống chủ yếu là đao, trong “Thủy Hử truyện” tả bọn công sai và hảo Hán phần lớn là sử dụng yêu đao và phác đao.

Trên chiến trận cũng có sử dụng song đao. Như Mã Lân, Hồ Tam Nương ở Lương Sơn Bạc đều sử dụng song đao, trong lịch sử cũng có chiến tướng sử dụng song đao như Hồ Tá Hưng đời Tống, “Lâm chiến thường vung song đao nhập trận”, hay “Vương Anh, cha con đều dùng song đao, mọi người xưng là Dao vương” (Nguyên sử - Vương Anh truyện). “Minh sử - Vương Bật truyện” viết: “Vương Bật, giỏi dùng song đao, hiệu là Song đao vương”. Song đao thực ra là biến đổi của đao và mộc, một đao phòng thủ có tác dụng như mộc. Nhưng nếu sử dụng không thuần thục thì phòng thủ một đao không thể bằng mộc, vì diện tích bảo vệ của mộc rộng hơn nhiều. Thích Kế Quang trong “Kỷ hiệu tân thư” còn đề xướng dùng đao và mộc, vẽ hình biểu hiện (Hình 9) khoảng hậu kỳ đời Minh, đao pháp Trung Hoa chịu ảnh hưởng của đao thuật Nhật Bản. Trình tông Du trong “Đơn đao pháp tuyển” có nói, ông tìm kiếm danh sư để học đao pháp, có Lưu Văn Phong ở Triết Giang “học được đao pháp chân truyền của Nhật Bản” (nguyên văn là “Oa”, nên theo Lưu sư phụ học đao pháp, “rất là ảo diệu”. Các tổ chức bí mật đời Thanh có Tiểu đao hội, Đại đao hội đều lấy đao làm vũ khí chính yếu, do đó đao thuật càng lúc càng phát triển.



H.9 Luyện đơn đao trong “Kỷ hiệu tân thư” của Thích Kế Quang

Ngạn ngữ võ thuật nói: “Đao như mãnh hổ”. Đao pháp thể hiện tính cương mãnh, mau lẹ, đối luyện song đao lại càng thêm khốc liệt. “Thủy Hử truyện” tả Hổ tam nương và Mã Lân giao đấu, cả hai đều dùng song đao “trông như gió vụt ngọc tiêu, tuyết tán hoa quỳnh, Tống Giang thấy hoa cả mắt”. Biểu diễn song đao phải có khí thế hùng hực như mãnh hổ, cương kinh mạnh bạo, uy mãnh bức người. Có câu: “Đơn đao thì xem tay còn lại, song đao thì xem bộ pháp”, hay “bộ pháp không ổn thì đao loạn”. Vì thế trong luyện tập song đao phải chú ý phối hợp chặt chẽ đao pháp với thân pháp, bộ pháp.

Đao pháp có tí, tiêu, trám, thích, tảo, giá, uyển hoa, bối hoa. Đao có thể thực hiện các động tác như vòng qua đầu, cổ, hông, lưng mà các loại binh khí khác không thực hiện được.

4. LUU TINH CHÙY (NHUYỄN KHÍ GIỚI)

Trong hoạt động săn bắn ở xã hội nguyên thủy có phi thạch sách tức dùng dây buộc viên đá ở 1 đầu, quay trong tay rồi quăng đầu viên đá vào mảnh thú, ở phương Bắc, dân tộc du mục thường dùng lối quăng dây để bắt hoặc thuần phục ngựa, thú.

Hình thức sử dụng khí giới mềm được ra đời như vậy. “Tân thư - Lữ Quang truyện” có viết: Lữ Quang tấn công Tây Vực, trong quân có tướng “dùng dây quăng vào địch mà bắt, trúng rất nhiều người”. Trong “Thủy Hử truyện” tả Hồ Tam Nương sử dụng “Hồng cẩn sáo sách” (Dải lụa hồng) làm công cụ bắt đối phương. Trên cơ sở đó phát triển lên phi chùy, phi qua. “Võ bị chí” viết: “Phi qua giống như vuốt chim ưng vậy, dùng dây dài xuyên qua 1 đầu, dùng người có sức lực ném vào đối phương rồi thâu về. Phi chùy tức là Lưu tinh chùy, chùy có 2 loại: chính chùy và cứu mệnh chùy. Trong các hảo hán Lương Sơn Bạc, Loan ĐÌnh Ngọc sử dụng Lưu tinh*chùy.

Đời Tống, Lưu tinh chùy được cải biến thành dụng cụ biểu diễn gọi là “nữ chiêm”. Trước khi đấu võ, dùng “nữ chiêm” quay quanh võ đài, 2 đầu “nữ chiêm” buộc vải màu sắc sỡ.

Khí giới mềm ngoài phi chùy còn có cửu tiết tiên (roi 9 khúc), can tử tiên, tiêu tử tiên, thằng tiêu.

Lưu tinh chùy sử dụng trong chiến đấu là dùng 1 sợi dây dài 15-17 thước, 2 đầu dây đều có buộc 1 quả chùy đồng nhỏ bằng quả trứng vịt. Chỗ liên kết dây và chùy có

1 chuôi tròn nhỏ, thắt sợi màu. Còn có loại Đơn lưu tinh chùy, chỉ buộc quả chùy đồng vào 1 đầu dây.

Phương pháp sử dụng Lưu tinh chùy có các động tác vung, quay, né, quét. Điều quan trọng là phải nắm bắt được kỹ xảo sử dụng kình lực trong vận động quán tính. Các động tác thường theo đường tròn. Khi thâu vào có thể tùy ý cho chùy cuốn quanh cổ, thân, chân mà không cần dùng tay hỗ trợ, đạt đến mức độ “thâu phóng tự nhu” (tùy ý phóng ra, thâu vào). Đặc điểm sử dụng khí giới mềm là trong mềm thể hiện sự cứng rắn, trông như yếu đuối mà thật mạnh mẽ, lực điểm chính xác, ngắn ngủn vô thuật nói: “Khéo đánh Lưu tinh, thuận đánh roi”, đòi hỏi người sử dụng Lưu tinh chùy phải khéo léo, động tác thuần thực.

Biểu diễn Lưu tinh chùy không có bài cố định, nhưng có thể tự do tổ hợp các động tác khó tùy ý, cho dù sử dụng các chiêu thức cuốn dây quanh người mây vòng, chỉ thoáng một cái là giải ra ngay. Để tránh xảy ra va chạm khi chưa sử dụng thuần thực Lưu tinh chùy, người mới tập nên dùng bọc cát nhỏ thay cho quả chùy đồng.

IV. CÁC LOẠI PHƯƠNG THỨC ĐỐI LUYỆN

Đối luyện là một bộ phận rất độc đáo của võ thuật Trung Hoa. Hai người hoặc 3 người đối luyện bằng tay không hay khí giới, đều phải phối hợp rất chặt chẽ. “Giống như thật mà lại giả, nói là giả mà lại thật”. Việc điều chỉnh khoảng cách giữa 2 bên khi đấu là rất cần thiết để tạo ra vẻ “như thật”. Chẳng hạn, người cầm khí giới đâm người kia mà khoảng cách từ mũi nhọn đến thân người quá xa thì người xem thấy nét vụng về, không thật. Nhưng nếu đâm trúng làm bị thương người kia, thì... bể trò.

Đối luyện khởi xuất từ đối đả, nhưng ở mức cao hơn. Đối đả là đấu thực sự, hơn thua, sống chết, còn đối luyện phải thật thuần thực các động tác công thủ, tuy không phải chiến đấu thật sự nhưng tạo tình tiết hấp dẫn như thật.

Đối luyện là tinh hoa của võ thuật Trung Hoa, sự hình thành của đối luyện cũng thúc đẩy sự phát triển võ thuật Trung Hoa. Trong sử tịch và thạch họa đời Hán có nhiều tư liệu, nói rõ bộ môn đối luyện tay không và binh khí đã trở thành 1 hình thức giải trí hấp dẫn đương thời, có 3 bức vẽ xem đấu võ (khán tỷ võ đồ) mô tả rất rõ sự hứng thú của dân chúng đời Hán khi xem đối luyện binh khí.

Bức khắc đá khai quật được ở Vũ Lương từ, huyện Gia Tường, tỉnh Sơn Đông (hình 10) là một bức họa theo kiểu liên hoàn với 5 tầng.

- * Tầng 1 vẽ 1 người dẫn 4 thuộc hạ đang bẩm báo với Trưởng quan.
- * Tầng 2 là kéo xe đến.
- * Tầng 3 là nghênh đón.
- * Tầng 4 là xem thi đấu kiếm thuật.
- * Tầng 5 là trở về.

Bức họa đá này chứng tỏ: Đời Hán, đối luyện binh khí đã hấp dẫn cả tầng lớp quan trên. Trong trò giác đẽ ký “Đông Hải Hoàng Công” đối luyện binh khí trở thành phương thức biểu diễn câu chuyện.

Đến đời Tống, đối luyện binh khí trở thành một tiết mục biểu diễn trong “bách ký”. “Hóa trang thành hơn trăm tướng sĩ”, kéo ra 5, 7 đôi, hoặc dùng thương đầu bia, kiếm đầu bia, hoặc cầm đao thật đánh đỡ với nhau, hoặc bỏ đao dùng tay không đoạt đao... biến hóa đủ vẻ”.

Đời Nguyên, Minh khí khúc uất phát triển, trong đó luyện sử dụng binh khí là công phu không thể thiếu để diễn, như các lớp võ “ác hổ thôn”, “liên hoàn sáo”, “nhạn đẳng sơn”, “tam xóa khẩu”, “đại náo thiên cung”... đều là biểu diễn đối luyện binh khí.

Đối luyện võ thuật có tay không đối tay không, khí giới đối khí giới, tay không đối khí giới.



H.10 “Khán tỷ võ đỗ”

Đối luyện võ thuật “khán tỷ võ đỗ” là một hình thức biểu diễn võ thuật đặc trưng của Việt Nam. Trong đó, hai võ sư đối diện nhau, không có tay đỡ, không có khí giới, chỉ dùng tay không để thi đấu. Biểu diễn này đòi hỏi sự linh hoạt, nhanh nhẹn và kỹ năng cao超.

1. TAY KHÔNG ĐỐI TAY KHÔNG

“Lẽ ký - Vương chế” nói: “Phàm chấp kĩ luận lực, thích tú phương, khỏa cổ quăng, quyết xa ngự”. Khổng Dĩnh Đạt chú giải rằng; “Ở trần để lộ tay, chân, ra tài lực để thể hiện võ dũng”. Trong “Lẽ ký - Nguyệt lệnh” cũng nói; “Tháng mạnh đông, thiên tử lệnh cho tướng soái giảng võ nghệ, tập bắn, tập đánh xe, giác lực”. Giác lực tà bao gồm thi đấu võ và bật, đối luyện tay không (đồ thủ đối luyện) đã có từ thời kỳ nô lệ. Quân đội đời Hán thi đấu võ vật, người có thành tích cao có thể được thăng 1 cấp. Tào Phi trong “Điển luận” khen ngợi tướng quân Đặng Triển là “giỏi tay chân”, tức là tinh thông thuật giao đấu. Thạch họa đời Hán có nhiều bức vẽ giao đấu tay không. Bức “Quyền dũng đồ” khai quật ở Nam Dương, Hà Nam (hình 11) vẽ hình 3 người, người ở giữa đang kéo tê giác nõ, người bên phải thoái mā bộ, 2 tay duỗi ngang, người bên trái tấn mā bộ, đang xung quyền đánh tới, thể hiện khí thế dũng mãnh, can đảm. Cũng nên nói là đời Hán có nhiều đồ hình vẽ đấu bò, đấu thú, đây là 1 hình thức luyện tập chiến đấu khác.



Hình.11 “Quyền dũng đồ”

Đời Tống đã có các nghệ nhân chuyên môn “sử quyền” (biểu diễn quyền thuật) trong đó phần hấp dẫn nhất là đối luyện. (Song luyện hay tam luyện).

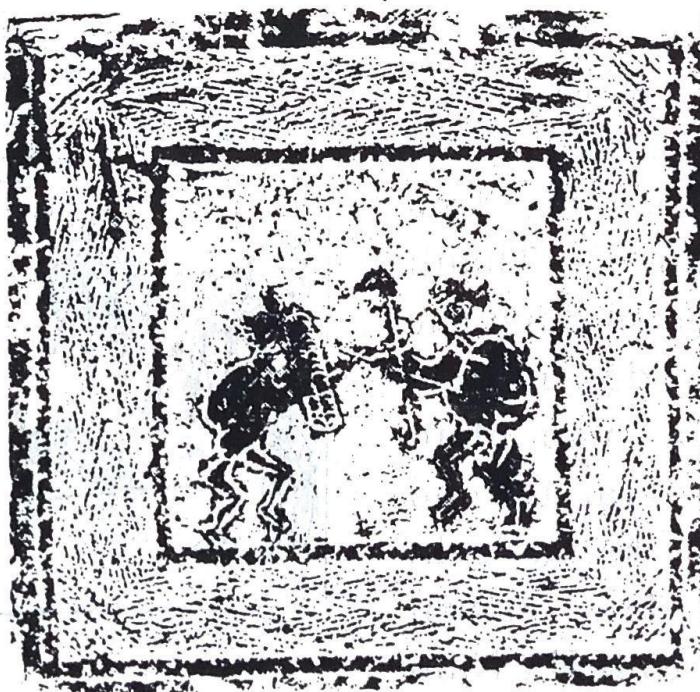
Trong “Tống triều sự thực loại uyển” có chép một chuyện: “Quan huyện lệnh Thằng Trì, tỉnh Hà Nam là Chửng Thế Hành biết cây xà đưa lên miếu trên núi rất nặng, nếu ít người không thể nào khiêng lên núi được, do đó mới tuyên bố là sẽ tổ chức một trận đấu quyền ở trước miếu, dân chúng kéo tới đông nghẹt. Lúc này, Chửng Thế Hành nói: “Mọi người hãy đưa cái xa này lên miếu, sau đó sẽ xem đấu quyền”. Mọi người vui vẻ xuống núi khiêng cây xà lên”. Qua đó có thể thấy, dân chúng đời Tống rất ưa thích xem đấu quyền.

Trong “Thập bát ban võ nghệ” đời Minh, món cuối cùng là bạch đả, tức là kỹ thuật chiến đấu tay không. Trong luyện tập quyền thuật đương thời đã có “đối vũ”, tức là đối luyện. Các tổ chức bí mật đời Thanh “Theo kỳ hẹn mà tụ chúng lại đấu võ, gọi là lượng quyền”. Trong tiểu thuyết có nói rất nhiều về đả lôi dài, cũng là phản ánh 1 phần đối luyện trong võ thuật.

Trong đối luyện, 2 bên phải phối hợp chặt chẽ, công thủ không được sơ suất, do đó một chiêu thức phải luyện thuần thục, chính xác, nhanh nhẹn, khéo léo. Các bài đối luyện quy ước phải được sắp xếp động tác công thủ sao cho thật hợp lý, cự ly tiến lui thích hợp. Đối luyện phát triển trên cơ sở đơn luyện (luyện tập cá nhân), do đó phải luyện rất công phu cơ bản cá nhân rồi mới có thể tiến hành đối luyện.

2. KHÍ GIỚI ĐỐI KHÍ GIỚI

Thời Tần, Hán đã có biểu diễn “đối vũ kiếm”, đời Hán có các loại đối luyện binh khí (khí giới đối khí giới), các bức thạch họa đời Hán khắc họa hình ảnh đối luyện các loại binh khí dài, ngắn. Bức “Cách đấu đồ” khai quật được ở huyện Vi Sơn, tỉnh Sơn Đông (xem hình 12) vẽ hình một người bên trái 1 tay cầm đao, một tay cầm mộc, người bên phải, 1 tay cầm đai, 1 tay cầm câu kẽm. Đây chứng rõ đời Hán đã thịnh đối luyện binh khí. Nhà dưỡng sinh học nổi tiếng đời Đông Tấn là Cát Hồng viết trong “Bão phác tử - Tự thuật” rằng; “Lại học thuật sử dụng gậy 7 thước, có thể đấu với binh khí bén nhọn, đoạt được kích lớn”, rõ ràng lúc này đã có chiến thuật dùng vũ khí không bén nhọn (gậy) chiến thắng khí giới bén nhọn.



H.12 “Cách đấu đồ”

Đời Đường, đại tướng Uất Trì Cung giỏi sử dụng tiêu (Tân Đường thư - Uất Trì kính Đức truyện). Đời Tống, đối luyện binh khí trở thành một trong các tiết mục biểu diễn giải trí “bách ký”, trong các tiểu thuyết miêu tả cảnh đối luyện hoặc đối trận giao chiến bằng binh khí rất sinh động.

“Thủy Hử truyện” hồi thứ 8 tả cảnh Lâm Xung dùng gậy đánh bại Hồng giáo đầu. Lâm Xung là miến cương ứng phó, khi thấy Hồng giáo đầu rối loạn bộ pháp bèn “cầm gậy từ dưới đất thọc lên, Hồng giáo đầu trở tay không kịp, buông gậy, té nhào xuống đất”. “Thủy Hử truyện” còn có hình vẽ minh họa rất sinh động (Hình 13).

Các võ thư đời Minh có nhắc đến “đối vũ” tức là 2 người đối luyện bằng binh khí. Cách luyện tập thương pháp cơ bản đối luyện là “một triệt một cách, một cách một triệt” tức bên đâm bên đỡ. Tiểu thuyết võ hiệp đời Thanh có nói đến việc sử dụng các loại binh khí để thi đấu hoặc đối luyện. Văn nhân là Nhan Tập Trai từ nhỏ đã tập kỵ, xạ, kiếm, kích, năm 57 tuổi đến huyện Thương Thủy, tỉnh Hà Nam bái phỏng hiệp sĩ Lý Mộc Thiên, “2 người bẻ trúc làm đao, đối vũ rất nhiều hiệp, Nhan đánh trúng cổ tay Lý”. Điều



này cho thấy phương thức đối luyện khá phổ biến, võ thuật cũng phát triển không ngừng.

Khí giới đối luyện trong võ thuật có rất nhiều, thường gặp nhất là đoàn binh đối luyện (kiếm đối kiếm, đơn đao đối song đao...), trường binh đối luyện (thương đối côn, thương đối đại đao), lại có trường - đoàn binh đối luyện như chủy thủ (gươm ngắn) đối thương, tiêu tử côn đối đao, thể hiện đầy đủ phong cách dũng mãnh, phát huy khả năng nhạy bén, mau lẹ.

Đối luyện binh khí cũng là phát huy đặc điểm các loại binh khí, trong đối luyện mỗi thứ binh khí có chỗ mạnh riêng, như đao đối đao thể hiện sự mạnh bạo, mau lẹ, cứng rắn. Kiếm đối kiếm thể hiện vẻ thanh thoát, tiêu sái, tạo hình đẹp, trong nhu có cương. Đao đối thương khốc liệt, nhịp điệu gấp gáp, khí thế hùng hực.

Cho dù là đối luyện loại binh khí nào, đều phải bắt đầu trên cơ sở đơn luyện thật thuần thục. Nếu không sẽ gây thương tích cho bạn đối luyện, chẳng hạn động tác đâm thương vào yết hầu mà khi đối luyện lại đâm vào tai thì làm sao phòng được. Nên phải phối hợp 2 bên thật chuẩn xác.

3. TAY KHÔNG ĐỐI BINH KHÍ

Tay không đấu với khí giới là hình thức đối luyện công thủ giữa 1 bên cầm vũ khí với 1 bên không. Vì hầu hết các bài biểu diễn loại này, kết thúc chung cuộc bao giờ bên tay không cũng đoạt binh khí, hạ bên cầm vũ khí, nên còn gọi là “không thủ đoạt binh”, cổ đại gọi là “Không thủ nhập bạch nhẫn”. Tào Phi trong “Điển luận” khen ngợi tài năng võ nghệ của tướng quân Đặng Triển rằng: “Triển giỏi quyền thuật hiểu được cách dùng 5 loại binh khí, lại có thể tay không đoạt binh khí”. Câu nói này có 3 tầng thứ. Thứ nhất là giỏi quyền thuật, tạo nền cơ bản cho tay chân; thứ hai là hiểu rõ cách sử dụng 5 loại binh khí; thứ ba là trên cơ sở am tường quyền thuật và binh khí mới có thể tay không đoạt binh khí của đối phương. Đời Hán võ nghệ rất phát triển, người như Đặng Triển “tay không đoạt binh khí” không ít, như Điển Vi chẳng hạn. Tào Tháo đánh Uyển Thành, trương Tú trước hàng sau phản, dẫn mấy trăm quân cảm tử đánh thẳng vào trung quân đại tướng của Tào Tháo. Trung quân đô úy là Điển Vi cầm kích đánh chết hơn 10 người, nhưng quân địch đã vây chặt, binh khí dài không thể sử dụng, Vi bèn vứt kích, dùng tay không đánh rơi vũ khí của quân địch, “2 tay kẹp 2 tên mà đánh chết, bọn còn lại không dám tiến lên” (Tam Quốc Chí - Điển Vi truyện). Họa đá đời Hán cũng có mấy bức vẽ cảnh tay không đối binh khí. Bức họa đá “Tỷ võ đồ” (Hình 4) khai quật được ở thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô, phía bên phải vẽ 1 viên quan lớn, tay cầm Hoàn đầu đao, tượng trưng cho quyền lực, có 3 quan lại đội mũ võ quan đang bái phục dưới đất. Bên trái là 2 võ sĩ đang đấu võ, một võ sĩ

mặc giáp đội kim khôi, 2 tay cầm trường kích đâm tới, võ sĩ kia tay không, không mặc giáp đội mũ, có vẻ như anh ta đang thoái bộ để tránh đòn tấn công, nhưng nhìn thần thái ung dung của anh ta ngoài đầu như đang tìm cơ hội phản kích đoạt binh khí. Bên trái hình vẽ 1 nữ tì, chồ trống lại vẽ 1 con chim lớn, chứng tỏ thân phận của 2 võ sĩ rất cao. Ở giữa có 1 người mặc trường bào chấp tay đứng tựa như trọng tài hay quan giám khảo.



H.14 “Tỷ võ đố”

Từ bố cục toàn cảnh có thể thấy đây là 1 bức họa cảnh khảo thí tướng quân đời Hán, tay không đấu binh khí là 1 môn thi đấu. 3 người đang bái tạ là đã thi xong, đang chờ nghe tuyên bố, 2 người bên trái đang tiến hành giao đấu. Đồ hình rất sinh động chứng tỏ môn “tay không đối binh khí” đời Hán rất phát triển vượt bậc. Đời Tống trong biểu diễn “bách ký” đã có tiết mục “bách doan” tức tay không đối binh khí. “Thủy Hử truyện” miêu tả cảnh “Võ Tòng đại náo Phi Vân phố”, Võ Tòng mang gông cùm sắt nặng hơn 7 cân rưỡi, có thể đánh chết 4 công sai mang binh khí.

Đời Thanh, kỹ thuật “tay không đối binh khí” càng phát triển vượt bậc. Để phòng thân tự vệ, quyền thuật là phương pháp hữu hiệu nhất, phòng ngừa binh khí đánh lén là chuyện rất thường gặp, do đó trong công phu Thiếu Lâm có môn “không thủ nhập bạch nhận” (tay không phá khí giới), công phu này chú trọng luyện nhãn pháp, thân pháp, gọi là “nhãn quan tứ lộ”, chỉ có hiểu được lộ tuyến tấn công của binh khí đối phương mới có thể chế ngự một cách hữu hiệu được.

Tay không đối binh khí thường là đối đao, đối thương và một số loại binh khí khác. Phương pháp cơ bản là sau khi đơn luyện thuần thục rồi mới cùng người khác diễn luyện. Người tay không phải có thân thể nhanh nhẹn, động tác linh hoạt, tập được các động tác tránh né, bay nhảy ở mức độ cao, bình tĩnh, gan dạ, mới có thể thể hiện tính hấp dẫn mà an toàn khi biểu diễn.

V. QUYỀN THUẬT ỨNG DỤNG TRONG THỰC TẾ

Quyền thuật (tay không) là kỹ thuật phòng thân tự vệ có thể sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày, vào thời bình khí còn thô sơ, kỹ thuật sử dụng vũ khí chưa nâng cao thì đồ thủ (võ tay không) rất là quan trọng.

“Xuân Thu Công Dương truyện” có chép 1 truyện thế này: Đại phu Tống Vạn của nước Tống là một dũng sĩ, nhưng trong 1 lần giao chiến với quân Lỗ bị trúng tên, bị bắt làm tù binh. Về sau 2 nước Lỗ - Tống giảng hòa, Tống Vạn được trả về nước Tống và vẫn làm đại phu, nhưng Tống Vạn luôn coi việc bị bắt trước kia là một nỗi nhục lớn. Một hôm, Tống Mẫn Công gọi Tống Vạn vào cung trò chuyện vui chơi, vô ý nói đến vua nước Lỗ, Tống Vạn hết lời tán tụng vua Lỗ là người uy vũ. Trước mặt các cung nữ, Tống Mẫn Công cho là những lời nói ấy cố ý châm chọc mình, bèn nói giọng châm chọc lại; “Ngươi từng là tù nhân của hắn đương nhiên phải nói tốt cho hắn”. Câu nói này động vết thương lòng Tống Vạn, lửa giận sôi lên, quên hết nghĩa vua tôi, vừa chưởi “hôn quân”, vừa tung quyền đánh tới. Chỉ một quyền đánh trúng làm cho Tống Mẫn Công gãy lìa cổ, chết ngay. Tống Vạn vội vàng chạy khỏi cung, đám cung nữ không ai dám cản, chạy đến cửa cung thì gặp đại phu Cửu Mục. Cửu Mục nghe nói Tống Vạn đánh chết vua, bèn vung kiếm đâm thẳng tới, Tống Vạn né được ngọn kiếm ấy, dùng hạ câu quyền đấm móc vào quai hàm Cửu Mục. Cú đấm quá mạnh làm vỡ hàm dưới Cửu Mục, một chiếc răng bay dính vào cửa cung. Từ đó, có thể thấy,

từ hơn 2000 năm trước, kỹ thuật và sức mạnh đòn đánh đã đạt đến trình độ khá cao.

Đến đời Hán, kỹ thuật chiến đấu tay không càng được coi trọng, trở thành mục huấn luyện không thể thiếu trong quân đội. Tuy ít sử dụng trên chiến trận nhưng thường dùng để bảo vệ cung đình, bắt sống các toán giặc nhỏ. Hán Vũ Đế chinh phạt Hung Nô, bắt sống thái tử Kim Nhật Thiền, cho vào cung đình nuôi ngựa, Kim Nhật Thiền là người trung hậu, thân thể cường tráng, giỏi võ nghệ, được tin dùng làm vệ sĩ trong tẩm cung. Khi Bôn Hà La mưu phản, ban đêm vào tẩm cung muốn giết Hán Vũ Đế, bị Kim Nhật Thiền phát giác, bắt được (Hán thư - Kim Nhật Thiền truyện). Theo chú thích của Mạnh Khang, thì Kim Nhật Thiền áp dụng chiêu “Tốt hổ”, từ phía sau kẹp cổ quật xuống, đây là chiêu rất hữu hiệu trong đấu tay không.



Bức họa trên ngôi “**Sơn trung cách đầu đồ**” (Hình 15) khai quật được ở Trịnh Châu, Hà Nam có miêu tả cảnh 4

người, người bên trái đứng, tay cầm câu liêm, bên phải là một người đang giương cung chuẩn bị bắn. Hai người ở giữa, người trước chuẩn bị chạy, người sau từ phía sau kẹp cổ chuẩn bị quật xuống bắt giữ. Hình này thể hiện kỹ thuật cầm nã thủ là rất quan trọng trong việc bắt sống đối phương.

Vật vốn cũng là 1 bộ phận trong chiến đấu tay không (đồ thủ cách đấu). Từ thời Trung Quốc cổ đại, vật đã đơn độc phát triển thành 1 môn hoạt động giải trí, cho nên trong Wushu Trung Hoa không nói nhiều đến nguồn gốc của vật. Nhưng từ môn tán đá mà nói thì đá, đánh, vật, cầm nã đều được phép sử dụng, nên vật cũng là 1 hình thức chiến đấu khá phát triển từ thời cổ đại. Năm 1975, trong khu mộ đồi Tần ở núi Phụng Hoàng, thành phố Giang Lăng, Hồ Bắc khai quật một bức "**Tượng phốc đồ**" họa bằng sơn. (Hình 16)



Hình vẽ 3 người đều ở trần, chỉ đóng khố, thắt dây ngang lưng, một người đứng bên như là trọng tài, hoặc là người dự bị. Hai người ở giữa đang bá vai vật nhau. Đây rõ ràng là hình thức vui chơi, phát triển cực thịnh vào đời Tống, các “ngõa tử” (những người biểu diễn võ vật) ở thành thị nào cũng có. Đời Nam Tống ở thành Lâm An có 5,60 nghệ nhân chuyên nghiệp. Đấu vật ngoài biểu diễn giải trí ra còn để thi đấu, giành chức vô địch.

“Lập lô dài ở ngọn núi phía Nam chùa Hộ Quốc để giao đấu, chọn lựa những tay sức khỏe phi thường, thiêu hạ vô địch, mới có thể đoạt được phần thưởng”. (Mộng lương lục).

Lộ dài nguyên là dài cao để tế trời cầu Thần, về sau sử dụng làm chỗ đấu vật sau khi tế thần, sau cùng mới trở thành đá lôi dài. “Thủy Hử truyện” hồi thứ 74 tả cảnh Yến Thanh và Nhâm Nguyên giao chiến trên lộ dài ở miếu Thái Sơn. Nhưng đá lôi dài đời Tống là kiêm cả võ và vật. Hồi thứ 104 tả Đoàn Tam Nương và Vương Khánh giao chiến “sử dụng thế Hắc hổ đào tâm, một quyền phong vào ngực Vương Khánh”. Hồi thứ 28, Võ Tòng say đánh Tưởng Môn Thần, chiêu thức sử dụng là “Ngọc hoàn bộ, uyên ương cước”: “bay lên đá chân trái, đá trúng rồi liền xoay người lại bay đá chân phải”. Do vậy, đánh nhau bằng tay không đã dung nạp vật, đánh, đá, cầm nã, là hình thức của tán thủ hiện nay (Sanshou).

Đến đời Minh, Thanh “đá lôi dài” nói trong tiểu thuyết đã hàm nghĩa là đấu tay không, không phân biệt võ hay vật nữa. Trong võ lâm có 1 quy định về võ đức rất quan trọng là trong giao đấu không được vô cớ làm bị thương đối thủ. “Thanh triều đã sử đại quan - Nga My, Vương Chinh Nam là truyền nhân phái Nội gia quyền, Nga

My tăng là thuộc phái Thiếu Lâm, hai người giao đấu có ý tranh tiếng về môn phái, nhưng sau cùng “Trương biết là không địch nổi, bèn chạy đi, tăng không đuổi theo”. Giao đấu chỉ so về võ nghệ, tuyệt đối không làm tổn hại đối phương.

Đầu năm Dân Quốc, thể dục hiện đại truyền vào Trung Quốc, cách thức thi đấu cũng truyền nhập vào thích hợp với thi đấu “đá lôi dài” truyền thống. Thường xảy ra những trận đấu giữa quyền thuật phương Tây với quyền thuật Trung Hoa, như Hoắc Nguyên Giáp năm 1905 tại Thượng Hải đánh bại đại lực sĩ Tây Âu Opiin; Hàn Mô Hiệp năm 1915 tại Bắc Kinh đánh bại võ sĩ người Nga; Vương Tử Bình năm 1921 tại Thượng Hải “Vạn Quốc Khắc Võ trường” đánh bại võ sĩ người Mỹ nổi tiếng Jean Salin, đều là dùng phương thức đá lôi dài tiến hành thi đấu, phân thắng bại, thi đấu đối kháng trực tiếp trở thành 1 bộ phận trong Wushu Trung Hoa.

1. TÁN THỦ

Tháng 10-1928, Trung ương quốc thuật quán cử hành “Cuộc thi võ thuật toàn quốc lần thứ nhất”, thời gian thi đấu 10 ngày, có môn tán thủ (Sanshou) lần đầu tiên xuất hiện chính thức trong thi đấu Wushu Trung Hoa. Nhưng phương pháp thi đấu lúc bấy giờ rất đơn giản, không phân biệt thể trọng, không có quy tắc hạn chế, không mang dụng cụ phòng hộ, dùng tay, chân, chõ, gối đánh trúng bất cứ bộ vị nào của đối phương đều được 1 điểm. Năm 1933, “Cuộc thi võ thuật toàn quốc lần thứ 3” tổ chức tại Thượng Hải đã có cải tiến, phân cấp theo thể trọng, có mang công cụ bảo hộ, cấm đánh vào đầu và hạ bộ.

Sau năm 1945, nước Trung Hoa mới thi đấu tán thủ được điều chỉnh và hoàn thiện về quy chế thi đấu. Tháng 5-1980, tại thành phố Thái Nguyên tiến hành tổ chức đại hội giao lưu võ thuật, đề ra “Quy chế thi đấu tán thủ toàn quốc”, năm 1981, 1982 tiến hành thi đấu thí điểm theo luật mới, phát triển theo phương thức “tích cực, ổn thỏa”, mỗi năm cử hành 1 lần về giải biểu diễn hoặc đối kháng. Năm 1989, qua phê chuẩn của ủy ban thể thao quốc gia, tán thủ được chính thức liệt vào bộ môn thi đấu thể thao.

Tán thủ trong Wushu Trung Hoa không giống môn Quyền Anh chỉ dùng quyền, không giống Quyền Thái dùng đầu húc, cắm chõ, lén gối, càng không giống Nhu đạo (Judo) của Nhật Bản chỉ có thể vật, quăng. Đặc điểm của tán thủ là “Xa thì đá, gần thì đánh, sát người thì vật”, có thể phát huy hết mức khả năng chiến đấu toàn thân, phải dũng cảm, linh mẫn, cơ trí, nắm bắt được kỹ thuật thủ pháp, cước pháp, thân pháp, mới có thể chiến thắng. Quy chế quy định, phía sau đầu, cổ, hạ bộ là vùng cấm không được đánh, không có dùng chõ, gối tấn công đối phương quá mạnh. Vì thế tán thủ là môn hoạt động có tính đối kháng cực cao nhưng lại an toàn.

Muốn tham gia thi đấu tán thủ trong Wushu Trung Hoa phải có công phu cơ bản vững chắc. Công phu cơ bản phải luyện tập gồm có quyền pháp 7 loại, cước pháp 10 loại, suất pháp 26 loại, ngoài ra còn phải luyện các động tác phòng thủ, tránh né. Vì thế, bạn phải qua quá trình huấn luyện khoa học dưới sự chỉ dẫn của thầy giỏi, mới có thể tham gia thi đấu môn tán thủ.

2. THÔI THỦ

Thôi thủ là một hình thức vận động mang tính đối kháng rất đặc sắc được sáng chế từ Thái cực quyền. Thôi thủ lấy phương thức cực kỳ mềm mại để tiến hành đối kháng cực kỳ khốc liệt, thể hiện sự độc đáo “ngoại viễn nội phuơng” (Ngoài tròn trong vuông) của văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Trong “Đả thủ ca” sáng tác vào đầu đời Minh nói rằng: “Băng, loát, tẽ, án (4 động tác trong Thái cực quyền) phải nắm kỹ, trên dưới tương tùy đối thủ khó tiến. Dù đối thủ dùng sức thật mạnh đánh ta, ta dùng sức 4 lượng đẩy đi ngàn cân của đối thủ...” nói rõ Thái cực quyền từ lúc sáng chế đã có tính đối kháng độc đáo riêng, cái độc đáo ấy là kế thừa các phương pháp “lấy tĩnh chế động”, “tránh thực đánh hư”, “thuận kình phát lực”. Chỗ tối trọng yếu trong Thôi thủ Thái cực quyền là thính kình, tức là căn cứ vào thân pháp và động tác của đối thủ mà cảm giác được chính xác “thể” và “lực” của đối thủ để có phản ứng thích hợp. Trước khi “thính kình” cần phải “dẫn thủ”, tức là trước khi đối thủ chưa phát kình dùng chiêu thức dụ đối thủ phát lực, thử hư thực của đối thủ, khi phát hiện đối thủ sắp phát lực, bèn áp dụng thủ pháp “hậu phát tiên chí” (ra đòn sau mà đến đích trước), phá lực phát của đối thủ, hoặc sử dụng thủ pháp di chuyển hóa giải sức mạnh của đòn đánh đối thủ, đồng thời hướng đối thủ vào phương hướng tấn công của mình. Đại sư Thái cực quyền Dương Trừng Phủ, Tôn Lộc Đường khi thôi thủ với người khác tuyệt đối không chủ động phát lực, tiến thoái xoay vòng, nhưng khi đối phương sắp phát lực là phát giác ngay,

thuận thế mà đẩy (thôi), mượn lực đối phương bồi thêm lực mình, có thể đẩy đối thủ văng xa hơn 10 thước.

Thôi thủ Thái cực quyền chỉ có thể sử dụng 2 tay đẩy, kéo, không được sử dụng vật hay cầm nã, đây là chỗ khác biệt rất lớn với thi đấu tán thủ trong Wushu.

Phương pháp Thôi thủ có 8 loại: một là băng tức là dùng cánh tay đỡ đối thủ, phát lực lò xo từ trong ra ngoài. Băng kình trong Thôi thủ có tác dụng làm hoãn xung lực của đối thủ, lại dính sát vào đối thủ dựa theo đó mà đẩy nghịch lực. Hai là loát (vuốt), tức là một tay men theo cổ tay đối thủ mà dẫn đối thủ theo hướng xiên với 2 bên mình. Loát kình trong Thôi thủ có thể thay đổi phương hướng phát lực của đối thủ, hoặc làm phân tán lực của đối thủ không cho tụ lại một điểm. Thực hiện thủ pháp này, chân phải khuỷu thấp, cánh tay buông lỏng, xoay hông mới có thể phát kình được. Ba là tê, là dùng phần trước cánh tay đẩy đối phương, cũng là phát tê kình. Tê kình có tác dụng bức đối thủ không được chuyển động, lại sử dụng cánh tay đẩy phụ để hợp lực lại một chỗ. Bốn là án, 2 tay dùng lực kéo đè xuống ra trước, tức là án kình. Án kình trong Thôi thủ có tác dụng ức chế lực đối phương không cho hướng lên, chỉ cho hướng xuống, lại có thể dính theo đối thủ phát lực đẩy tấn công. Án kình phải sử dụng lực ở hông, chân phối hợp ý khí. Năm là thái, tức là động tác nắm lấy tay hoặc khuỷu tay đối thủ kéo từ trên xuống. Sáu là liệt, dùng lực đẩy ngang ra ngoài hoặc là động tác thái theo chiều ngang (hoành thái), trong thôi thủ thường áp dụng thủ pháp này để di chuyển phương hướng phát kình lực của đối thủ, đồng thời có thể đẩy đối thủ ngã ngửa. Bảy là trêu, tức thông qua sức xoay chuyển cánh tay trên hoặc phần cùi tay mà phát lực. Trong thôi thủ, khi đối thủ

vuốt (loát) cùi tay ta, ta thuận thế dùng cùi tay đánh ra trước, hoặc ta dùng 1 tay bám dính vào tay đối thủ, tay kia co khuỷu xoay áp cánh tay đối thủ. Tám là kháo, là phát lực thông qua vai, lưng, hông đẩy ra phía ngoài. Trong Thôi thủ khi đối phương và ta sát vào nhau, dùng vai hoặc lưng, hông đẩy nhau, chính là lực khác. Nǎm bắt được 8 loại thủ pháp này là có thể tiến hành Thôi thủ được rồi.

Thái cực Thôi thủ còn gọi là đả thủ, nhu thủ. Phương pháp Thôi thủ có Đơn thôi thủ, Song thôi thủ, Định bộ thôi thủ, Hoạt bộ thôi thủ, Đại nhu thôi thủ, Tán thôi thủ, trong đó định bộ song thủ là thủ pháp cơ bản nhất, cũng gọi là Tứ chính Thôi thủ. Lúc luyện tập, 2 người đứng đối diện, một chân trước, một chân sau bộ pháp giữ nguyên không động, tiến hành các thủ pháp băng, loát, tẽ, án. Hoạt bộ thôi thủ là trên cơ sở Tứ chính thôi thủ, 2 người di động bộ pháp, một tiến một lùi theo đường thẳng. Đại loát thôi thủ cũng áp dụng các thủ pháp băng, loát, tẽ, án, vì kinh lực phần lớn là theo hướng xiên, cho nên còn gọi là tứ ngung thôi thủ (thôi thủ theo 4 góc). Tán thôi thủ là 2 người đẩy kéo không còn chấp vào hình thức, không theo trình tự thôi thủ cố định, hình thức càng tự do thì kỹ thuật càng phải cao.

Đặc điểm của Thái cực thôi thủ là “Đối kháng không tách lìa”, “lấy tĩnh chế động”, “lấy nhu chế cương”, yếu lĩnh không khác Thái cực quyền. Nhưng trong Thôi thủ, “tĩnh” không phải là ngừng hoạt động tư duy, mà là chú ý tập trung cao độ, phán đoán chính xác đối thủ sử dụng sức như thế nào, mạnh hay yếu, phương hướng và bộ vị, để kịp thời phản ứng, đó tức là phải nắm bắt được “thính kình” mới có thể “sử kình”. Nhu trong Thôi thủ không phải lỏng yếu vô lực mà là “Miên lý tàng châm” (kim giấu trong bông), lấy

khéo chiến thắng, tránh thực đánh hư, dùng tiểu kình thắng đại lực, như đối thủ dùng lực rất mạnh tấn công, ta phải di chuyển để tránh đồng thời bồi lực của mình vào hướng phát lực đối thủ, tức là “tiên hóa hậu phát” (hóa giải trước phát lực sau). Thôi thủ ở lúc đầu chưa hiểu về đối thủ, phải áp dụng “thính kình”, địch nhanh thì ta phản ứng nhanh, địch chậm thì ta phản ứng chậm, sau khi biết người biết ta thì tùy thời thuận thế hướng lực đối thủ vào chỗ không, ra tay chế thắng. Thái cực Thôi thủ là một môn vận động có tính đối kháng cao, có thể trao đổi tài nghệ mà không nguy hiểm, giúp rèn luyện năng lực phản ứng cơ thể, nâng cao các tố chất linh hoạt tốc độ, sức mạnh, mềm dẻo...

VI. CÁC TỔ CHỨC VÀ THẮNG ĐỊA VÕ THUẬT TRUNG HOA

1. THIẾU LÂM TỰ

“Quyền thuật công phu tại Thiếu Lâm”, mọi công phu quyền thuật trong thiên hạ đều xuất phát từ Thiếu Lâm. Thiếu Lâm Tự là nơi trải qua bao thăng trầm của lịch sử, đồng thời có công hiến rất to lớn trong quá trình phát triển và truyền bá võ thuật Trung Hoa.

Thiếu Lâm Tự ở phía dưới ngọn Ngũ Nhĩ Phong phía bắc núi Thiếu Thất, huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam, bắt đầu xây dựng vào năm Thái Hòa Cao Tăng của Ấn Độ, Sơ tổ của Phật giáo Thiền tông Đạt Ma từng ở đây tu luyện, truyền giáo, “Cửu niêm diện bích”, vì thế có nhiều thuyết nói rằng Đạt Ma đã truyền thụ Đạt Ma thập bát thủ, Đạt ma kiếm. Thuyết này hoàn toàn không đáng tin cậy, vì Đạt Ma ở chùa Thiếu Lâm là tọa thiền (diện bích) chứ không phải truyền dạy môn đồ, và lại những chiêu thức trong Đạt Ma thập bát thủ và Đạt Ma kiếm có phong cách tương đồng với chiêu thức quyền, kiếm Trung Hoa.

Cần nhấn mạnh rằng, thời kỳ Nam Bắc triều, Hà Nam là nơi mà các dân tộc hỗn chiến, khói lửa triền miên, để bảo vệ tài sản trong chùa, Thiếu Lâm Tự từ ngày xây dựng đã thành lập đội tăng binh vũ trang, rất nhiều chùa miếu đương thời đều như vậy cả. Khoảng cuối đời Tùy, nông dân toàn quốc khởi nghĩa, quần hùng cát cứ, Thiếu

Lâm Tự ở vào quãng đất giao chiến giữa Đường Vương Lý Uyên với Trịnh Vương Vương Thế Sung.

Năm Võ Đức thứ 6 (năm 602), Tân Vương Lý Thế Dân suất lĩnh 4 vạn tinh binh đông chinh, đánh bại đại tướng Đơn Hùng Tín của Vương Thế Sung, đưa quân tiến thẳng đến Lạc Dương. Lúc này các võ tăng Thiếu Lâm Tự quyết định đánh giúp Đường Vương.

Theo “Tung Nhạc Thiếu Lâm Tự bi” thì các võ tăng Chí Tháo, Huệ Dương, Đàm Tông dẫn tăng binh tấn công bắt sống cháu Vương Thế Sung là Vương Nhân Tắc về triều, được Tân Vương Lý Thế Dân ban thưởng rất hậu. Khi Vương Triều Đại Đường thống nhất thiên hạ lại ban cho Thiếu Lâm Tự “40 khoảnh đất, trồng tùng bá xung quanh, nhận nhiều ân sủng, đời đời được kế tục”. Từ đó có thể thấy, Thiếu Lâm Tự vang danh khắp nơi, khởi đầu là do các võ tăng chọn được thời cơ chính trị thích hợp, được giai cấp thống trị che chở, còn Chí Thái đại sư suất lĩnh chúng tăng, có thể bắt sống được cháu Vương Thế Sung rõ ràng con số võ tăng tham gia chiến trận không phải là ít, sau này lại cho là “13 côn tăng cứu Đường vương” hẳn là không tránh khỏi hư cấu.

Thiếu Lâm Tự được triều Đường che chở tiếp tục duy trì đặc quyền huấn luyện tăng binh võ trang, vào cuối đời Đường các phiên trấn có tình trạng cát cứ, võ tăng Thiếu Lâm từng cấu kết với tiết độ sứ Tư Bác giết chết tể tướng chủ trương “bình phiên” thể hiện thái độ tự thị võ công quá đáng.

Thời Ngũ Đại Thập quốc, võ công Thiếu Lâm Tự chưa có gì gọi là đặc biệt. Đời Tống, khai quốc hoàng đế Triệu Khuông Dẫn lấy võ công bình định thiên hạ, từng có truyền thuyết “Ngũ xích côn bảng đẳng thân tiềm đả biến

thiên hạ vô địch thủ” (Thanh công 5 thước bằng thân, đánh khắp thiên hạ không có địch thủ). Hình thức Sáo lộ (bài quyền) được định hình vào đời Tống mà khởi thủy là “Tống Thái Tổ tam thập nhị thế Trường quyền” (32 thế Trường quyền do Triệu Khuông Dẫn sáng lập), do đó mới có thuyết nói là quyền thuật Thiếu Lâm Tự khởi từ Tống Thái Tổ: “Phái Thiếu Lâm ngoại gia, Triệu Khuông Dẫn là tổ khai sơn vật. Khuông Dẫn có tuyệt kỹ, không truyền ra ngoài, sau khi say mới nói cho quần thần sự ảo diệu của tuyệt kỹ ấy, sau hối hận nhưng không muốn nuốt lời, khi chết mới giấu sách viết tuyệt kỹ ấy trong thân đàn Thiếu Lâm Tự, tuyệt kỹ ấy lấy ngạnh công làm thượng thừa”. (theo Bắc quyền hối biên), “Tuyệt kỹ quyền pháp ấy xuất phát từ Thiếu Lâm Tự, từ khi Tống Thái Tổ học được mới vang danh bốn bề” (Theo Quyền kinh quyền pháp bị yếu).

Những thuyết trên cho dù có căn cứ hay không nhưng có thể nói võ công Thiếu Lâm Tự vang danh thiên hạ là diễn hóa từ võ nghệ trong chiến trận mà thành, thời gian là vào đời Tống.

Đến đời Minh, võ công Thiếu Lâm lấy côn pháp làm bửu bối trấn sơn, danh vang bốn bề. Thích Kế Quang trong “kỹ hiệu tân thư” ghi chép các danh gia võ nghệ về binh khí nói rằng: “Côn pháp của Thiếu Lâm Tự và côn pháp của Thanh Diền đều nổi tiếng đời nay”. Mao Nguyên Nghi nói: “Trăm nghề (võ) khởi từ côn, côn khởi từ Thiếu Lâm” (Võ bị chí). Trình Tông Du từng học côn pháp ở Thiếu Lâm Tự, trong “Thiếu Lâm côn pháp xiển tổng” ghi rằng: “Hoặc có người hỏi; Như nay ông tinh thông côn pháp, có thể gọi là Trình Gia Côn cũng được chứ. Nhưng Trình Tông Du đáp rằng: nước có nguồn, cây có cội, ta tuy được chủ sở đắc

nhưng nếu không có sự đào luyện của Thiếu Lâm lại dám trộm uy danh thì thật đáng xấu hổ”.

Theo sử liệu vào đời Minh tuy côn pháp Thiếu Lâm Tự có tiếng tăm nhưng chưa đạt đến mức độ tinh diệu. Đại Du là một chiến tướng giàu kinh nghiệm chiến trận, giỏi về trường côn, trong “Tân kiến thập phương thiền viện bi” nói rằng, Đại Du phụng mệnh nam chinh, đi qua Thiếu Lâm Tự, Chư tăng Thiếu Lâm biểu diễn tinh hoa côn pháp cho Đại Du khảo sát. Du xem rồi phê rằng: “Chùa này dùng đoán kiếm (Đời Minh gọi côn là đoán kiếm) vang khắp thiên hạ, vì truyền lâu bị sai lệch đi, mất đi chỗ thâm diệu”. Trụ trì Thiếu Lâm Tự tiếp nhận phê bình, mời Đại Du chỉnh lý côn pháp, vì thời gian xuất chinh gấp rút, không thể ở lâu, nên trụ trì chọn 2 đệ tử, một là Tông Kình, một là Tấn Tòng, theo cuộc nam chinh, suốt 3 năm, được Đại Du chỉ bảo mới được chân truyền”. Có thể thấy côn pháp đời Minh tuy có tiếng như phải qua nhiều phen học hỏi các nhà mới có thể trở thành lưu phái lừng danh.

Côn là gốc của mọi binh khí, “nếu hiểu côn pháp, có thể nắm được các binh khí khác” (Kỷ hiệu tân thư - Đoản binh trường dụng thiên). Thiếu Lâm Tự sau khi tinh thông côn pháp, thì thương pháp cũng trở nên nổi tiếng. Đầu đời Thanh, cuối đời Minh có Ngô Thủ viết “Thủ tý lục” nói rằng Thiếu Lâm thương pháp là lấy “nhu chế cương, lấy nhược chế cường”. Nhưng các sách võ hay binh thư đều không có nhắc đến Thiếu Lâm quyền thuật. “Kỷ hiệu tân thư” nói đến 17 danh gia quyền pháp; “Giang Nam kinh lược” nói đến 14 danh gia quyền pháp, nhưng không có nói đến Thiếu Lâm quyền pháp. Trình Tông Du từng học võ 10 năm trên Thiếu Lâm Tự, có nói rõ nguyên nhân này trong

“Thiếu Lâm côn pháp xiển tông, vấn đáp thiên” rằng: có người hỏi: Thiếu Lâm nổi tiếng côn pháp, nay các tăng phần nhiều học quyền mà không luyện côn là sao? Ta đáp rằng: Thiếu Lâm côn gọi là Dạ xoa, là thánh truyền của Khẩn Na La Vương, nay được gọi là Vô Thượng Bồ Đề vậy, còn quyền pháp vẫn chưa thịnh hành, nay nếu chuyên học quyền, sẽ có thể lừng danh với côn vậy”. Do đó có thể thấy, cuối đời Minh, Thiếu Lâm quyền pháp vẫn chưa hình thành một hệ thống, nhưng các võ tăng quyết tâm phát triển quyền pháp song song cùng côn pháp.

Thiếu Lâm Tự là một cổ tự nổi tiếng, lại ở gần kinh thành của 2 triều Đường, Tống, được quý tộc công thần cùng văn nhân nho sĩ đến du ngoạn ngâm咏 rất nhiều, nhưng trong thơ văn Đường, Tống lại cực ít nhắc đến võ công Thiếu Lâm Tự, phần lớn chỉ ca tụng phong cảnh, chỉ có một số văn nhân vào khoảng giữa đời Minh nói đến võ công Thiếu Lâm Tự “Hơn 60 võ tăng múa quyền, kiếm, roi, kích” (Văn Phụng Tường “Tung cao du ký”). “Võ tăng mỗi người biểu diễn một vẻ, côn quyền vùn vụt như bay, trong có người đánh võ khỉ, nhảy nhót múa may giống như khỉ thật” (Vương Sĩ Tính “Tung du ký”). Đời Minh, các chùa miếu lấy võ công nổi tiếng khắp nơi, “tăng binh có Thiếu Lâm, Phục Ngưu, Ngũ Đài” (theo Minh sử - Bình chí) . nhưng võ công của các võ tăng ở Phục Ngưu, Ngũ Đài không thấy sử tịch ghi chép, duy có Thiếu Lâm là nổi tiếng, nguyên nhân là ngoài Thiếu Lâm côn pháp đã hình thành lưu phái riêng, còn có nhân tố chính trị, tức là tăng binh vũ trang Thiếu Lâm Tự không giới hạn trong việc bảo vệ chùa miếu mà với tinh thần ái quốc từ bi tham gia kháng chiến chống bọn cướp biển Nhật ở một dải Giang - Triết, bảo vệ cương thổ Trung Hoa. Theo “Tùng Giang phủ chí” ghi chép, các địa phương trong cả nước chiêu mộ

hương binh đến Tùng Giang chống Nhật, trong đó “tăng binh Thiếu Lâm Tự là kiêu dũng nhất”, từng dưới sự chỉ huy của các đô ty Hàn tỷ, “chém hơn 80 tên cướp ở Yên Đôn, giải vây Thượng Hải”. Đây là 1 thắng lợi rất lớn trong chiến đấu chống cướp biển Nhật đời Minh.

Theo “Giang Nam kinh lược”, võ tăng Thiếu Lâm Tự là Thiên Chân, Thiên Trì suất lĩnh hơn 40 võ tăng Thiếu Lâm nhiều lần giao chiến với quân Nhật “đại phá bọn cướp Nhật” (Oa khẩu). “Ngô Tùng oa biến chí” viết rằng: “Nguyệt không hoà thương làm chỉ huy hơn 30 tăng binh Thiếu Lâm, tác chiến dũng cảm, nhiều lần chiến thắng”, “địch gặp phải đều tan”, nhưng trong 1 lần chiến đấu không cân sức, bị địch hãm giữa trùng vây, chiến đấu cả ngày, cuối cùng đều anh dũng hy sinh. Theo sử liệu có thể thấy, tăng binh Thiếu Lâm Tự phát dương chủ nghĩa yêu nước, liên tục mấy đời, giữ gìn một dải biên cương miền biển, anh dũng chiến đấu, không sợ hy sinh, được dân chúng mến mộ. Cố Viên Võ trong “Nhật tri lục - Thiếu Lâm tăng binh” tán thán rằng: “Khoảng năm Gia Tĩnh, Thiếu Lâm tăng Nguyệt Không nhận hịch của đô đốc Vạn Biểu, đánh bọn giặc cướp ở Tùng Giang, đồ đệ hơn 30 người lập thành đội ngũ, cầm gậy sắt tung hoành giết giặc rất nhiều, sau đều chết cả. Than ôi! Có thể cầm vũ khí bảo vệ giang san, hùng khí động sơn hà”.

Có thể thấy, Thiếu Lâm Tự đời Minh thanh danh đại chấn là nhờ phát huy tác dụng võ công của bản môn chiến đấu bảo vệ đất nước Trung Hoa.

Quyền thuật Thiếu Lâm Tự phát triển nhất là vào đời Thanh. Trong Thiếu Lâm quyền thuật bí quyết nói: “Võ thuật Thiếu Lâm từ cuối đời Minh đến đời Thuận Trị, Khang Hy nhà Thanh mấy chục năm là giai đoạn đạt đến

tối tinh". Khi nhà Thanh lật đổ nhà Minh, nhiều di thần võ tướng nhà Minh ẩn nhẫn nơi sơn dã, đợi thời cơ "diệt Hồ phục Hán". Trong đó có nhiều ẩn sĩ có liên hệ mật thiết với võ tăng Thiếu Lâm Tự. Như di thần Cố Viên Võ cả đời bôn ba tìm cách khôi phục Minh triều, nhiều lần đến Thiếu Lâm Tự. Trong bài thơ "Đề Thiếu Lâm Tự" có câu "Khởi vô tài kiệt nhân, phát phẫn khởi đỗi phế, ký ngữ Huệ, Dương, Lưu, Miễn đãi Tân Vương Chí", nó rõ ràng triều Minh đã từng ban ân tú cho Thiếu Lâm Tự, khuyên võ tăng Thiếu Lâm Tự nên hành động như 13 côn tăng xưa kia đã cứu Tân Vương Lý Thế Dân, khôi phục giang san triều cũ. Nghe nói tôn thất nhà Minh là chu Đức Trù sau khi nhà Minh mất bèn ẩn cư ở Thiếu Lâm Tự, cạo tóc làm tăng, sau làm trụ trì Thiếu Lâm Tự, tự hiệu là "Thông thiền thượng nhân", trong "Thiếu Lâm thập giới" do ông đề ra có điều: "người theo học tuyệt kỹ Thiếu Lâm, phải lấy việc khôi phục trung nguyên làm chí nguyên, sớm tối chuyên cần luyện tập, không được lười biếng, xao lãng". Như thế, việc phát triển vượt bậc của võ công Thiếu Lâm đầu đời Thanh gắn liền với ý thức dân tộc, điều này hoàn toàn tương đồng với tôn chỉ của các tổ chức bí mật khắp Trung Quốc đương thời bị giai cấp thống trị Thanh triều áp bức.

Các tổ chức bí mật đầu Thanh đều lấy khẩu hiệu "phản Thanh phục Minh", ngoài việc dùng tôn giáo để tổ chức quần chúng, còn lấy việc luyện võ để võ trang quần chúng, nhiều nơi lợi dụng võ công Thiếu Lâm Tự và tinh thần yêu nước để hiệu triệu khởi nghĩa.

Trong "Hồng Môn vấn đáp" có hỏi đáp như sau:

"Học võ từ nơi nào? Học tại Thiếu Lâm Tự.

Học quyền pháp nào trước? Học Hồng quyền làm đầu.

Lấy gì làm bằng chứng? Có thơ làm chứng rằng: Mānh hổ Hồng quyền vang lừng bốn bể, khởi phát từ võ tăng Thiếu Lâm Tự. Thiên hạ dưới gầm trời này đều quy về họ Hồng (tức nhà Minh), cùng giúp triều Minh khôi phục lại”.

Mānh hổ Hồng quyền tứ hải văn
Xuất tại Thiếu Lâm Tự nội Tăng
Phổ thiên chi hạ quy Hồng tình
Tương phù Minh thất định càn khôn.

Thiện Địa hội cũng quy sự thành lập và quá trình phát triển của mình vào Thiếu Lâm Tự. “Thời Khang Hy, phiên Tây Lỗ tạo phản, hoàng thượng hạ榜 văn, không ai dám đến lấy榜, sau có võ tăng Thiếu Lâm Tự nghe tin bèn đến lấy榜... phá tan giặc phản đắc thắng trở về, không nhận ban thưởng. Trong chúng tăng 118 người có Mã Nhân Tắc do làm hư ngọn đèn quý (bảo đăng) trong chùa bị khiển trách, bèn lập ý báo thù, vào kinh đô vu cáo tăng chúng Thiếu Lâm Tự mưu phản, hôn quân không xét hư thực, không nghĩ công lao lúc trước, sai Ngự Lan quân hỏa thiêu Thiếu Lâm Tự, làm kinh động Phật Tổ hạ phàm cứu 118 người. Thầy trò chạy đến thôn Diệt Thanh, khe Hạ Vĩ, bị quân Thanh đuổi giết 113 người chỉ còn lại 5 người. 5 người chạy đến cửa khẩu Bạch Sa thấy trên mặt biển nổi lên 1 tảng đá có viết “Phản Thanh phục Minh” ở mặt trên, “Hồng Anh” ở mặt sau. 5 người cùng đỡ lên, cùng nhau lập lời thề, cầm cổ làm hương, cắn ngón tay 5 người hợp lại lấy máu viết thành 5 bản; mỗi người giữ 1 bản. Sau đó chia tay đến các tỉnh chiêu tập anh hùng dũng sĩ, ám phục thực hiện “Tâm điểm cách mạng hội, thề diệt Thanh triều, khôi phục Minh triều, làm cho thiên hạ thái bình”. Nói quá trình thành lập của Thiên Địa hội là

do triều đình vong ân bội nghĩa, áp bức nhân dân, còn 5 người lập hội đầu tiên là hòa thượng Thiếu Lâm Tự, rất rõ ràng đây là lợi dụng võ công Thiếu Lâm Tự và tinh thần yêu nước để tạo sức mạnh cho lời hiệu triệu của tổ chức bí mật. Tổ chức bí mật đời Thanh có rất nhiều, đa dạng phức tạp, trong đó không ít tổ chức lợi dụng thanh danh Thiếu Lâm Tự, hoặc cũng có thể là kế hoạch của các di thần ở Thiếu Lâm Tự, chân chán giả giả, khó lòng phân biệt.

Vả lại, tiến hành bí mật trong quần chúng, không ai khảo xét, nên mạnh ai nấy tạo cho mình một hình thức tổ chức mạnh nhất. Vì thế, Thiếu Lâm quyền thuật phát triển dưới sự thúc đẩy của các tổ chức bí mật, nhiều lúp pháo ra đời, rất khó phân biệt rõ ràng được.

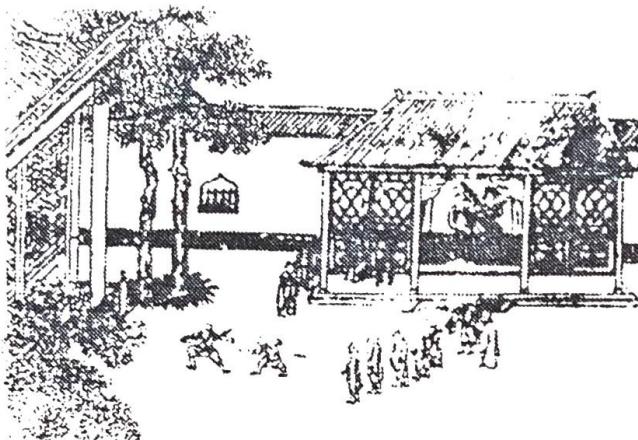
Việc các tổ chức bí mật mượn danh Thiếu Lâm Tự để “Phản Thanh phục Minh”, chính quyền Thanh triều không phải không biết. Vào đời vua Thuận Trị, trụ trì Thiếu Lâm Tự từng bị điều từ Bắc Kinh đến, lại truyền chỉ cấm luyện võ, cấm dân chúng tàng trữ binh khí. Đến đời Ung Chính, hiệu lệnh lại càng nghiêm: “Năm Ung Chính thứ năm, truyền dụ nội các: Nghe nói trước nay thường có người luyện tập côn quyền, tự hiệu là thầy, chiêu dụ đồ chúng, mê hoặc ngu dân, thậm chí lấy hành giáo làm danh, cấu kết với Phi tặc, quấy nhiễu dân chúng. Các quan địa phương phải nghiêm cấm hoàn toàn việc luyện tập côn quyền. Nếu có kẻ tự xưng là thầy (giáo sư) cùng kẻ theo học tập, lập tức bắt ngay”. Tuy ở đây không nói rõ là võ tăng Thiếu Lâm Tự, nhưng theo “Thiếu Lâm Tự chí” ghi chép thì triều Ung Chính đã tiến hành quản lý Thiếu Lâm Tự. Khi Thiếu Lâm Tự tu sửa phòng ốc, vẽ phương án tu sửa thành họa đồ do tổng đốc Hà Nam là Vương Sĩ Tuấn trình lên cho Hoàng đế xem xét, Ung Chính phê rằng:

“Trầm thấy 25 phòng ngoài cửa Thiếu Lâm Tự cách quá xa chùa, theo lối “linh tinh tán ngoại” (sao lẻ tách ngoài) không ở trong chùa. Xưa này có tăng nhân ở phòng xa chùa, không giữ thanh quy, vọng hành sinh sự, làm bại hoại cửa Thích, nay Thiếu Lâm Tự dù có tu sửa cũng không nên làm phòng ở tản lạc ngoài chùa, khó bê kiểm soát quản lý”. Đủ thấy chính quyền đương thời rất để ý đến Thiếu Lâm Tự.

Đến năm Càn long thứ 4, trong tấu chương của tuần phủ Hà Nam là Nhã Nhĩ Đồ đã công nhiên nói đến âm mưu tạo phản của võ tăng Thiếu Lâm Tự: “Phía nam Đại Hà, dân ở vùng núi, trẻ già đều có hung tục luyện tập đao kiếm quyền côn. Võ tăng Thiếu Lâm Tự lấy việc tập luyện côn quyền tụ tập bọn tà giáo vô lại, tùy ý thâu nhập làm bằng đẳng” (Thanh Cao Tông thực lục. Do chính quyền nghiêm cấm luyện võ, các võ tăng Thiếu Lâm Tự áp dụng các biện pháp kín đáo để tránh sự kiểm soát gắt gao của Thanh triều. Một trong các biện pháp ấy là nói thắc rằng luyện tập “thuật đao dãy”.

Cuốn “Nội công đồ thuyết” xuất bản đời Quang Tự, có đề từ rằng: 12 thế “Dịch cân kinh” là học ở Thiếu Lâm Tự. Biện pháp thứ 2 là ban ngày không tập võ, chỉ tập ban đêm, gọi là “dạ tàng hành”, “luyện dạ công”. Đời Gia Khánh, có quý tộc Mân Châu là Lân Khánh thay mặt tuần phủ Hà Nam đến Thiếu Lâm Tự tế tự Tung Sơn, từng thỉnh cầu trưởng lão Thiếu Lâm Tự biểu diễn võ thuật, trưởng lão hai, ba lần từ chối rằng “chúng tăng không hiểu quyền thuật”. Lân Khánh nói rõ rằng mình hâm mộ oai danh, lấy tư cách cá nhân chứ không phải thay mặt quan lại, lại cho phép luyện võ với yêu cầu “giữ thanh quy cẩn thận, bảo vệ danh sơn”. Sau đó Trưởng lão Thiếu Lâm Tự

mới cho võ tăng biểu diễn quyền thuật cho Lan Khanh xem, ánh tượng sau khi xem là “Gấu võ chim xèo, vô cùng mau lẹ” (Hồng Tuyết nhân duyên đồ ký), lại vẽ một bức “*Thiếu Lâm hiệu quyền*” (Hình 17).



Biện pháp thứ 3 là võ tăng Thiếu Lâm Tự sau khi luyện thành bèn mượn cơ vân du giáo hóa chúng sinh đi khắp nơi, truyền thụ võ nghệ bên ngoài Thiếu Lâm Tự để tránh ảnh hưởng đến bản tự. Trong các tiểu thuyết đời Thanh phần nhiều có ghi võ tăng Thiếu Lâm hành hiệp giang hồ, vang tiếng khắp nơi. Các cao thủ võ lâm nổi tiếng đời Thanh, được nhắc đến trong “Thanh sử” như đại hiệp Cam Phụng Trì, Bạch Thái Quan, Lã Tứ Nương, Mã Hòa Thương Miếu Tăng... đều là xuất thân từ Thiếu Lâm Tự hoặc được truyền thụ võ công Thiếu Lâm. Do đó, đương thời lưu hành câu nói: “Thiên hạ võ công tại Thiếu Lâm, Thiếu Lâm cao thủ tại tứ phương”. Điều này nói rõ Thiếu Lâm Tự dưới sự áp bức chính trị của Thanh triều đã rời chùa miếu, truyền bá võ công Thiếu Lâm khắp nơi, khiến cho danh tiếng Thiếu Lâm Tự càng vang xa.

Sau Dân quốc được thành lập, võ công Thiếu Lâm công khai truyền bá toàn quốc. Trung ương quốc thuật quán lập ra Thiếu Lâm môn, nghiên cứu quyền thuật Thiếu Lâm. Nhưng Thiếu Lâm Tự lúc này ở vào nơi hồn chiến, chùa bị chiến hỏa thiêu đốt nhiều lần, đại bộ phận di tích cũ bị hoang tàn, sau này mới dần dần khôi phục theo nguyên trạng.

Toàn Trung Hoa ngoài Tung Sơn Thiếu Lâm Tự ra, còn có Phúc Kiến TuyỀn Châu Nam Thiếu Lâm Tự, Hà Bắc kế Châu Bắc Thiếu Lâm Tự, cũng đều lấy võ công vang danh thiên hạ.

2. VÕ ĐANG SƠN

Võ Đang đạo quán nằm trên núi Võ Đang tỉnh Hồ Bắc. Bắt đầu xây dựng từ năm Vĩnh Lạc thứ 8 đời Minh, 6 năm xây xong, tốn kém hơn trăm vạn lượng bạc. Kim Điện trên đỉnh cao 5,5 mét, sâu 4,2 mét, kết cấu toàn bằng đồng đúc, ngoài khảm vàng đỏ, nghe nói đúc điện này mất 24 tấn đồng tinh chất, 300 cân vàng, sừng sững trên đỉnh Võ Đang nên còn gọi là Kim Đỉnh. Minh Thành Tổ Chu Lệ đoạt ngôi của cháu là Chu Kiến Văn, có 2 công trình xây dựng lớn, một là sửa thành Bắc Kinh dời đô về đây; hai là xây dựng Võ Đang đạo quán, tập trung hơn 30 vạn dân công làm trong 6 năm ròng. Việc Chu Lệ tôn công của nhiều như vậy để xây dựng đạo quán có liên quan đến việc sùng bái Đạo giáo, cũng có liên quan đến việc tìm kiếm đạo gia Trương Tam Phong.

Trương Tam Phong là nhân vật thân bí trong Đạo giáo, hiện tại Nội gia quyền, Thái cực quyền trong võ thuật Trung Hoa theo truyền thuyết là đều do Trương Tam Phong sáng chế. Đầu đời Thanh cuối đời Minh, Hoàng Tông Hy trong “Vương Chinh Nam một chí minh” nói rằng: “Nội gia khởi nguyên từ Trương Tam Phong đời Tống. Tam Phong là đạo sĩ Võ Đang, vua Tống Huy Tông triệu kiến, kiên quyết không vào triều”. Tức là nói Trương Tam Phong là người thời Tống Huy Tông, cách đời Minh đã 300 năm, sợ rằng không đáng tin cậy.

Trong “Minh sử - Phương kỵ truyện” có chép: “Trương Tam Phong là người Ý Châu, tỉnh Liêu Đông, một tên là Toàn Nhất, lại có tên là Quân Bảo, Tam Phong là hiệu vậy. Vân du tứ xứ, không có chỗ nhất định, thường đến núi Võ Đang, có người nói: Núi này có ngày sẽ phát thịnh. Lúc này các khu Ngũ Long, Nam Nham, Tử Tiêu trên núi đều bị binh lửa thiêu trụi, Tam Phong cùng đệ tử lập thảo lư (nhà cổ) nơi Kinh Thái mà ở. Thái Tổ nghe tiếng Tam Phong, năm Hồng Võ thứ 24 sai sứ đến tìm không được. Năm Vĩnh Lạc, cấp sự trung Hồ Phần Giai, nội thị Chu Tường Vu đi tìm Tam Phong khắp nơi, mấy năm vẫn không gặp. Thành Tổ lệnh cho công bộ thị lang Quách Tiến, Long Phong hầu Trương Tín đốc dân đinh hơn 30 vạn người xây dựng Võ Đang đạo quán, khi đã thành, ban danh là Thái Hòa Thái Nhạc Sơn”.

Theo đó thì Trương Tam phong là người đời Nguyên, đến đầu đời Minh đã là nhân vật có danh tiếng trong Đạo giáo, Minh Thái Tổ sai người đi tìm không được Minh Thái Tổ lại sai các quan đi tìm mấy năm không được. Tại sao cả 2 đời hoàng đế này đều rất coi trọng Trương Tam Phong như vậy? Theo “Minh sử - Hồ Phần truyện” Hồ Phần tự là

Nguyên Khiết, người Võ Tiển, năm Kiến Văn thứ 3 đậu tiến sĩ, Vĩnh Lạc nguyên niên thăng làm cấp sự trung. Minh Huệ Đế (Kiến Văn) bị chết do hỏa hoạn, có tin nói là trốn đi, các cựu thần theo rất đông, Minh Thành Tổ nghi, sai Hồ Phân đi tìm tiên nhân Trương Tam phong, đi khắp châu, quận, hương, ấp mục đích là tìm nơi ở của vua Kiến Văn, trải qua mấy năm đến năm Vĩnh Lạc thứ 14 mới về.

Như vậy nhiệm vụ của Hồ Phân từ năm Vĩnh Lạc thứ 14 là tìm kiếm vua Kiến Văn mà bị nghi là lưu lạc ở ngoài, cuối năm Hồng Võ, Minh Thái Tổ từng tìm Trương Tam Phong, nên Thành Tổ hoài nghi có thể là Trương Tam Phong giấu vua Kiến Văn. Vì thế khi tìm mấy năm trong Võ Đang sơn không gặp, vẫn chưa an tâm, mới xây dựng 1 đạo quán ở địa khu này nhằm giám sát tung tích. Nhưng tiêu tốn tiền của nhiều như vậy để xây dựng đạo quán, Minh Thành Tổ Chu Lệ có một dụng ý khác nữa.

Đạo giáo sáng lập từ đời Đông Hán, Phật giáo cũng truyền nhập vào thời kỳ này. Tôn giáo ngoài việc tranh thủ tín ngưỡng quần chúng còn phải tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp thống trị. Từ đời Ngụy Tấn trở về sau, tập đoàn thống trị hoặc sùng Phật ức Đạo, hoặc tôn Đạo mà ức Phật, do đó Phật giáo và Đạo giáo, tuy lý thuyết là thoát ly hồng trần nhưng trước sau vẫn chìm đắm trong vòng xoáy đấu tranh chính trị của thế tục. Dời Nguyên, Mông Cổ thống trị sùng tín Lạt Ma giáo, nhưng vùng trung nguyên của Hán tộc lại tôn bái Đạo giáo. Khuê Xứ Cơ được tôn làm thần tiên, Trương Đạo Lăng được phong làm Chính Nhất Thiên Sư. Nhưng đến đầu đời Minh tình hình có nhiều thay đổi. Chu Nguyên Chương từng nương nhờ Hoàng Giác Tự, tăng Đạo Diễn giúp Chu Lệ lập nên công nghiệp, địa vị của Phật giáo được đề cao, nhưng nhân dân

lại không đồng lòng với sự thay đổi trên. “Minh sử - Triệu Quảng Hiếu truyện” chép rằng: “Triệu Quảng Hiếu người Trường Châu, 14 tuổi làm tăng, pháp danh Đạo Diễn. Thái Tổ tuyển cao tăng tụng kinh tấn phúc, Đạo Diễn nói rất hợp ý Yên Vương Chu Lệ, mời đến Bắc Bình trụ trì chùa Khánh Thọ. Thái Tổ băng hà, luận công Đạo Diễn đứng thứ nhất. Năm Vĩnh Lạc thứ 2 tháng 4, bái làm Thái tử thiền sư, phục hồi họ cũ, ban danh là Quảng Hiếu. Quảng Hiếu đến Trường Châu thăm chị gái, chị không nhận, đến thăm bạn là Vương Tân, Vương Tân cũng không cho gặp mặt. Dân hát rằng: Hòa thượng lầm rồi, hòa thượng lầm rồi.”

Như thế đủ thấy dân chúng không đồng tình với thái độ đấu tranh chính trị của hòa thượng, vi phạm giới luật Phật môn, phá hoại đạo nghĩa quân thần Nho gia. Minh Thành Tổ xây dựng đạo quán nguy nga ở núi Võ Đang là để tôn Đạo ức Phật, làm cân bằng giữa 2 giáo, thỏa mãn tâm lý tín ngưỡng tôn giáo của dân chúng. Việc Minh Thành Tổ tảo lập trung tâm Đạo giáo ở Trung Nguyên làm cho huyền thoại võ công Trương Tam Phong càng thêm rực rỡ.

Vào thời Đông Hán, Thái Bình đao, Ngũ đấu mễ đao (đao năm đấu gạo, vì ai muốn nhập đạo phải nộp 5 đấu gạo) được thành lập: Kiếm (gươm) là vũ khí hàng ma trừ quỷ và cũng là binh khí để phòng thân tự vệ của Đạo gia. Cuối đời Đông Hán trăm vạn nông dân bị khăn vàng đứng lên khởi nghĩa (Hoàng Cân) nói rõ Đạo giáo lấy tôn giáo để tổ chức quần chúng, vũ trang nhân dân. Sau đời Ngụy Tân, Đạo giáo thịnh hành thuật luyện đan nhưng vẫn không bỏ luyện võ. Người sáng lập ra phái luyện đan là Cát Hồng tuy chìm đắm trong luyện đan nhưng cũng rất

coi trọng tác dụng kiện thân của thuật đạo dãy, Cát Hồng lại là người “từ nhỏ luyện đao côn, tinh thông võ nghệ”, đã từng xông pha trận mạc giết giặc lập công được phong làm Quan nội hầu. Đào Hoằng Cảnh, đời Nam Triều, là người sáng lập phái Mao Sơn trong Đạo giáo, từng viết “Dưỡng sinh diên mệnh lục”, “Đao kiêm lục”, chứng tỏ rất coi trọng tác dụng luyện võ cường thân. Đời Đường, Đạo giáo say xưa trong thuật luyện đan dược (kim đan), hại chết mấy vị hoàng đế, nhưng giáo đồ vẫn không quên thuật đạo dãy và dùng kiêm làm pháp khí. Nhà y học nổi tiếng đời Đường là Tôn Tư Mạc là giáo đồ Đạo giáo, trong tác phẩm Bị Cấp thiên kim yếu phương có 52 thức của “Lão tử án ma pháp” là thuật kiện thân của Đạo gia.

Lã Đồng Tân (một trong bát tiên) cũng là 1 người tinh thông kiêm thuật (xem các bài thơ Vô đê, Đắc Hải Long chân nhân kiêm).

Về vấn đề ai là người sáng chế ra Thái cực quyền, có nhiều thuyết: Trình Linh Tẩy đời Nam triều; Hứa Tuyên Bình, Lý Đạo Tử đời Đường, hay Trương Tam Phong đời Tống. Những người này đều là giáo đồ Đạo giáo, họ đều có truyền lại khẩu quyết, hoặc truyền lại chiêu thức.

Sự định hình của Thái cực quyền, có thể là không phải là họ sáng chế, nhưng nói nguồn gốc của Thái cực quyền vốn từ những khẩu quyết và chiêu thức của họ là không sai. Hoặc có thể nói nguồn gốc của Thái cực quyền là từ Đạo giáo.

Đạo giáo sau khi thất bại về luyện đan, bèn chuyển sang luyện khí công, gọi là nội đan. Lã Đồng Tân viết Đỉnh khí ca nói rằng đỉnh luyện đan là tự thân của người. Đời Tống, Trần Đoàn ẩn cư ở Cửu Thất, núi Võ Đang

“luyện phục khí không ăn hơn 20 năm, viết 81 chương chỉ huyền thiên nói về đạo dưỡng sinh và hoàn đan” (Theo Tống sử - Trần Đoàn truyện). Tống Chân Tông coi trọng Đạo giáo triệu đạo sĩ Trương Quân Phòng viết “Vân cấp thất thiên” trong đó nói về thuật đạo dẫn đến mây chục loại, thể hiện sự coi trọng rèn luyện thân thể của Đạo giáo, kết hợp rèn luyện sức khỏe với nội đan mà phát sinh ra môn Nội gia quyền. Nội gia quyền là phương pháp luyện tập để tráng kiện thân thể, đồng thời cũng là cách phòng thân của các Đạo gia ẩn tu nơi thâm sơn cùng cốc.

Hoàng Tông Hy trong “Vương Chinh Nam mộ chí minh” viết rằng: “Có môn gọi là Nội gia quyền, lấy tinh chế động, kẻ dụng phải đều bị té ngã, cho nên gọi Thiếu Lâm là Ngoại gia. Nội gia quyền khởi nguyên từ Trương Tam Phong đời Tống, cái thuật ấy của Tam Phong trăm năm sau truyền ở Ôn Châu, đời Gia Tĩnh, Trương Tòng Khê là người xuất sắc nhất”.

Đây là sử tịch duy nhất nói Võ Đang Nội gia quyền truyền ở ngoài. Đạo giáo đời Minh chưa tham dự vào hoạt động chính trị mà chỉ giữ gìn võ đức, không dễ dàng truyền thụ võ công ra bên ngoài.

“Thanh sử cáo - Vương Lai Hàm truyện” thuật lại hệ thống truyền nhân của Nội gia quyền Nam phái rằng: “Nội gia quyền khởi từ đạo sĩ núi Võ Đang là Trương Tam Phong đời Tống, sau đó lưu truyền đến giữa đời Minh có Vương Tông là giỏi nhất, Trần Châu Đồng ở Ôn Châu học Vương Tông, đời Gia Tĩnh có Trương Tòng Khê xuất sắc nhất.Ệ tử của Tòng Khê có 3,4 người, trong đó Diệp Kế Mỹ là đứng đầu.Ệ tử Kế Mỹ là Ngô Côn Sơn, Châu Văn Tuyền, Trần Trịnh Thạch, Tôn Kế Sai và Đơn Tư Nam.Đơn Tư Nam học được chỗ thâm diệu của Nội gia quyền

nhưng không truyền ra ngoài, Vương Lai Hàm từ trên lầu nhìn trộm mà hiểu được phần tinh túy, bèn hết lòng cung phụng Tư nam xin học. Sau có con Hoàng Tông Hy là Hoàng Bách Gia diễn thành “Nội gia quyền pháp”, từ Bách gia về sau không còn truyền nhân”. Nhân đó có thể biết Nội gia quyền pháp do kén chọn đồ đệ, ít truyền bá nên tiếng tăm không lớn.

Quyền pháp Nội gia truyền bá không rộng còn có 1 nguyên nhân khác. Luyện Nội gia quyền không chỉ đòi hỏi phải thuần thực chiêu thức mà còn phải tinh thông về hành khí nội công, nội ngoại kết hợp, am tường kinh lạc huyệt đạo. “Phàm đánh người đều trúng vào huyệt, huyệt có tử huyệt (huyệt chết), vựng huyệt (xây xâm), á huyệt (huyệt câm), tất cả giống như đồ hình đồng nhân (người bằng đồng)” (Theo Thanh sử Vương Lai Hàm truyện). Nếu không khắc khổ luyện tập thì khó lòng nắm bắt được môn võ ảo diệu này. Sau đời Thanh, các tổ chức võ thuật dân gian cũng là luyện Nội gia quyền, song không truyền bá rộng rãi bằng Thiếu Lâm quyền thuật.

Phái Võ Đang, trừ quyền thuật ra, còn có các môn binh khí như Võ Đang kiếm, Lục hợp thương, Lục hợp dao, Tòng Khê côn...

3. NGHĨA HÒA QUYỀN

Cuối đời Minh, quý tộc Mãn Châu khởi binh từ dãy Trường Bạch, dùng mấy chục vạn Bát kỳ quân đánh bại cả trăm vạn quân Minh, thống nhất Trung Quốc, lập ra triều Thanh, thực hiện chính sách áp bức, có một số di thần triều Minh không chịu khuất phục, dùng các hình thức tổ chức bí mật liên tục tiến hành khởi nghĩa chống đối. Năm Khang Hy thứ 60 (1721), hội viên Thiên Địa hội là Châu Nhất Quý suất lĩnh dân chúng khởi nghĩa ở Phụng Sơn, Đài Loan, nhiều phen đánh bại quân Thanh, quân ngũ khởi nghĩa lên đến 30 vạn, về sau phát sinh nội biến nên bị tan rã. Năm Càn Long thứ 39 (1774), thủ lĩnh Thanh thủy giáo là Vương Luân thống lĩnh giáo đồ chiếm vùng Sơn Đông, đội ngũ có vài ngàn người, khi quân Thanh tấn công dùng lửa phóng đốt doanh trại, tất cả đều anh dũng tự thiêu. Năm Càn Long thứ 60 (1795), thủ lĩnh Bạch Liên giáo là Lưu Chi Hiệp khởi nghĩa ở một dải Xuyên - Thiểm, Thanh triều dụng quân đội tinh nhuệ tấn công hơn 9 năm. Chi phí hơn 200 triệu lạng bạc mới đàn áp được. Năm Đạo Quang thứ 29 (1849), Hồng Tú Toàn lấy danh nghĩa lập Báu Thượng để hội suất lĩnh dân chúng khởi nghĩa tại thôn Kim Điền tỉnh Quảng Tây, sau đó đánh chiếm đến Nam Kinh, kiến lập Thái Bình Thiên quốc, sau cũng vì lủng củng nội bộ mà lực lượng suy yếu phải thất bại.

Vào thời gian ấy, ở Thượng Hải, thủ lĩnh Tiểu đạo hội là Lưu Lệ Xuyên; thủ lĩnh Bạch Liên giáo ở An Huy là Trương Nhạc Hành đồng khởi nghĩa. Hàm Phong thứ 10 (1860), thủ lĩnh Bát Quái giáo Trương Thiện Kế và thủ lĩnh Hắc kỳ quân Tống Cảnh Thi khởi nghĩa ở phía Tây

nam, thủ lĩnh Trường thương hội Quách Bình Quân cũng nổi lên tiếp ứng. Các thủ lĩnh khởi nghĩa đều là những tay võ nghệ cao cường, “mạnh mẽ, có quyền dũng”, “dũng võ có sức mạnh”, lại có cả nữ giáo đồ tham gia “gọi là Ngũ Thánh nương nương, cưỡi ngựa múa song dao”. Trước và sau khởi nghĩa, phần lớn đều lợi dụng phương thức truyền giáo “bí mật tại các thôn trang, tập luyện côn quyền, pha tạp thần thánh”, làm cho đông đảo nông dân cùng khổ thông qua phương thức tin giáo luyện quyền mà võ trang cho mình. Bạch Liên giáo của Lưu Chi Hiệp sau khi khởi nghĩa thất bại ở Thiểm - Xuyên, bèn phân tán theo hướng Tây Bắc, giáo đồ tự lập môn phái, Bát quái giáo, Trường thương hội cũng là một trong các nhánh ấy.

Nghĩa hòa quyền là 1 phái nhỏ của Bạch Liên giáo: “Giáo môn Nghĩa hòa quyền là chi phái của Bạch Liên Giáo, khởi nguyên từ Ly quái giáo của Bát quái giáo” (Nghĩa hòa quyền giáo môn nguyên lưu khảo). Địa điểm hoạt động đầu tiên của Nghĩa hòa quyền là ở vùng biên giới Tô Lỗ, Dự Hoản (tỉnh An Huy), tháng 7 năm Gia Khánh thứ 30, cấp sự trung của Triều Thanh là Chu Đinh Sâm dâng tấu rằng: “Vùng Từ (Châu), Dĩnh (Châu), Quy Đức (Phủ), Tào (Châu) tụ tập nhiều bọn vô lại côn đồ, lập ra Thuận đao hội, Hỗn vĩ tiên, Nghĩa hòa quyền, Bát quái giáo, hoành hành hương đảng, áp bức lương dân, không nên dưỡng hậu hoạn sau này” (Đông Hoa lục). Dưới sự tra xét gắt gao của triều đình, Nghĩa hòa quyền di chuyển về hướng Bắc, tiến hành dung hợp và hoạt động với Mai hoa quyền, Hồng quyền đang tung hoành ở phía Nam tỉnh Hà Bắc, phía Bắc tỉnh Sơn Đông. Năm 1887, thủ lĩnh Hồng quyền là Tam Thiếu Càn, Cao Văn Tường tiến hành đấu tranh chống Thiên chúa giáo theo các nước xâm lược phương Tây tràn vào Trung Quốc, được quan dân vùng Sơn

Đông rất ủng hộ, thủ lĩnh Mai Hoa quyền cũng tham gia. Do lúc bấy giờ, mục tiêu đấu tranh là giáo hội của các nước đế quốc, nên “quan dân đều tán đồng quan điểm với các tổ chức bí mật, khí thế cực mạnh”. Thủ lĩnh Nghĩa hòa quyền Chu Hồng Đăng phát triển lực lượng khắp một dải Trường Thanh, Sơn Đông, thanh thế ngày càng lan rộng. Ngày 2-4-1896, Triệu Tam Đa triệu tập Nghĩa dân đại hội ở thôn Lê Viên, huyện Quán kêu gọi các giáo đồ các phái (quyền dân) đến luyện Quán thi đấu võ thuật (lượng quyền). Tham gia “lượng quyền” lần ấy có hơn 3000 quyền dân, khí thế mạnh mẽ, thúc đẩy sự giao lưu quyền thuật giữa các phái quyền ở phương Bắc. Có thể nói đây là 1 đại đội quyền thuật lớn nhất đời Thanh của các tổ chức bí mật. Từ sau cuộc “lượng quyền” này, phong trào luyện quyền tập võ sôi động khắp nơi, “các thôn làng tấp nập lập võ đài, có đến hơn 800 nơi luyện võ” (Theo Sơn Đông cận đại sử tư liệu). Người luyện quyền tập võ ở các nơi khác cũng hưởng ứng sôi nổi, có Tâm Thành hòa thượng ở Vũ Thành “từ nhỏ luyện Thiếu lâm quyền, đơn đao hoa thương đều tinh thông, mỗi lần giao đấu với quyền dân, mười mấy người không đến gần được”. Nghĩa hòa quyền còn tổ chức “lượng quyền” ở Trương Quan Thuần, Hoa Nham tự, thúc đẩy phong trào quyền thuật phát triển mạnh mẽ. Đến khi ấy, Nghĩa hòa quyền không còn là 1 nhánh của Bát quái giáo, mà là liên hợp các quyền hội phương Bắc, tạo cuộc vận động quần chúng nhân dân luyện võ chống giặc. Năm 1899, Tuần phủ tỉnh Sơn Đông là Trương Nhữ Mai gởi tấu chương lên triều đình có đoạn: “Vùng giáp giới Sơn Đông, Trực Khang, quyền dân mỗi năm một đông, thường tụ tập ở các nơi hẹn kỳ tụ hội, giao đấu quyền thuật gọi là lượng quyền. Đám quyền dân ấy tập luyện các loại kỹ thuật chiến đấu, lại có thầy dạy” (Theo Nghĩa hòa đoàn đang án

tư liệu). Họ từ tình trạng bí mật chuyển sang hoạt động công khai có thể lượng quyền thi võ, giao lưu quyền kỵ. Hiện nay nói phong cách “Bắc quyền” là hình thành vào giai đoạn này.

Khi Nghĩa hòa quyền hoạt động mạnh mẽ tại Sơn Đông, triều đình cử Viên Thế Khải làm Sơn Đông tuần phủ. Viên Thế Khải ý có sự giúp đỡ của thế lực ngoại quốc, thực hiện chính sách trấn áp kiên quyết với quyền dân, do đó Nghĩa hòa quyền phải chuyển đến tỉnh Hà Bắc (tức Trực Khang), lúc này tổng đốc Hà Bắc là Vinh Lộc vì giết hại “Thất quân tử” (7 người yêu nước) của phái duy tân bị quốc dân oán hận nên giữ thái độ mặc kệ đối với sự hoạt động của Nghĩa hòa quyền, nhờ đó Nghĩa hòa quyền phát triển khắp dải Kinh - Tân, các quyền sư nổi tiếng vùng Tĩnh Hải là Trương Đức Thành, Tào Phúc Diền cũng tham gia hoạt động Nghĩa hòa quyền, thanh thế càng lúc càng mạnh. Tháng 5-1900, chính phủ Thanh triều trong tình thế trong ngoài đều nguy khốn, đặc biệt là sứ đoàn ngoại giao chủ nghĩa đế quốc không thừa nhận đại a ca (Hoàng Trữ) làm vua do Từ Hy thái hậu truyền lập, buộc triều đình phải tìm 1 chỗ dựa khác. “Đến nay thế nước ngày một suy, do dân chí chưa vững, nếu lại giết hại quyền dân thì chẳng khác nào tự cắt đi lông cánh, mở cửa đón giặc” (Tổng luận Nghĩa hòa đoàn). Thanh triều do đó cải biến chính sách dùng chiêu dụ thay cho đàn áp, đổi Nghĩa hòa quyền thành Nghĩa hòa đoàn, phong thủ lĩnh Nghĩa hòa quyền làm Đại sư huynh, đưa đồ chúng đến Bắc Kinh, Thiên Tân để tăng cường bảo vệ các thành phố lớn. Hoạt động võ thuật mấy trăm năm bị triều Thanh cấm đoán giờ đây đã được hoạt động công khai nơi thành thị, hương thôn, “mọi chỗ đều tổ chức niệm chú luyện quyền, ngày đêm thao luyện dao kiếm, khí thế cứu quốc hùng hục”. Mọi

người ở đủ ngành đủ nghề luyện tập Nghĩa hòa quyền “Hơn 10 vạn người đúc rèn đao kiếm, các lò rèn nhỏ cũng hoạt động suốt đêm ngày”. Hoạt động luyện quyền còn lan đến tận hoàng cung “nội thị, cung nữ già trẻ trong cung đều không ngừng rèn luyện quyền kiếm” “Đại a ca Bạc Huề ưa quyền thuật, thường cùng với các quan quân lén luyện võ tại Di Hòa Viên, bị thái hậu trông thấy”. (Nghĩa hòa quyền sử hậu).

Tuy nhiên, khí thế luyện tập quyền thuật như vũ bão của Nghĩa hòa đoàn chỉ kéo dài được mấy tháng, sau cùng dưới sự trấn áp của liên quân 8 nước đế quốc đã phải thất bại, nhưng tinh thần quật cường của họ đã làm chấn động bọn xâm lược. Trong nhật ký của thống soái liên quân 8 nước Watsi có viết: “Trung Quốc với tinh thần thượng võ không bao giờ mất, điều đó có thể thấy trong cuộc vận động quyền dân lần này”.

Cuộc vận động Nghĩa hòa đoàn làm cho võ thuật Trung Hoa phá vỡ sự gò ép của chế độ phong kiến, từ bí mật chuyển sang hoạt động công khai, từ thi võ “lượng quyền” giao lưu tinh hoa quyền thuật các phái, dung hợp lại thành sức mạnh, công lao ấy rất lớn.

Đương nhiên, Nghĩa hòa đoàn là do tầng lớp nông dân tín ngưỡng tôn giáo tổ chức thành, nên bên trong có không ít điều ngu muội lạc hậu.

Chẳng hạn, nhờ chư thần phù trợ lúc luyện quyền, đọc rằng: “Tiên xuất động, thần hà sơn, phù trợ đệ tử truyền quyền pháp”. Người luyện tin tưởng các môn công phu “Kim chung trạo”, “Thiết bố sam”, đao thương bất nhập.

Lại như lúc phản đối xâm lược thì cũng là phản đối văn minh hiện đại “phá đường sắt, đường nhựa, thuyền lớn”.

Nhưng rõ ràng, cuộc vận động Nghĩa hòa đoàn tạo tiền đề cho sự thành công của cách mạng Tân Hợi tiếp theo. Các lãnh tụ cách mạng như Tôn Trung Sơn, Hoàng Hưng, Thái Nguyên Bồi từ thực tiễn cách mạng đã chú trọng đến giá trị đặc biệt của võ thuật Trung Quốc để cường thân, cường thể, cường quốc, do đó mà tích cực đề xướng, tạo điều kiện cho sự phát triển của võ thuật Trung Hoa vào thời dân quốc có thể nói cuộc vận động Nghĩa hòa đoàn đã đặt nền móng cho sự phát triển ấy.

4. TINH VÕ THỂ DỤC HỘI

Cuối thế kỷ XIX, thể thao hiện đại từ phương Tây bắt đầu truyền sang Trung Quốc. Nhờ cuộc vận động Nghĩa hòa đoàn, võ thuật truyền thống Trung Hoa phát triển khắp các thành thị lớn. Hai phương thức thể thao cùng song song tồn tại một thời gian không thể hòa hợp nên mới có hiện tượng tranh đấu “Thổ Dương thể dục”. Hình thức “đá lôi đài” được tổ chức để võ sĩ trong và ngoài nước đấu võ, như Hàn Mộ Hiệp đấu lực sĩ Nga ở Bắc Kinh, Vương Tử Bình đấu lực sĩ Mỹ ở Thượng Hải, Tôn Lộc Đường đấu võ sĩ Nhật... võ thuật truyền thống và thể thao hiện đại cạnh tranh nhau khốc liệt, đó là điều không thể tránh khỏi.

Mùa xuân năm 1909, đại lực sĩ Tây phương là Opiin mở lôi đài ở Trương Viên, Thượng Hải, thách thức các quyền sư Trung Quốc, đòi “đánh bại cả nền võ thuật Trung Quốc”. Quyền sư Hoắc Nguyên Giáp nhận lời giao đấu,

cùng đệ tử Lưu Chấn Đông đến Thượng Hải, Ông nghe tiếng công phụ Hoắc Nguyên Giáp rất lợi hại nên trước khi đấu 1 ngày đã chuồn đi mất, do đó lôi dài do Hoắc Nguyên Giáp chủ trì hớn tháng, giao lưu bằng hữu các nơi. Qua sự đề nghị của bạn bè ở Thượng Hải, Hoắc Nguyên Giáp ở lại mở trường thể thao Tinh võ tại Ấp Bắc, Thượng Hải, thu nạp đồ đệ, Trần Công Triết, Trần Thiết Sinh, Triệu Thiên Bá, Lô Vĩ Xương, Vương Duy Phiên,... theo học. Mùa đông năm 1909, Hoắc Nguyên Giáp bị bệnh qua đời.

Năm 1910, Trần Công Triết cùng huynh đệ kế thừa di chí chấn hưng võ thuật Trung Hoa của Hoắc Nguyên Giáp, trên cơ sở của trường thể thao võ thuật Tinh Võ, thành lập Tinh võ thể dục hội, qua mấy năm không ngừng hoàn thiện, Tinh võ thể dục hội có tôn chỉ mục tiêu rõ ràng, quản lý tốt, trở thành tổ chức truyền bá võ thuật Trung Hoa cận đại hoàn thiện nhất.

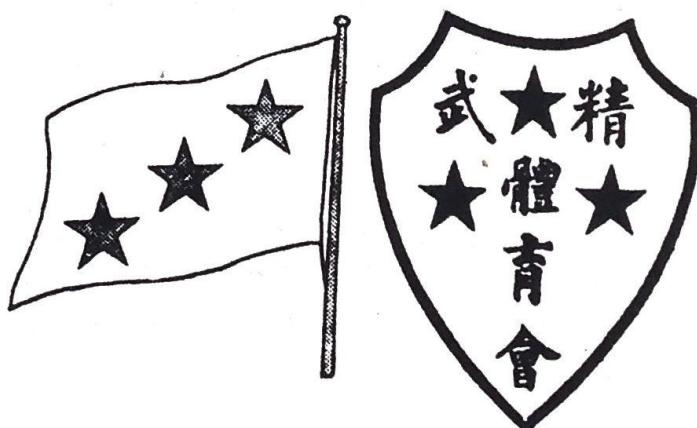
Mục tiêu của Tinh võ thể dục hội là phát huy thể thao dân tộc, truyền bá “quốc thuật” (đương thời gọi là võ thuật Trung Hoa là quốc thuật) khoa học hóa, truyền tập cho trăm vạn dân”

Tôn chỉ là: “Lấy võ thuật làm căn bản, lấy võ đức làm trọng tâm”. Hội viên Tinh hoa võ phát triển toàn diện thể dục, đức dục, trí dục; giới điều là: “Không được đặt nấm đấm của ta lên thân đồng bào ta”. Có 10 quy định: người học theo Tinh võ phải rèn thể, đức, trí (tam dục) toàn diện. Nhân cách Tinh võ là: công, chính, liêm, minh, tôn trọng trọng minh. Phong độ Tinh võ là: thành thực ngay thẳng, bác ái bình đẳng. Lời nói việc làm của Tinh võ: đi đứng nằm ngồi, thể hiện sự thật. Hội viên Tinh võ giữ chữ tín, coi trọng lời hứa, làm việc đúng giờ, không cầu

tha thứ. Chính nghĩa Tinh võ là tôn trọng nghĩa lý, không kể tình riêng. Tình bằng hữu của Tinh võ là yêu người yêu ta, coi như huynh đệ...

Tôn chỉ, nguyên tắc của Tinh võ thể dục hội thể hiện tinh thần yêu nước và võ đức truyền thống của võ thuật Trung Hoa.

Tinh võ thể dục hội có huy hiệu riêng, học viên đều đeo, huy hiệu thể hiện mục đích của người nhập hội. Huy hiệu hình lá chắn, ý là luyện võ tự vệ, bảo vệ đất nước, trong có 3 ngôi sao tượng trưng cho sự rèn luyện đức dục, thể dục, trí dục; có 5 chữ Tinh võ thể dục hội (xem hình 18). Cờ của Tinh võ thể dục hội là 3 ngôi sao, cũng là ý rèn luyện tam dục toàn diện.



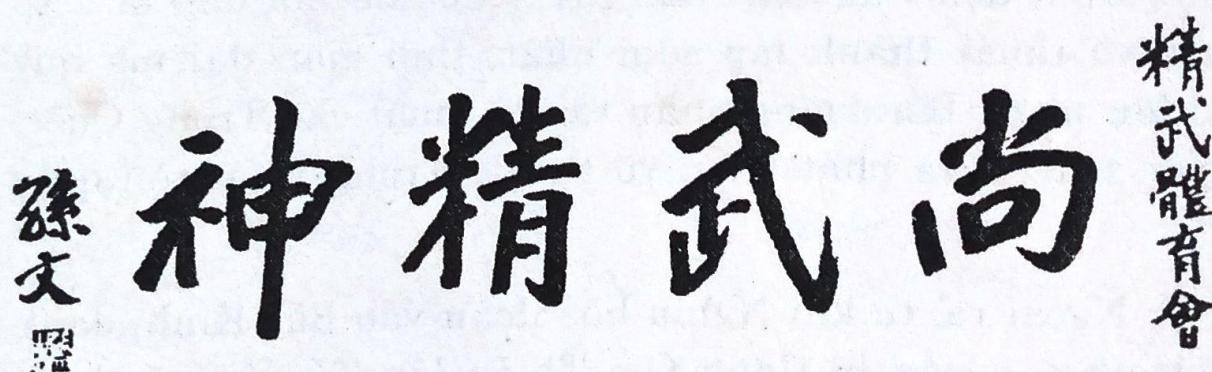
H.18 - Huy hiệu và cờ của Tinh võ thể dục hội

Nội dung huấn luyện của Tinh võ thể dục hội, thời kỳ đầu là chuyên về võ thuật Trung Hoa tập hợp tinh hoa của các môn phái quyền thuật Nam Bắc, tiêu biểu như dạy Thiếu Lâm quyền có Triệu Liên Hòa; Đường lang quyền có La Cương Ngọc; Phiên tử quyền có Trần Tử Chính; Nam quyền có Trần Duy Hiền, Mạc Gia. Các môn phái đoàn kết

với nhau, phá vỡ lề lối thủ cựu, chân thành học hỏi, lấy sở trường bổ sở đoản, phát dương văn hóa dân tộc.

Tinh võ thể dục hội về sau hấp thu thêm các phương pháp rèn luyện thể dục của hội thanh niên Thiên chúa giáo như bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, trượt băng, bơi lội, bắn cung... lại lập câu lạc bộ âm nhạc, ca kịch, nhiếp ảnh... kết hợp trong ngoài thành một khối, lấy võ thuật làm trọng điểm.

Tinh võ thể dục hội thường xuyên tổ chức các hoạt động biểu diễn thi đấu, ảnh hưởng rất lớn, hội viên tham gia càng lúc càng đông, tổ chức ngày càng phát triển, trừ ở Thượng Hải lập 3 phân hội, các nơi khác như Thiệu Hưng Triết Giang, Hán Khẩu Hồ Bắc, Quảng Châu Quảng Đông, Phật Sơn, Sán Đầu, Hạ Môn Phúc Kiến đều lập phân hội, trở thành đoàn thể võ thuật có ảnh hưởng mạnh nhất đương thời.



Hình 19 Đề từ của Tôn Trung Sơn “Thượng Võ Tinh Thần”

Năm 1919, Tinh võ thể dục hội tròn 10 năm, cử hành đại hội và xuất bản “Tinh võ bản kỷ”. Tôn Trung Sơn tiên sinh thân đề từ (hình 19), lại viết lời tựa, đánh giá rất cao tác dụng của Tinh võ thể dục hội với sự phát

triển của võ thuật Trung Hoa; “Từ khi vũ khí phương Tây truyền vào Trung Quốc, người trong nước bỏ đi tinh hoa võ thuật của mình, khiến cho người yếu nhược càng lúc càng nhiều... Người trong nước chỉ trộm được phần thô thiển của văn minh vật chất người ta mà bỏ đi cái kỹ năng bản thể vốn có của mình, cho là vô dụng, há chẳng sai lầm sao?... Tinh võ thể dục hội đã thành lập được 10 năm, thành tích to lớn, bậc thức giả gọi đó là học hội chuyên nghiên cứu thuật tu dưỡng thể phách, làm sống dậy tinh thần thượng võ dân tộc, làm cường thân kiện thể bảo vệ Tổ quốc. Có thể nói đã tạo cơ sở cho dân tộc phấn đấu với các cường quốc thế giới”.

Năm 1920, Tinh võ hội phái Trần Công Triết, La Tiếu Ngạp, Lê Huệ Tăng, Trần Sĩ Siêu (nữ) và Diệp Thư Điền, 5 người đến Nam Dương tuyên truyền, phát triển. Mấy năm sau, tại Singapore, Việt Nam, Malaysia... đều thành lập phân hội Tinh võ thể dục hội. Những năm 1950 phát triển đến Canada, Nam Mỹ... Có thể nói đây là 1 tổ chức võ thuật thành lập sớm nhất, thời gian dài mà quy mô lớn nhất. Bồi dưỡng nhân tài võ thuật cho Trung Quốc, tuyên truyền và phát triển võ thuật Trung Hoa trên quốc tế.

Ngoài ra, từ khi Nghĩa hòa đoàn vào Bắc Kinh, danh sư Hình ý quyền là Cảnh Gia Thiện lập Tứ dân võ thuật xã truyền dạy các môn Hình ý, Bát quái, Thái cực ở miền Hoà Thần, Địa an môn. Về sau đệ tử của Cảnh là Đặng Vân Phong kế tục phát triển; đệ tử của Đặng là Ngô Tử Chân tiếp tục nối bước, trải qua nhiều khó khăn, cho đến năm 1949 nước Trung Hoa mới được thành lập thì Tứ dân võ thuật xã mới hòa nhập vào con đường chính. Đây cũng là một số tổ chức có thời gian hoạt động lâu dài, bồi dưỡng

nhiều nhân tài cho đất nước. Tổ chức Bắc Bình thể dục nghiên cứu xã thành lập năm 1912 do các quyền sư có tiếng như Hứa Vũ Sinh, Quách Chí Vân lãnh đạo, mời được các danh gia võ thuật như Cảnh Thành Tín, Ngô Giám Tuyền, Triệu Tân Xuyên, Đồng Thụy Phủ truyền dạy. Năm 1916 lập ra Bắc Bình thể dục giảng tập sở, chiêu mộ võ sinh huấn luyện 2 năm, được sự tán thành và giúp đỡ của Thái Nguyên Bồi tiên sinh, đây là nơi được Bộ giáo dục công nhận là trường huấn luyện võ thuật duy nhất đương thời.

Năm 1913, Ngô Chí Thanh, Tạ Công Cường sáng lập Trung Hoa võ thuật hội tại Thượng Hải, chuyên luyện Thiếu Lâm quyền. Sau lại thêm Thái cực quyền, Bát quái quyền, Vật, lại thường cử võ sư đến các nơi truyền võ, tổ chức “Quốc kỹ biểu diễn đại học”. Sau năm 1920, thiết lập phân hội ở Pháp, Ấn Độ, đào tạo hội viên võ thuật trong ngoài nước hàng vạn người.

Năm 1911, Diệp Văn Biểu, Mã Phụng Các thành lập Trung Hoa võ sĩ hội ở Thiên Tân. Năm 1912, tổ chức biểu diễn võ thuật tại Công viên Thiên Tân, ảnh hưởng rất lớn, mời được nhiều danh sư tham gia dạy võ. Năm 1914, Trung Hoa võ sĩ hội phái Hác Ân Quang đến Tokyo Nhật Bản lập phân hội, phát triển võ thuật Trung Hoa.

Ngoài các tổ chức võ thuật dân gian, còn có Tôn Lộc Đường lập Phố Dương quyền xã, Trần Vi Minh lập Chí nhu quyền xã, Võ Hồi Xuyên thành lập Hồi Xuyên quyền xã, Ngô Giám Tuyền lập Giám Tuyền Thái cực xã, Võ thuật hội ở Tứ Xuyên, Trung Hoa võ thuật hội ở Thanh Đảo, An Huy quyền thuật nghiên cứu hội... không dưới trăm hội xã.

Ngoài ra có một tổ chức chưa lập hội xã nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của võ thuật Trung

Hoa, đó là Trung Hoa tân võ thuật. Người sáng lập là Mã Lương, người Bảo Dương, Hà Bắc, luyện Thiếu Lâm quyền từ nhỏ, năm 1901 dạy tại Sơn Tây lục quân học đường, bèn truyền dạy quyền thuật, vật. Năm 1914, Mã Lương phân giải quyền thuật theo giáo trình thể thao hiện đại làm thành giáo trình huấn luyện cơ bản, sau đó liên kết thành bài tập gọi là Liên quán giáo luyện, 2 người đối luyện gọi là đối thủ giáo luyện, sắp xếp theo trình tự từ dễ đến khó, chụp hình các tư thế để miêu tả, in ra thành sách, phân làm 4 khoa là vật, quyền cước, côn thuật và kiếm thuật, gọi là “Trung Hoa tân võ thuật” (Võ Trung Hoa mới). Bộ giáo dục thẩm định nội dung, cho rằng Trung Hoa tân võ thuật phù hợp trong trường học nên áp dụng dạy trong các trường phổ thông. Trung Hoa tân võ thuật hấp thu phương pháp thể thao phương Tây, tập động tác võ thuật theo hiệu lệnh, rất có tác dụng phổ cập võ thuật.

Sau khi dân quốc thành lập, ngoài Tinh võ thể dục hội và các tổ chức võ thuật quần chúng, còn lập ra Trung ương Quốc thuật quán mang tính Nhà nước. Năm 1927 do ý kiến của Thái Nguyên Bồi và 25 người khác được Quốc dân chính phủ phê chuẩn, Phùng Ngọc Tường, Trương Chi Giang làm quán trưởng (tương đương chủ tịch ủy ban thể dục thể thao quốc gia). Trung ương quốc thuật quán phân làm 3 bộ phận: giáo vụ, biên soạn, tổng vụ. Giáo vụ chuyên nghiên cứu quyền lý và truyền dạy võ thuật Trung Hoa, mời được các quyền sư nổi tiếng đương thời như Vương Tử Bình, Cao Chấn Đông, Mã Anh Đồ, Tôn Lộc Đường, Dương Trừng Phủ, Chu Quốc Trinh, Hàn Hóa Thần, đều là võ lâm cao thủ. Chiêu sinh khoảng 60 người có trình độ văn hóa trung cấp, có cơ sở võ thuật nhất định, không thu học phí, truyền dạy các loại quyền thuật, binh khí làm lực lượng nòng cốt để truyền bá võ thuật sau này. Bộ phận biên

soạn của Trung ương quốc thuật quán xuất bản Quốc thuật chu san, Quốc thuật quý san, Quốc thuật đặc san, chỉnh lý nhiều chuyên tác võ thuật như Thiếu Lâm Võ Đang khảo của Đường Hào; Hình ý Mẫu quyền của Khương Dung Tiều; Thất tinh kiếm của Ngô Chí Thanh; Lục hợp Đàm thoái đồ thuyết của Chu Quốc Trinh... tạo nền tảng lý luận võ thuật rất tốt.

Chiến tranh Trung - Nhật xảy ra, Trung ương quốc thuật quán chuyển đi các nơi Trường Sa, Quế Lâm, Trùng Khánh, nhưng sau vì thiếu kinh phí nên ngừng hoạt động vào năm 1943.

Trung ương võ thuật quán đề nghị các tỉnh lập phân quán. Theo sử liệu ghi chép, có các tỉnh Giang Tô, Triết Giang, Giang Tây, An Huy, Hồ Nam, Tứ Xuyên, Thiểm Tây, Sơn Đông, Hà Nam, Hà Bắc, Bắc Bình, Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Trùng Khánh, Nam Xương, Thanh Đảo. Chủ nhiệm các phân quán đại đa số là do thị trưởng Quốc dân đảng kiêm nhiệm nhưng cũng có một số tỉnh do các danh gia võ thuật làm chủ nhiệm, còn giáo viên dạy võ phần lớn là mời các danh sư trong vùng đảm nhiệm, do đó các bài quyền (sáo lộ) mỗi nơi mỗi khác nhau, nhưng nhờ đó các môn các phái trong giới võ thuật Trung Hoa được dịp phát triển mạnh.

VII. CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ NỔI TIẾNG TRONG VÕ THUẬT TRUNG HOA.

Lịch sử văn hóa là do nhân dân sáng tạo, văn hóa võ thuật Trung Hoa trong suốt mấy ngàn năm lịch sử phát triển đã có vô số anh hùng hào kiệt dồn hết tinh lực, đổ máu vun đắp nên nền tảng võ thuật vững chắc. Nhưng từ đời Tống trở về trước do võ thuật chưa trở thành hoạt động xã hội độc lập nên trong sử liệu ghi chép quá sơ lược về người và việc trong võ thuật. Chẳng hạn Cát Hồng là người sáng lập phái luyện đan trong Đạo giáo, trong các sử liệu đều chú trọng khai thác ông ở các phương diện dưỡng sinh, y học rất nhiều, song lại rất ít nói đến một Cát Hồng võ thuật gia có võ nghệ cao cường, lấy đạo dẫn luyện cường thân. Cát Hồng trong “Bắc phác tử - tự thuật” viết rằng: “Từ nhỏ từng luyện đao mộc và đơn đao, song kích, đều có khẩu quyết...”. Đến cuối đời, Cát Hồng còn “học thuật sử dụng côn 7 thước có thể đoạt được kích lớn”. Có thể thấy Cát Hồng giỏi võ nghệ, luyện tập suốt đời không nghỉ, tuổi già mà võ nghệ còn cao, có thể lấy côn chiến thắng binh khí bén nhọn. Hoạt động dưỡng sinh của Cát Hồng luôn kiên trì luyện thuật đạo dẫn, nên “năm 81 tuổi mà sắc mặt như thanh niên, người đời cho là đã hóa giải thân xác thành tiên”. (Tấn thư - Cát Hồng truyện).

Từ đời Minh về sau, trong lịch sử võ thuật mới bắt đầu xuất hiện các nhân vật nổi tiếng về võ nghệ được ghi chép trong sử tịch. Xin giới thiệu sơ lược một số:

DU ĐẠI DU (1504-1580)

Danh tướng chống Nhật đời Minh, tự là Chí Phụ, hiệu là Hư Giang, người Tấn Giang, Phúc Kiến. Từ nhỏ ham học, cha mất được kế tập làm bách hộ, luyện tập võ nghệ, cưỡi ngựa bắn cung, bái danh gia đường thời Lý Lương Khâm học trường kiếm. Sau tham gia thi võ, thành tích xuất sắc được thăng làm thiên hộ. Khi quân cướp biển Nhật xâm phạm biên giới duyên hải đông nam, Đại Du suất lĩnh quân Giang, Triết, Mân, Việt, lập được nhiều công lớn, được thăng tổng binh. Xuất phát từ yêu cầu chiến trận, Đại Du rất coi trọng võ nghệ, đặc biệt giỏi về côn pháp. Ông cho rằng: “nếu tinh thông côn pháp thì nắm bắt được các binh khí khác”. Đại Du viết “kiếm kinh” nói rõ cách luyện tập và sử dụng côn. Dời Minh nhà quân sự Hà Lương Thần khen trong “Trận Kỷ” rằng: “Chỗ ảo diệu của côn pháp nằm cả trong “kiếm kinh” của Đại Du. Đại Du đã tinh tâm nghiên cứu, so sánh ngắn dài, bỏ đi phần hoa hòe, lấy được phần tinh chất; luyện tập thuần thực có thể xưng là vô địch vậy”.

Thích Kế Quang trong “Kỷ hiệu tân thư” nói; “Tổng binh Du Công, lấy côn truyền dạy, chỗ ảo diệu gồm cả vào “kiếm kinh”. Không chỉ côn pháp, mà trường thương hay các binh khí khác cũng nên học ở đây”.

Trình Tông Du trong “Canh dư thặng kỹ” nói côn pháp Đại Du là “ảo mật ngàn năm chưa bị lộ”. Có thể thấy côn pháp của Du Đại Du sáng tạo độc đáo vô song.

Năm Gia Tĩnh thứ 40, Du Đại Du từ Đại Đồng Sơn Tây phụng mệnh đưa quân về Nam, đường qua Thiếu Lâm

Tự, võ tăng Thiếu Lâm biểu diễn côn pháp cho Du xem, Du nói: “đã mất chỗ tinh túy của cổ nhân” nhưng do thời gian gấp rút, không kịp ở lại chỉ điểm côn pháp nên nhận 2 tăng là Tông Kinh, Phổ Tòng tòng quân nam hạ “suốt 3 năm trời, Đại Du hết lòng chỉ dạy truyền hết tuyệt kỹ”, làm cho Côn pháp Thiếu Lâm được hoàn thiện một bước. Cho nên, trong quá trình phát triển của công phu Thiếu Lâm, Du Đại Du là người chỉ đạo rất sớm.

THÍCH KẾ QUANG (1520-1587)

Là danh tướng chống cướp Nhật đời Minh. Tự là Nguyên Kính, hiệu Nam Đường, người Bồng Lai, Sơn Đông. Xuất thân tướng mông, từ nhỏ chịu ảnh hưởng của cha là Thích Cảnh Thông “chuyên tâm học thao lược, theo đường võ nghiệp”. Năm Gia Tĩnh thứ 34, làm Tỉnh giang tham tướng, tham gia chiến đấu chống cướp Nhật lập nhiều công lớn thăng làm tổng binh. Năm Long Khánh nguyên niên, đến trấn thủ phương Bắc huấn luyện quân ngũ chỉnh tề, khí thế hùng mạnh, có thể gọi là danh tướng xưa nay.

Các trước tác binh thư của Thích Kế Quang có: kỷ hiệu tân thư, Luyện binh thực kỹ, Lâm nhung yếu lược, Võ bị tân thư, Trưởng tử tâm linh, Tướng thần bảo giám, đặc biệt Kỷ hiệu tân thư có nội dung rất phong phú, rất có giá trị đối với binh gia, trong đó không chỉ hướng dẫn cách sử dụng các loại binh khí, mà còn sáng tạo phương pháp sử dụng binh khí dài ngắn phối hợp, binh khí dài dùng trong cự ly gần (trường binh đoán dụng), binh khí ngắn dùng

trong cự ly xa (đoản binh trường dụng), bảo tồn các lưu phái võ thuật, binh khí đương thời. Kế Quang còn tập hợp tinh hoa quyền thuật các nhà biên soạn thành 32 thế Trường quyền (cố trách kỳ quyền chi thiện giả tam thập nhị thế, thế thế tương thừa, ngô địch chế thắng, thâm diệu mạc trắc, biến hóa vô cùng), rất có lợi cho việc rèn luyện sức khỏe và ứng dụng trong chiến đấu. Lại vē đồ hình của 32 thế Trường quyền, trở thành tư liệu quan trọng để luyện cho hậu thế. “Kỷ hiệu tân thư - Quyền kinh tiệp yếu thiên là điểm tịch sớm nhất mà chúng ta biết về võ thuật Trung Hoa. Thích Kế Quang không chỉ để lại 32 thế Trường quyền mà còn ghi chép các lưu phái, danh gia võ thuật đương thời, lại chỉ ra hoạt động võ thuật lúc ấy: “Bình thời trước mặt quan phủ thường múa may các loại hoa đao, hoa thương, hoa côn, hoa xoa” tức là hình thức biểu diễn hoa hòe, đẹp mắt mà không thực dụng, nên Thích Kế Quang không cho tập các thứ ấy vì “võ dụng, chỉ tạo hình thức đẹp cho người xem mà thôi”. Nhờ đó chúng ta biết được xã hội đương thời đã hình thành 2 hình thái: võ thuật biểu diễn và võ thuật thực dụng, rất có giá trị cho việc nghiên cứu võ thuật ngày nay.

Phối hợp với luyện quyền cường thân, Thích Kế Quang còn sáng tạo phép luyện thân lực: “Lúc luyện tập bình thường cũng mang áo giáp nặng, lại thêm trọng vật tăng dần lên tập cho quen, đến khi lâm trận tháo bỏ trọng vật, tự nhiên nhẹ nhàng, tiến thoái mau lẹ, gọi là luyện thân lực”. Luyện cước lực; “Các binh sĩ phải tập chạy, chạy một hơi hết một dặm mà không đổi hơi thở mới được. Như cổ nhân đeo túi cát tự nhiên nhanh nhẹn như bay, gọi là luyện cước lực”. Luyện thủ lực: “Phàm binh lính lúc tập luyện phải cầm binh khí nặng hơn so với binh khí trong thực chiến. Khi đã thuần thục, lâm trận dùng binh khí

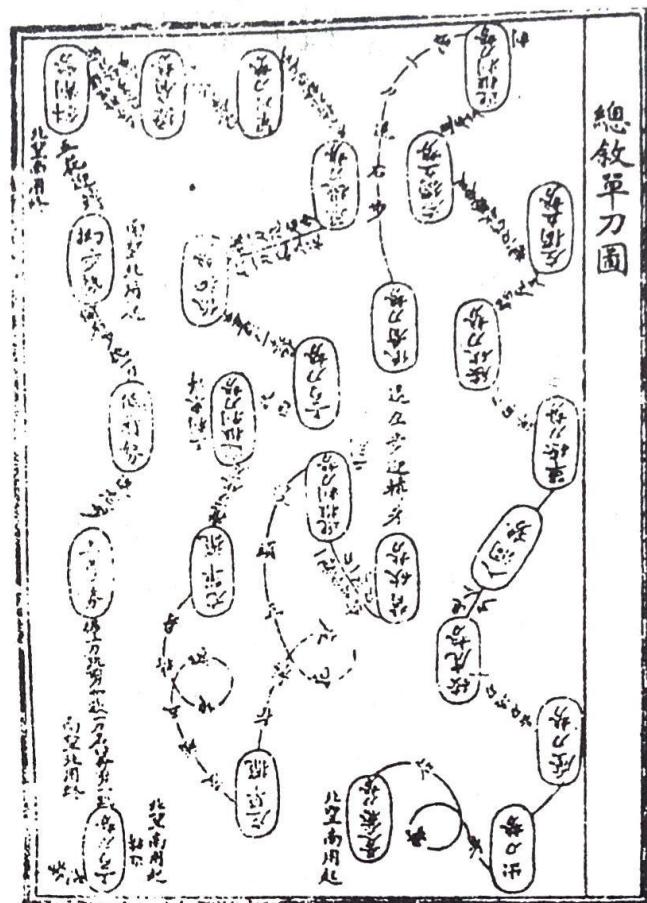
nhé, tự nhiên thủ pháp nhanh lẹ, không bị lụy bởi binh khí, gọi là luyện thủ lực". Lại thêm trong sử dụng binh khí còn sáng tạo cách luyện "thân pháp, bộ pháp, thủ pháp", đều là những phương pháp huấn luyện không thể thiếu trong luyện tập võ thuật hiện đại.

TRÌNH TÔNG DU

Là võ thuật gia đời Minh. Tự là Xung Đầu, người Hữu Minh, An Huy. Từ nhỏ đã lập chí luyện võ "hễ nghe ở đâu có danh sư là không ngại xa xôi tìm đến học". Sau lại vượt ngàn dặm lên Thiếu Lâm Tự học võ hơn 10 năm, bái Thiếu Lâm võ tăng Hồng Ký, Hồng Chuyển học côn pháp, luyện tập không ngừng nghỉ, có nhiều sáng tạo, tự thành một phái. Lại còn học đao pháp với danh sư Lưu Văn Phong ở Triết Giang, học thi pháp với quyền sư Lý Khắc Phục ở Hà Nam, còn tự học nổ pháp (bắn nỏ). Năm Thiên Khải thứ 2, Trình Tông Du nhận lời mời của tuần phủ Thiên Tân, đưa đệ tử hơn 80 người vào quân doanh, đảm nhiệm việc huấn luyện binh sĩ, truyền dạy côn pháp, đao pháp, nổi tiếng đương thời. Sau tuần phủ mất chức, Tông Du về quê cũ, lấy việc dạy võ và trước tác qua ngày. Các trước tác của ông gồm Thiếu Lâm côn pháp xiển tông, 3 quyển; Trường thương pháp tuyển 1 quyển; Đơn đao pháp tuyển 1 quyển; Quyết trường tâm pháp (tức phép bắn nỏ), tổng hợp lại gọi là Canh dư thặng kỹ. Đây là cuốn võ thư phản ánh sự phát triển võ thuật đời Minh tiếp sau cuốn kỹ hiệu tân thư.

Hình 20 Dao pháp lộ tuyến trong Đơn dao pháp tuyển

Trình Tông Du còn kết hợp võ thuật ứng dụng với võ thuật biểu diễn để hấp dẫn người tập, đây cũng là một bước phát triển. Trong 3 cuốn của ông sáng tác có luyện đơn thế (thế rời), có cả đồ hình biểu thị lộ tuyến luyện võ sớm nhất trong võ thư cổ đại, thể hiện võ thuật đã có hướng phát triển cố định về sáo lô (bài quyền).



Trình Tông Du một đời theo học rất nhiều thầy, về côn pháp có nhiều sáng tạo nhưng ông cho rằng: “Duy nước có nguồn, cây có gốc, chút sở đắc của ta là nhờ Thiếu lâm tôi luyện, đâu dám trộm lấy oai danh”. Thái độ tôn sư trọng đạo, phát dương võ đức của ông rất đáng khâm phục vậy.

TRƯƠNG TÒNG KHÊ

Người Triết Giang đời Minh. Theo “Ninh Ba phủ chí” ghi chép Tòng Khê giỏi võ nghệ, tinh thông Nội gia quyền pháp, nhưng vẻ người nho nhã, cung kính lẽ độ, dáng như văn nhân, người xin học võ chỉ khiêm tốn bái tạ mà đi. Năm Gia Tĩnh, võ tăng Thiếu Lâm Tự tham gia chống Nhật đến huyện Cận, người nói Trương Tòng Khê võ nghệ rất cao bèn đến mời đấu võ, Tòng Khê tránh mặt không ra, bọn thiếu niên trong làng khẩn khoản mời mãi Tòng Khê mới nhận lời. Lúc ấy chư tăng ngồi trên tảng lầu. Tòng Khê đến ngồi một bên, một võ tăng phóng đòn tấn công bằng một thế đá lật, Tòng Khê chỉ khẽ nghiêng người, đưa tay phát lực, vị tăng kia văng ra té xa hơn 1 trượng, chúng tăng đều phục. Năm 70 tuổi, ông vẫn còn có thể dùng tay nâng đá hàng trăm cân. Tòng Khê có 3, 4 đệ tử, trong đó Diệp Kế Mỹ là xuất sắc nhất, Nội gia quyền dần dần lưu hành ở Ninh Ba, là Nội gia quyền Nam phái.

Diệp Kế Mỹ truyền cho Đơn Tư Nam, Đơn Tư Nam không thu đệ tử, Vương Lai Hàm từ trên lầu lén quan sát mà học được phần tinh túy. Cuối đời Minh, con Hoàng Tông Hy là Hoàng Bách Gia theo Vương Lai Hàm học, diễn Nội gia quyền thành 1 cuốn “Nội gia quyền pháp”. Đây là trước tác Nội gia quyền thuật duy nhất còn lưu lại. “Thanh sử cáo - Vương Lai Hàm truyện” nói: “Sau Bách gia thì không còn truyền nữa”, đây là nói Nam phái Nội gia quyền không có người kế tục chứ không phải Nội gia quyền tuyệt tích.

NGÔ THÙ (1611-1695)

Tự là Tu Linh, biệt hiệu Thương Trần Tử, người Đại Thương, Giang Tô sống vào cuối đời Minh đầu Thanh. Ngô Thù vốn là thư sinh, học hành thi cử, sau thấy trung nguyên lộn xộn, không có chỗ thi thoả, bèn bỏ văn học võ, đọc “Tôn tử binh pháp” và “Kỷ hiệu tân thư”, tập cưỡi ngựa bắn cung. Năm Sùng Trinh thứ 6, danh gia thương pháp là Thạch Kính Nham đến Báo Bản tự ở Thương Châu, Ngô thù cùng Hạ Quân Nghi, Đào Phù Đình bái Thạch Kính Nham làm thầy, học Thương pháp. Ngô Thù khổ luyện 3 năm, nắm được chỗ tinh vi của thương pháp, từ đó về sau càng cố công nghiên cứu thương pháp, lại “học côn pháp ở sách Trình Xung Đầu, học Thiếu Lâm thương pháp ở sách Hồng Chuyển, học thương pháp Mã Gia từ Trịnh Hoa Tử, học thương pháp Hàn thị ở Liêu Thành, sau cùng học Nga Mi thương pháp với Trình Trực Nhu”.

Ngô Thù say sưa học thương pháp suốt 30 năm, “thường cùng danh sư thương pháp bốn phương biểu diễn giao lưu bạn bè” (Thủ tự lục), danh tiếng vang lừng.

Ngô Thù không chỉ tinh thông thương pháp mà còn giỏi về yêu dao, đằng bi, lang tiên... các loại binh khí: học kiếm thuật từ Ngư Dương lão nhân, học song đao từ hiệp khách Thiên Đô, có thể nói là am tường toàn diện. Về sau truyền thụ võ nghệ ở Thịnh Tân, Lộc Ấp, Hà Nam, nghiên cứu binh khí cùng các danh gia các nơi. Năm Khang Hy thứ 17, viết “Thủ tự lục” gồm 6 quyển, gồm có Đơn dao đồ thuyết, Tiên thương thuyết, Kiếm quyết, Song đao thuyết, Đằng bi yêu dao pháp, Nga Mi thương pháp, Mộng Lục Đường thương pháp, đều là những tư liệu rất quý của võ

thuật cổ đại. Ngô Thủ một đời học võ, có cống hiến rất lớn cho võ thuật Trung Hoa, đặc biệt là thương pháp. “Thủ túc lục” là danh tác võ thuật Trung Hoa.

CAM PHƯỢNG TRÌ

(sóng vào khoảng đời Khang Hy đến Càn Long)

Người Giang Ninh, Giang Tô. “Từ nhỏ có tiếng là dũng lực”, nhưng tướng mạo nho nhã tuấn tú, người gặp đều không tin là võ sĩ.” Thường nói với người rằng: Sức của ta không quá người thường, sở dĩ có thể thắng được người là nhờ ở chỗ mượn sức người để chế người”.

“Thanh sử cáo - Cam Phượng Trì truyện” nói: Cam Phượng Trì lúc thiếu thời từng du hành kinh sư, thị vệ thân vương là Trương Đại Nghĩa vũ dũng mạnh mẽ, nghe tiếng Cam Phượng Trì mới đòi đấu võ. Phượng Trì mấy lần từ chối không được bèn nhận lời. Đại Nghĩa cao lớn mạnh mẽ, ngón chân có đeo móng sắt, bay đến đá Cam Phượng Trì một bước, Phượng Trì thoái bộ sang bên, lấy tay phát vào chân Nghĩa, Nghĩa lập tức té nhào máu chảy ướt giày, tháo giày ra xem thấy móng sắt ở ngón chân hít sâu vào thịt.

Theo “Thanh bại loại khảo”: Cam Phượng Trì đi chơi vùng Giang Bắc, đến trấn Hoàng Kiều huyện Thái Hưng vì thiếu tiền nên ra chợ biểu diễn võ thuật mưu sinh, “người xem như hội”. Nhưng có tên ác bá họ Vương ở đây “sức mạnh vô địch, có thể phi thân qua nhà cao, ai đấu với Vương mõ cũng đều thua, vang tiếng xa gần”. Vương mõ đến chỗ ở của Phượng Trì gây chuyện, Phượng Trì mấy lần

nhường nhịn, Vương mõ cho là sợ hắn nên vung quyền đánh tới. “Phượng Trì ưỡn bụng đỡ đòn, miệng nói; “Đắc tội, đắc tội”. Vương mõ đánh vào bụng Phượng Trì chẳng khác bị va vào vách đá, lui văng tường làm vỡ tường”.

Cam Phượng Trì tinh võ nghệ, giỏi nội công, “tay có thể bóp chì ra nước”, lại có thể hành khí, đạo dẫn trị bệnh. “Có con họ Đàm bị bệnh không chữa khỏi, Phượng Trì vào Tịnh thất đêm tựa lưng với người bệnh mà ngồi, 49 ngày thì bệnh khỏi hẳn”.

Thời Ung Chính nổi lên văn tự ngục, tổng đốc Triết Giang Lý vệ bắt Cam Phượng Trì, sau được Ung Chính phê chuẩn ân xá, năm hơn 80 tuổi chết ở nhà. Cam Phượng Trì hành hiệp trượng nghĩa, cứu nhân độ thế, trong giang hồ lưu truyền nhiều giai thoại về hiệp khách họ Cam, kỳ thực đây là biểu hiện chống đối của giới võ thuật giang hồ đối với chính quyền Thanh triều.

Trong “Thanh sử cảo” còn ghi chép các nhân vật giỏi võ nổi tiếng đương thời như Chữ Sĩ Bảo, Phùng Hành Trinh, Tào Trúc Trai, Phan Bội Ngôn, Giang Chi Đống.

DƯƠNG LỘ THIỀN (1799-1872)

Nguyên danh Lộc Thiền, người Vĩnh niên, Hà bắc. Có 2 thuyết nói về việc Lộ Thiền đến Trần Gia Câu huyện Ôn, Hà Nam học quyền: Một là, nhà nghèo từ nhỏ bán cho nhà Trần Đức Hô ở Trần Gia Câu làm nô bộc, vì thích Thái cực quyền nên bái Trần Trường Hưng làm thầy, được mật truyền của Thái cực quyền. Thuyết thứ hai là từ nhỏ

đã tập luyện võ nghệ, hâm mộ Thái cực quyền ở Trần Gia Câu nên 3 lần đến huyện Ôn cầu học mới được Trần Trường Hưng mật truyền. Trở về Vĩnh Niên, Hà Bắc, lấy dạy quyền làm nghiệp. Vì quyền pháp của ông có thể hóa giải được kinh lực đối phương và khắc chế nhẹ nhàng nên người ta gọi là quyền pháp ấy là "Niêm miên quyền", "Nhuyễn quyền", "Hóa quyền". Người trong huyện là Võ Vũ Tương theo Dương học được tâm truyền. Võ Vũ Tương là dòng thư hương môn đệ, nhờ Võ Như Thanh làm viên ngoại lang ở bộ Hình, Bắc Kinh giới thiệu Dương Lộ Thiền đến dạy quyền cho nhà họ Trương ở Thiên Nghĩa Tương Viên đi kèm, Bắc Kinh. Nhà họ Trương vốn đã có quyền sư, thấy Dương Lộ Thiền thân hình không vạm vỡ lại thấy quyền pháp nhẹ nhàng võ lực như bông mới hỏi Dương Lộ Thiền rằng: "Niêm miên quyền của ông có thể đánh người được chăng?" Đáp: "Người đồng, người sắt, người đá đều đánh được cả". Liền đó quyền sư kia cùng Lộ Thiền đấu võ trong vườn Trương già. Vì quyền sư cho rằng chỉ một quyền là có thể hạ họ Dương, không ngờ đánh luôn mấy quyền đều bị Dương hóa giải, bèn dốc toàn lực đánh 1 đòn cuối, Lộ Thiền tiếp kinh quăng quyền sư kia văng xa ngoài 1 trượng. Từ đó vang tiếng khắp kinh sư, được Đoan Vương mời làm quyền sư. Để thích ứng với yêu cầu kiện thân của quý tộc Mân Châu, Dương Lộ Thiền cải tiến các động tác nhảy trong đường quyền thành động tác bước tới nhẹ nhàng, rất được các Vương Công Thanh triều hoan nghênh, người theo học quyền ngày càng đông. Do đó có thể thấy rằng, Thái cực quyền sơ kỳ là lập trên cơ sở chiến đấu, sau khi Dương Lộ Thiền học Thái cực quyền đến tinh thông, có bản lĩnh chiến đấu cao cường rồi mới thích ứng hoàn cảnh, cải tạo Thái cực quyền trở thành một môn quyền pháp tuyệt vời để kiện thân ích thọ.

Dương Lộ Thiền ở Đoan Vương phủ dạy quyền có các đồ đệ như Vương phủ thị vệ Lăng Sơn, Toàn Hựu, Vạn Xuân được chân truyền Thái cực quyền. Toàn Hựu truyền cho đệ tử là Ngô Giám Tuyền, tức khởi nguyên của Ngô thức Thái cực quyền.

Dương Lộ Thiền có 2 con là Dương Ban Hầu và Dương Kiệt Hầu đều theo nghề võ, tinh thông quyền pháp. Ban Hầu tính cương liệt, ưa đấu võ, nghe nói từng đánh bại một võ sĩ Hà Lan có biệt danh là “Vạn cân lực”. “Vạn cân lực” có thể đánh nát cả bia đá, nhưng Ban Hầu chỉ dùng tay kéo một cái quăng “Vạn cân lực” bay xa hơn mấy trượng. Con thứ của Kiệt Hầu là Trừng Phủ, kế thừa di chí của cha, chuyên cần luyện võ, tuyệt kỹ cao siêu, rất có tiếng tăm. Vương Trừng Phủ từng dạy Thái cực quyền từ Bắc Bình đến Vũ Hán, Nam Kinh, Quảng Châu, Thượng Hải, Hàng Châu, làm trưởng giáo vụ Triết Giang quốc thuật quán, học trò nhiều người thành tài. Từ cơ sở Thái cực quyền đại giá của ông nội là Dương Lộ Thiền sáng chế, Trừng Phủ đã chỉnh lý cải tiến thành Dương Thức Thái cực quyền, trước tác “Thái cực quyền thể dụng toàn thư” có kèm đồ hình và giải thích cách luyện, động tác của Thái cực quyền.

HOẮC NGUYÊN GIÁP (1856-1909)

Nguyên quán ở Thương Châu, Hà Bắc, sau theo cha di cư đến huyện Tĩnh Hải. “Thanh bại loại khảo” viết rằng: Nhà họ Hoắc 7 đời lừng danh quyền pháp, là một thế gia võ nghệ. Nghe nói trong 3 anh em, Hoắc Nguyên Giáp thân thể gầy yếu, phụ thân sợ Nguyên Giáp học võ không thành tài sẽ bị người ta chê cười, nên không dạy quyền cho Nguyên Giáp. Nhưng Nguyên Giáp quyết tâm luyện võ, ban ngày cố nhớ chiêu thức của cha và anh tập, ban đêm lén ra sau vườn luyện tập, cuối cùng năm bắt được “Mê Tông Nghê” tổ truyền, giỏi hơn cả cha, anh. Về sau, Nguyên Giáp hấp thu sở trường của các phái Bắc quyền, hình thành Hoắc gia quyền rất nổi tiếng.

Nhà họ Hoắc mở một hiệu thuốc trên đường Khúc Diếm, thành phố Thiên Tân, có bọn hiếu sự thích gây gổ nghe Hoắc Nguyên Giáp có thần lực muốn thử bản lĩnh, bèn nhân đêm tối khiêng một tảng đá lớn nặng mấy trăm cân đến chặn trước cửa hiệu thuốc, buổi sáng mở cửa, Hoắc Nguyên Giáp thấy tảng đá lớn chặn cửa bèn tung một cước, tảng đá lăn xa đến vài trượng, mọi người đều kinh phục bản lĩnh. Đầu năm Dân Quốc, khi thể dục thể thao hiện đại truyền vào Trung Quốc, các đại lực sĩ phương Tây thường đến Trung Quốc đấu võ, Hoắc Nguyên Giáp từng liên tục đánh thắng ở Thiên Tân, Bắc Kinh. Năm 1903, lực sĩ nước Anh Opiin đến Thượng Hải lập lôi đài, huênh hoang rằng sẽ đánh bại cả nền võ thuật Trung Hoa. Sau khi báo Thượng Hải đăng tin, người người đều bị kích động. Hoắc Nguyên Giáp cùng đệ tử là Lưu Chấn Thanh đến Thượng Hải giao đấu. Khi lập tờ giao ước trên võ đài, Opiin thấy Hoắc Nguyên Giáp khí thế phi phàm nên nể

sợ, đế xuất lúc giao đấu không được sử dụng quyền, cắm chõ, xỉa ngón tay, đá. Nguyên Giáp cười rằng: “Chẳng lẽ đấu võ chỉ dùng hơi thở thôi sao?” Ngày hôm sau Opiin lén đi mất. Hoắc Nguyên Giáp chủ trì lôi dài lần ấy. Phàm là người Trung Quốc lén dài tỷ thí, Nguyên Giáp đều lấy thiện ý giao lưu võ nghệ, không tranh thắng bại. Nói rằng: “Tôi đến đây là để tranh sống chết với dị tộc, không muốn tự tàn hại đồng bào”.

Mùa thu năm ấy có võ sĩ Nhật Bản đòi đấu võ với Nguyên Giáp, Hoắc Nguyên Giáp chỉ nghĩ là giao đấu đường đường chính chính để quyết hơn thua, không ngờ võ sĩ Nhật hạ độc thủ, Nguyên Giáp chỉ có thể đánh trả, liên tiếp mấy người bị gục xuống đất, gãy xương đổ máu, do đó mà đau đớn trong lòng. Mùa đông năm ấy, Hoắc Nguyên Giáp bị ngộ độc được mà chết, cái chết của ông đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

Khi Hoắc Nguyên Giáp qua đời, con trai là Hoắc Đông Các mới 15 tuổi, kế thừa di chí của cha quyết chấn hưng võ thuật Trung Hoa. Năm 1915, một mình Hoắc Đông Các đến các vùng Hoa kiều ở Nam Dương truyền thụ võ nghệ, có công hiến rất lớn trong sự phát triển Wushu Trung Quốc.

VƯƠNG TỬ BÌNH

Người Hồi, ở Thương Châu, Hà Bắc. Từ nhỏ luyện võ, tinh thông các loại quyền thuật Bắc phái. Đầu thời kỳ Dân Quốc, các nơi đều có võ sĩ phương Tây đến Trung Quốc đấu võ, Vương Tử Bình nhiều lần tỷ thí và chiến thắng. Năm 1916, đánh bại võ sĩ Nhật Bản Tả Đằng ở Tế Nam, năm 1920 đánh bại võ sĩ Đức Kebama và võ sĩ Mỹ là Saliwen lập lôi đài “Vạn quốc khắc kỷ trường”, giới võ thuật Thượng Hải cử Vương Tử Bình phá đài, khi Tử Bình vừa lên đài để làm việc giao kèo, Saliwen bất ngờ từ phía bên cạnh lao tới tấn công, Tử Bình chỉ nghiêng người tránh, đối phương lại tấn công tiếp, Tử Bình lần này không né tránh, dùng quyền ngăn đòn tung luôn một cước vào bụng, đối phương ngã gục ra đất. Đêm hôm đó, Saliwen bèn gởi 1 tờ giấy, nói là thủ tiêu cuộc đời.

Năm 1928, chính phủ Dân Quốc thành lập Trung ương Quốc thuật quán, Trương Chi Giang làm chủ nhiệm, mời Vương Tử Bình làm trưởng môn Thiếu Lâm, chuyên dạy quyền thuật Bắc phái và vật. Vương Tử Bình một đời luyện võ dạy võ, danh tiếng lẫy lừng. Tuổi già vẫn nghiên cứu y hiệu bảo kiện và chỉnh lý bài quyền (sáo lộ), có công hiến lớn đối với sự hoàn thiện của Wushu Trung Quốc.

VIII. VĂN HÓA VÕ THUẬT TRUNG HOA.

1. ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

Thuyết Âm dương khởi từ Chu Dịch: “Cho nên dịch có thái cực, sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”. Lưỡng nghi nói ở đây là càn - khôn, âm - dương. “Càn, dương vậy. Khôn, âm vậy. Âm dương hợp đức mà cương nhu có thể”. (Chu Dịch Hệ từ). Âm dương vốn là 2 mặt đối lập, nhưng lại là thống nhất, chỉ có thống nhất mới có thể hóa sinh vạn vật. Trời đất tự nhiên có đạo âm dương, lý luận xã hội cũng có đạo âm dương, sinh lý cơ thể có đạo âm dương, khí huyết, ấm lạnh, mạnh yếu của cơ thể đều biểu thị ở âm dương. Lý luận âm dương trở thành pháp tắc cơ bản để người Trung Hoa cổ đại nhận thức vạn vật, do đó võ thuật Trung Hoa cũng không nằm ngoài lẽ ấy. “Trang Tử - Nhân gian thế” đã nói đến âm dương trong lý luận đầu quyền, âm dương đại biểu cho sự cương cường, nhu nhuyễn, ẩn bế, công khai (Thả dī xảo đấu giả, thủy hồ dương, thường tốt hồ âm, đại chí tắc đa kỳ xảo).

Đến đời Hán, mượn lời Việt nữ luận kiêm từ đời Xuân Thu, tiến thêm 1 bước phát triển lý luận chuyển hóa âm dương trong phép sử dụng binh khí “kiêm đạo rất tinh vi mà lại đơn giản, ý vị rất mơ hồ mà lại rất sâu xa. Đạo có cổng, cửa; cũng có âm dương. Mở cổng đóng cửa, âm suy

dương hưng. Phàm cái phép giao đấu, tinh thần vững chắc ở trong, vẻ an dật hiện ra ở ngoài. Thấy có vẻ như thiếu phụ hiền lành mà khí thế tấn công chẳng khác mãnh hổ... (Ngô Việt Xuân thu - Câu Tiên âm mưu liệt truyện). Đoạn này nói rõ lý luận đánh kiềm thích hợp với binh khí vốn có. Lấy âm dương tiêu trưởng làm nhân quả nói rõ sự biến hóa trong đối trận 2 bên, có đóng tất có mở, phòng thủ tiêu cực sẽ tạo điều kiện tấn công cho đối phương. Hư và thực, hình và thần phải hòa hợp nhất trí, công thủ tương hỗ, tấn thoái đúng lúc, lấy tĩnh chế động, lấy nhanh chế chậm, không thể cố định một cách thức nào, phải làm cho đối phương không dò xét được mới có thể nắm bắt thế chủ động, vận dụng thoái mái. Mâu thuẫn đối lập - thống nhất là cơ sở lý luận về sử dụng binh khí chiến đấu. Dời Minh, võ tướng Thích Kế Quang viết: "Trường binh đoán dụng thuyết", "Đoán binh trường dụng thuyết" lại phát huy cơ sở lý luận âm dương thêm 1 bước: "phù, binh khí dài phải sử dụng được chỗ ngắn, nguyên tắc ấy thế nào? Nếu đâm ra mà không trúng hoặc trúng không nhầm chõ yếu, tất sẽ bị địch thủ dùng đoán binh tiếp cận, lúc ấy ta thâu binh khí dài không kịp, binh khí hóa vô dụng, chẳng khác gì tay không vây. Phép đoán dụng trong binh khí dài là thủ pháp và bộ pháp hợp nhất, khi phát đòn không trúng tất nhanh chóng sử dụng thủ pháp rút ngắn cán thương, lui đến 1 thước, có thể đánh gần được, công dụng lúc ấy giống như binh khí ngắn vậy. Dịch thủ sử dụng trường thương 1 trượng 1, 8 thước, ta dùng côn dài không quá 6, 7 thước, khi giao đấu, địch thủ dùng thương đâm tới lẹ như lưu tinh, ta sử dụng binh khí ngắn hơn tất có lợi ở chõ tấn tới nhanh, dùng phép đánh côn liên đả (đánh liên tiếp) vượt quá tầm xung sát của mũi thương, nhập vào sát địch thủ không chế hoàn toàn, chỉ có đoán binh của ta tung hoành

mà thôi” Đây là căn cứ lý luận âm dương tiêu trưởng tương hõi tương thành phát triển mà ra.

Kỹ thuật chiến đấu hay biểu diễn trong võ thuật đều lấy âm dương tiêu trưởng làm cơ sở. Quyền lý thông thường gọi động là dương, tĩnh là âm. Xuất thủ là dương, thâu thủ là âm. Thượng bộ là dương, thoái bộ là âm. Cương kình là dương, nhu kình là âm. Phát kình là dương, thâu kình là âm. Tay chân duỗi ra là dương, cơ khớp co lại là âm. Khai triển là dương, khép vào là âm. Chưởng tâm (lòng chưởng) hướng lên là dương, hướng xuống là âm. Phần lưng là dương, phần bụng là âm. Cạnh ngoài là dương, cạnh trong là âm. Huyết là âm, khí là dương. Do đó khi một bài sáo lộ (bài quyền) thành hình, phải bao hàm cả sự biến hóa động - tĩnh, cương - nhu tương tế, hư - thực giao hoán, trong ngoài khai hợp, lên xuống tới lui, mau chậm kết hợp, công thủ kiêm bị. Thiếu Lâm Tự đoán đả quyền phổ” nói rằng: “Nếu không rõ âm dương tất không có sự ảo diệu của biến hóa, trở nên ngưng trệ không thông”. Không có âm dương biến hóa thì mất đi vẻ rực rỡ, hấp dẫn trong biểu diễn võ thuật.

Hình ý quyền từ góc độ ý nghĩa mà nói là kết hợp âm dương “Thủ phép của gấu, ưng thành quyền. Âm dương ám hợp là nguồn gốc của hình ý” (Hình ý quyền lưỡng nghi ca). Ưng bay trên trời lấy ý là động, là trời, là trên, là công. Gấu ở dưới đáy, lấy ý là tĩnh, là đất, là dưới, là thủ. Quyền pháp của Hình ý quyền chính là sáo lộ từ âm dương tiêu trưởng, biến hóa vô cùng.

Thái cực quyền là tự Kinh Dịch “Thái cực sinh lưỡng nghi”, lấy âm dương làm cơ sở. “Cơ động cơ tĩnh, mẹ của âm dương, động thì phân ra, tĩnh thì hợp lại”. “Trong tĩnh chứa động như tĩnh, nhờ đó biến hóa rất thần kỳ” (Thái

cực quyền kinh. Luyện tập Thái cực quyền, tối quan trọng là nắm bắt được cái cơ biến hóa của âm dương. “Âm bất ly dương, dương bất ly âm. Âm dương tương tế, mới gọi là hiểu kinh” (Thái cực quyền ca). “Kinh đổi từ trong thâu tức là hợp, phóng tức là khai. Tĩnh thì đều tĩnh trong hợp có khai, động tất đều kinh, trong khai có hợp” (Tẩu giá đả thủ hành động yếu ngôn).

“Trần Thị Thái cực quyền đồ thuyết” nói rất rõ ràng “thuần âm không dương là nhuyễn thủ (mềm yếu), thuần dương vô âm là ngạnh thủ (cứng rắn). Chỉ có ngũ âm hợp ngũ dương, âm dương không thiên lệch mới xứng là diệu thủ”. Âm dương hòa hợp, cương nhu phối triển, mới có thể đạt đến cảnh giới cực diệu của Thái cực quyền.

Chu Dịch nói “Lưỡng nghi sinh tứ tượng”, tứ tượng là 4 mùa trong năm, 4 mùa xuân hạ thu đông đều có hành thổ thêm vào 4 hành kim mộc thủy hỏa kia thành ngũ hành. “Cho nên ngũ hành trong 4 mùa đều có thổ” (Xuân thu phồn lộ - Ngũ hành chi nghi).

Ngũ hành có ngũ sắc (5 màu), thể hiện trong âm thanh là ngũ âm, thể hiện trong điều vị và ngũ vị. Trong cơ thể có ngũ tạng “Đông phuơng sinh mộc, mộc sinh toan (chua), toan sinh can (gan).

- * Nam phuơng sinh hỏa, hỏa sinh khổ (đằng), khổ sinh tâm (tim).
- * Trung ương sinh thổ, thổ sinh cam (ngot), cam sinh tỳ.
- * Tây phuơng sinh kim, kim sinh tân (cay), tân sinh phế.
- * Bắc phuơng Bình thủy, thủy sinh hàm (mặn), hàm sinh thận”

(Theo Hoàng đế nội kinh - Tố vấn - Âm dương ứng Tượng đại luận).

Âm dương là tiêu trưởng hổ tương, còn ngũ hành là tương sinh tương khắc. Tương sinh là thúc đẩy nhau cùng tiến, có ý cùng tồn tại, tức có tác dụng tích cực với nhau. Còn tương khắc là khắc chế lẫn nhau, có tác dụng ức chế tiêu cực với nhau. Trình tự của ngũ hành tương sinh là Mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, tuần hoàn về lại như trước. Trình tự của ngũ hành tương khắc là mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, cũng tuần hoàn như trên.

Học thuyết ngũ hành tương sinh tương khắc thể hiện quan điểm biện chứng pháp đối với phát triển sự vật của người Trung Hoa cổ đại.

Trong võ thuật thể hiện tư tưởng ngũ hành rõ nhất là “ngũ hành quyền” trong Hình ý quyền, có tý quyền, băng quyền, toàn quyền, pháo quyền, hoành quyền. Lấy ngũ quyền kết hợp với ngũ tạng, ngũ quan cơ thể đạt đến tác dụng rèn luyện độc đáo: Tý quyền tượng kim, trong nội tạng cơ thể là phế, trong ngũ quan là mũi (mũi là khiếu của phổi), tý quyền thuận thời thì phế khí sung mãn, mũi thông. Băng quyền tượng mộc, trong nội tạng cơ thể là can, trong ngũ quan là mắt (mắt là khiếu của gan), băng quyền thuận thời thì can khí sung mãn, mắt sáng. Toàn quyền tượng thủy, trong nội tạng cơ thể là thận, trong ngũ quan là tai (tai là khiếu của thận), toàn quyền thuận thời thì thận khí sung mãn, tai thính. Pháo quyền tượng hỏa, trong nội tạng cơ thể là tim, trong ngũ quan là lưỡi (lưỡi là gốc của tim), pháo quyền thuận thời thì tim khí tráng, lưỡi tươi. Hoành quyền tượng thổ, trong nội tạng cơ thể là tỳ trong ngũ quan là nhân trung (nhân trung thông tỳ), hoành quyền thuận thời thì tỳ khí mạnh, nhân trung bình.

Ngũ hành quyền là căn cứ theo lý luận y học cổ truyền, đối ứng với ngũ tạng ngũ quan cơ thể mà rèn luyện. Kết quả thế nào tuy chưa hoàn toàn khẳng định nhưng trong võ thuật đã phản ánh tư tưởng triết lý truyền thống, thể hiện võ thuật dung hợp với văn hóa truyền thống rất rõ.

Trong võ thuật, ngoài thuyết ngũ hành mang tính lý ra còn có học thuyết kinh lạc huyệt vị. "Hoàng đế nội kinh - Linh khu - Kinh mạch" nói; "Kinh mạch có thể quyết sinh tử, trị trăm bệnh, điều hòa hư thực". Huyệt vị là chỗ then chốt để khí huyết, tạng phủ, kinh lạc vận chuyển qua, bế tắc huyệt vị thì khí huyết không vận hành được. Điểm huyệt là hình thức tấn công huyệt vị rất độc đáo trong võ thuật. Nội gia quyền có nói "Phàm cùng người giao đấu đều đánh trúng vào yếu huyệt, huyệt có tử huyệt, vượng huyệt, á huyệt, tất cả theo như đồ hình trong đồng nhân" (Thanh sử cảo - Vương Lai Hàm truyện).

"Thiếu Lâm quyền thuật mật quyết" có nói đến phép điểm huyệt của Trương Toàn Nhất: "Có 38 thủ (huyệt) trong đó nhuyễn ma huyệt (làm tê liệt) có 9 huyệt, huyệt nhẹ và nặng mỗi thứ có 9, hợp lại thành 36 điểm án thủ". Có thể thấy võ thuật Trung Hoa không chỉ dung hợp lý luận y học về ngũ hành mà còn hấp thu thành quả kinh lạc học của y gia, làm phong phú kỹ thuật chiến đấu, nâng cao khả năng tự vệ.

2. KIỆN THÂN TU TÂM

Nho gia Trung Hoa đề xướng “Chính tâm, thành ý tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Chính tâm là cơ bản của lập thân, phải đạt đến mức; “phi lẽ không nhìn, phi lẽ không động, phi lẽ không nghe”. Tất cả các hoạt động vui chơi đều quy về trong phạm vi lẽ giáo “ngụ giáo ư lạc” (trong vui chơi có ý giáo dục”, nhằm “chính tâm tu thân”, “tòng tâm sở dục bất du cù” (theo sở thích của mình mà không vượt quá quy củ). Phật giáo cũng lấy “minh tâm kiến tánh” đặt ở vị trí đầu tiên, đề xuất “làm việc thiện mới có thể tu thành chánh quả”, “cứu 1 mạng người còn hơn xây phù đồ 7 cấp”, tu tâm trở thành cách tu luyện cơ bản để thành Phật. Đạo giáo chủ trương “thanh tâm quả dục”, “chí hư cực, thủ tĩnh đốc”, hành khí dưỡng sinh đầu tiên phải có tâm địa lương thiện. Cho nên trong xã hội Trung Hoa, Nho, thích, Đạo tam giáo đều dạy người làm thiện, lấy tu tâm làm căn bản.

Phép dưỡng sinh trong Trung Hoa cổ đại là “hình thần song tu”. “Hoàng đế nội kinh” quyển 1 “Thượng cổ thiên chân luận” đề xuất: người thời thượng cổ hiểu đạo, bắt chước âm dương, hòa cùng thuật số, cho nên có thể giữ hình thần mà sống trọn tuổi trời, hơn trăm năm mới mất”.

Đời Ngụy Tán, Kê Khang viết “Dưỡng sinh luận” là 1 trước tác dưỡng sinh đầu tiên của Trung Hoa, viết rằng: “Cho nên người quân tử tu tính để giữ mệnh, an tâm để toàn thân, yêu ghét không động tới tình, vui buồn không lưu ở ý, đậm nhiên không lo nghĩ nên thể khí bình hòa, lại hô hấp thô nạp, ăn uống dưỡng thân, khiến cho hình thần

tương thân, trong ngoài kiện toàn vậy". Kiện thân và tu tâm là đồng nhất. Võ thuật Trung Hoa khi hình thành lấy kiện thân dưỡng sinh làm mục đích, phương pháp tu luyện là "quyền đạo hợp nhất", "hình thân hợp nhất", "thần là chủ soái, hình là khu sứ". "Trần thị Thái cực quyền đồ thuyết" nói rằng: "Ý phát ở tâm, truyền ra ở tay, rất có ý chí, rất có thần tình. Như người bình tâm tĩnh khí thì thủ pháp thân pháp tự nhiên doan chính, hành động trúng quy trúng cử. Đường Thuận Chi trong "Nga My đạo nhân quyền ca" cũng nhấn mạnh sự rèn luyện hình thể phản song song với tu tâm dưỡng tính, hình là theo thần (tâm) động, chỉ có thần chính mới có thể đúng quy củ. Trung Hoa võ thuật lấy hình thân làm nhất nguyên, vừa coi trọng rèn luyện hình thể, lại coi trọng tu dưỡng thần (tâm).

Trong võ thuật Trung Hoa, kiện thân là trong tu ngoài luyện, "hình thân hợp nhất". Biểu diễn võ thuật yêu cầu phải hài hòa thống nhất, không chỉ yêu cầu hình thể đẹp, động tác đẹp, mà còn thần thái đẹp. "Ngoài luyện gân cốt da, trong luyện một hơi thở", "hơi thở" ở đây (khí) không chỉ là hơi thở điều hòa, mà bao quát cả tinh, khí, thần. Cho nên biểu diễn 1 bài quyền phải nắm bắt được sự cân bằng, vừa có sự đối xứng lại vừa có sự thống nhất hài hòa; vừa có động tĩnh nhanh chậm, vừa có tiết tấu biến hóa khôn cùng, vừa có sự thông thoáng như nước chảy mây trôi, vừa có sự thấp cao khởi phục.

Trong tu tâm dưỡng thần lại càng chú trọng đến việc bồi dưỡng võ đức, cũng tức là bồi dưỡng phẩm chất tư tưởng. Trong Thiếu Lâm Tự yêu cầu người luyện võ phải giữ "thập giới", hoàn toàn là yêu cầu về tư tưởng đạo đức:

1. Tập thuật này phải lập chí khôi phục trung nguyên, sớm tối chuyên cần không trễ lười,
2. Mỗi sáng phải đến trước Minh tổ hành lễ khâu đầu sau đó mới luyện.
3. Lúc luyện tập, thối lui 3 bước rồi bước tới 3 bước, gọi là đạp trung cung, sau đó mới luyện, để biểu thị không quên Trung Quốc.
4. Phải coi đồng môn như anh em, giúp đỡ lẫn nhau, kẻ vi phạm sẽ luận tội như phản đạo.
5. Khi luyện võ, trước tiên đưa tay hành lễ, 2 tay thành hình hổ trảo, lưng bàn tay sát vào nhau, tay cao ngang ngực, biểu thị phản đối dị tộc, không quên tổ quốc.
6. Khi sắp đánh nhau, đưa tay làm lễ như trên, nếu là đồng môn phái thì thối, nếu khác phái vạn bất đắc dĩ mới ra tay, không tùy tiện đánh vào chỗ yếu hại.
7. Cẩn thận chọn môn đồ, nếu không phải người trung thực hiếu nghĩa, không được dễ dàng truyền thụ võ công.
8. Không quên ý chí khôi phục trung nguyên, nếu quên điều ấy thì không phải môn đồ Thiếu Lâm.
9. Lấy từ bi làm chính, nên cứu nguy giúp người, không được cậy thế hại người.
10. Tôn trọng sư đạo, kính trưởng yêu bạn, trừ tham khử gian, giới dâm ky ác. Kẻ bất tuân sẽ bị trừng phạt. (Theo Trung Quốc lý luận khái yếu).

Trong Thiếu Lâm quyền pháp còn có “Ngũ kỵ thất thương”. “Ngũ kỵ” là 5 điều cấm kỵ: biếng lười, kiêu căng, nóng vội, vượt cấp, tẩu sắc.

“Thất thương” là gân sắc dục thì hại tinh, giận dữ hại khí, lo nghĩ hại thân, buồn bã hại tâm, ham ăn hại

huyết, lười biếng hại gan, nóng vội hại xương". Đặt vấn đề bồi dưỡng phẩm chất tư tưởng làm đầu trong kiện thân luyện võ.

Các môn phái võ Trung Hoa còn rất chú trọng đến việc chọn lựa môn đồ. "Côn Ngô kiếm hàm ngôn" có nói nhiều tiêu chí cụ thể để truyền thụ môn đồ: "Người nhân phẩm bất chính không truyền, bất trung bất hiếu không truyền, không có lòng kiên trì không truyền, đầy vẻ túckí không truyền, mượn võ cầu tài không truyền, không biết quý trọng không truyền..." lại cho rằng; "Người đáng truyền mà không truyền là mất người, kẻ không đáng truyền mà truyền là mất kiếm. Như không rõ người thì thà mất người chứ không mất kiếm".

"Vịnh Xuân Bạch hạc quyền - Quyền phô" nói rằng luyện quyền phải làm được 4 điều thiện: thiện tu dưỡng thân, hay chính tâm mình, thiện hành động cẩn thận, thiện giữ đạo đức".

"Trương Gia Quyền" nói: "Học quyền lấy đức hạnh làm đầu, mới xứng là chính nhân quân tử. Học quyền phải lấy hàm dưỡng làm gốc, cử động phải tâm bình khí hòa, lấy ý thiện đai người".

Tinh võ thể dục hội cũng đặt ra 10 tiêu chuẩn, chú trọng tu dưỡng phẩm chất đạo đức.

Phản ánh võ đức cụ thể nhất là võ hiệp hay hiệp khách. Từ thời Chiến Quốc đã có hiệp khách "Hàn Phi Tử" nói "Nho lấy văn loạn pháp, hiệp lấy võ phạm cầm". Hiệp và võ và kiếm là liên quan mật thiết với nhau. Dời Hán có thực khách lấy kiếm thuật mà được nuôi dưỡng, lại có du hiệp cứu khốn phò nguy. Cho nên du hiệp, hiệp khách, võ hiệp trở thành danh từ gọi 1 lớp người trong xã hội.

Tư Mã Thiên trong “Sử ký - Du hiệp truyện” nói: “Du hiệp tuy hành động không rập theo chính nghĩa nhưng lời nói của họ có thể tin được, họ hành động là có kết quả, đã hứa là thành, không yêu thân mình, xả thân cứu nguy, không kiêu căng vì tài năng...” Võ hiệp xả sinh thủ nghĩa luôn được người đời ca tụng, đó là khí chất của võ lâm chân chính.

Võ hiệp xuất hiện nhiều trong văn học. Các tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường như Cáp Nhiếp Khách truyện, Hồng tuyến nữ, Côn Luân nô, Nhiếp ẩn nương, Du hiệp liệt truyện, Thích khách liệt truyện... tuy có chút khoa trương nhưng đề cao phẩm chất không màng danh lợi, vì nghĩa quên mình, một lòng trung thành, cứu khốn phò nguy của hiệp khách chân chính.

Thủy Hử truyện, Tam hiệp ngũ nghĩa, Nhi nữ anh hùng truyện, Tiểu Ngũ nghĩa, Lục mẫu đơn... ngoài khắc họa nam hảo Hán còn có hình bóng của nữ hiệp khách như Hà Ngọc Phụng, Lạc Hoằng Huân, ...

Thời cận đại, làn sóng tiểu thuyết võ hiệp lại dâng tràn 3 lần: lần thứ nhất là những năm 20-30 thế kỷ XX, 2 tác giả chính là Bắt Tiêu Sinh và Hoàn Châu Lâu với các tác phẩm Giang hồ kỳ hiệp truyện, Thục Sơn kiếm hiệp truyện làm đại biểu. Nhà văn Trương Hận Thủy cũng viết “Kiếm đâm cầm tâm, Quách Dật Mai viết Ngọc tiêu song kiếm ký... chấn động một thời. Lần thứ hai là những năm 50-60, vùng Hương Cảng, Đài Loan xuất hiện tiểu thuyết võ hiệp mới, đại biểu là Kim Dung, Lương Vũ Sinh, Cổ Long, đặc biệt là Kim Dung với Thư kiếm ân cừu lục, Xạ điêu anh hùng truyện... nhiều địa phương thành lập “Kim Dung học hội” nghiên cứu tác phẩm Kim Dung. Lần thứ ba là vào thập niên 80, dưới ảnh hưởng của tiểu thuyết võ

hiệp mới, đại lục Trung Hoa lại xuất hiện “Tân môn đại hiệp Hoắc Nguyên Giáp” của Phùng Dực Nam, Thần tiên của Phùng Dực Tài, Võ lâm thánh kiệt của Vạn Thiên Thạch. Các tiểu thuyết võ hiệp ở 3 làn sóng này có bối cảnh thời đại nhất định nhưng các nhân vật võ hiệp với tinh thần diệt ác hành thiện, dũng cảm hiến thân cho sự nghiệp chính nghĩa, chính là nguyên nhân kích động tinh thần người đọc. Do đó, có thể thấy võ đức có cơ sở rất vững chắc trong lòng dân chúng.

3. TẢ Ý TẠO HÌNH

Thẩm mỹ Trung Hoa cổ đại chú trọng tạo hình tức là thông quan sáng tạo hình tượng để thể hiện ý thức chủ quan. Trong mỹ học cổ điển thường có những bình luận như “ý ở trước bút, họa xong hiện ý”, “tả ý một lúc, ý tận thì dừng”, “ý phát ở suy nghĩ, lời nói phát từ ý”... Điểm quan trọng trong tả ý là không cần tả thực, không cần thể hiện hoàn toàn trên giấy, trong tranh, trong văn thơ, mà là ngụ ý niêm thần tình ở trong vật tượng, không cầu hình giống, chỉ cầu thần giống.

Mỹ cảm trong biểu diễn võ thuật Trung Hoa là tương đồng với quan niệm thẩm mỹ truyền thống. Thi nhân Đỗ Phủ đời Đường viết trong “Quan công Tôn đại nương vũ kiếm khí hành từ” rằng: “Ngày trước người nước Ngô là Trương Húc giỏi viết thiếp bằng lối chữ thảo (thảo thư), thường ở huyện Nghiệp xem Công Tôn đại nương múa “Tây Hà kiếm khí”, từ đó thảo thư càng điêu luyện”. Có thể thấy múa kiếm đời Đường từng ảnh hưởng đến nghệ

thuật thư pháp, trong võ thuật Trung Hoa đã sớm tồn tại quan điểm thẩm mỹ truyền thống “tả ý”

Trong các bài quyền (sáo lộ) đơn luyện cũng thể hiện “tả ý” khác nhau, như Bắc quyền mạnh mẽ thoáng rộng, Nam quyền linh hoạt mau lẹ, Thái cực quyền ôn nhu mềm mại, đại dao khí thế hùng mạnh, trường thương thần xuất quỷ kinh, đơn dao như mãnh hổ, trường kiếm tựa du long, đều là thông qua thần thái của động tác, tích tấm mà tạo cảm giác đầy ý vị. Đặc biệt là các loại quyền pháp mô phỏng đặc trưng của từng loại vật rất độc đáo. Như Hổ quyền cương kình dũng mãnh, có cái uy phong của “Mãnh hổ xuất động”, “Hổ khiếu sơn lâm”.

Ung quyền nhanh như chớp giật, tựa như “hung ưng bồ thực”, “Ung kích trường không”.

Túy quyền ngửa nghiêng lăn lộn, tạo cho người xem có cảm giác “Tựa túy phí túy”, “túy đả sơn môn”. Đặc biệt là Hầu quyền mô phỏng hành vi của loài khỉ thường ngày, lấy các tư thế xuất động, dòm ngó, leo trèo, nhảy nhót, ăn uống, vui mừng, hoảng sợ, nhập động... kết cấu thành bài quyền (sáo lộ) thể hiện thần thái của khỉ qua cương, nhu, khinh, linh, xảo, thiểm, thần, tốc, với các thủ pháp tróc, quăng, thái, thiết, câu, chưởng, khẩu, đinh, các cước pháp triền, đăng, súy, đòn. Từ bên ngoài mà xem thì chẳng khác động tác loài khỉ, ở thần thái biểu hiện cũng giống hệt vẻ khỉ, khiến người xem có thể hội ý rằng đó là hình tượng loài khỉ. Biểu diễn võ thuật Trung Hoa không có hóa trang, không dùng đạo cụ, toàn bài biểu diễn không dựa vào tình tiết câu chuyện, chỉ là do các động tác kết hợp thành, thần thái người biểu diễn có thể tạo cho người xem cảm giác khác nhau, thể hiện nét đặc sắc “tả ý” trong mỹ học Trung Hoa.

4. HÝ KHÚC ĐIỆN ẢNH

Châu Di Bách tiên sinh trong “Trung Quốc hý kịch sử phát triển cương yếu” nói: Màn “Đông Hải Hoàng Công trong bách hý giác để đời Hán là 1 sự mở đầu một môn nghệ thuật độc đáo của hý kịch Trung Hoa. Biểu diễn “Đông Hải Hoàng Công” không có đối thoại, không có hát xướng chỉ thông qua biểu diễn võ nghệ để thể hiện tình tiết câu chuyện. Hoàng Công lúc trẻ có dũng lực và pháp thuật không hát xướng này đã được định hình từ cuối đời Hán, thời Tam Quốc. Như học sĩ Hứa Từ và Hồ Tiềm ở đất Thục bất hòa, thường vì đấu khẩu với nhau mà động thủ, một lần trong đại hội quần thần, Lưu Bị lệnh cho “cả hai giả làm vẻ của 2 con, lúc đầu cả 2 đoạn nghĩa với nhau, sau lấy đạo trượng giao chiến” (Tam Quốc chí - Hứa Từ truyện). Giả làm vẻ của 2 con tức là mang mặt nạ. Đời Đường, võ ký mang mặt nạ nổi tiếng là “Lan Lăng Vương”.

Tối sơ của ký khúc Trung Hoa đều lấy võ ký làm cơ sở, tất nhiên các màn biểu diễn giao đấu đã qua hóa trang, võ thuật là nguồn gốc của ký lịch Trung Hoa. Về sau, theo sự phát triển của võ thuật, võ ký cũng phát triển đồng bộ.

Hý kịch Trung Hoa đến đời Nguyên đã dần dần thành thực, hình thức biểu hiện có xướng, niệm, tác, đả. Trong các hý khúc các màn thể hiện chiến tranh hoặc giao chiến rất được chú trọng khai thác và xây dựng, có những vở biểu diễn suốt mấy ngày đêm như Mục liên cứu mẹ, Hỏa thiêu Hồng Liên Tự; đại đa số là các lớp đấu võ: Đời minh, Trương Đại trong “Đào Yêm mộng ức” có nhắc đến màn biểu diễn vở Mục Liên có đến mấy chục người đấu võ,

biểu diễn “đao sơn kiếm thụ”, truy sát giao đấu võ, biến hóa khôn cùng, đều là lấy các loại binh khí đối nhau làm cơ sở, nếu không có nghệ thuật biểu diễn võ thuật phong phú thì không thể có võ hý liên tục kéo dài mấy ngày đêm. Trong hý kịch xưa có “bả tử” là chỉ những người chuyên biểu diễn các màn võ hý. Do đó trong kinh kịch có các võ sinh, võ đán, võ tịnh, võ sử, “tòan võ hành”. Võ sinh bắc phái Du Cúc Sinh là người giỏi võ công thật sự, có thể biểu diễn thuần thục các loại binh khí, đặc biệt là biểu diễn đại sản đầu thương trong “khiêu hoạt xa”, đầu thương rất nặng nhưng anh ta biểu diễn thoải mái nhẹ nhàng, quần chúng mỗi lần thấy Du Cúc Sinh biểu diễn đều hoan hô như sấm.

“Bả tử công” trong hý khúc võ thuật là công phu cơ bản võ thuật, rất nhiều diễn viên kinh kịch lấy “bả tử công” làm cơ sở. Võ sinh Bắc phái đại gia Dương Tiểu Lâm đã từng bài sư học các môn Bát quái Chuồng, Thông tí quyền, Lục hợp thương, do đó trình độ võ công của Tiểu Lâm rất vững chắc, mỗi chiêu mỗi thức đều đúng pháp.

Kinh kịch đại sư Đàm Tân Bồi từng học đơn đao, ông đóng vai Thạch Tú trong vở “Thúy Bình san” đã biểu diễn Thiếu Lâm lục hợp đao rất được người xem tán thưởng, được đánh giá là có “chân công phu”, đặt tên là “Đơn đao tiểu khiếu thiên”. Diễn viên nổi tiếng thanh y danh đán Mai Lan Phương từng học kiếm thuật, cô biểu diễn bài kiếm trong vở “Bá Vương biệt Cơ” là dung hợp trực tiếp từ Hình ý quyền và Thái cực kiếm. Diễn viên Cái khiếu thiên từng theo học nhiều môn phái, có võ công cao, biểu diễn rất thành công. Võ thuật trở thành suối nguồn bất tận của võ ký Kinh kịch.

Điện ảnh là sản phẩm của nền văn minh hiện đại, tuy ra đời chưa qua trăm năm nhưng đã phổ biến khắp nơi trên thế giới, trở thành hình thức giải trí không thể thiếu trong cuộc sống con người. Là sản phẩm của văn minh hiện đại, điện ảnh và võ thuật truyền thống dân tộc có vẻ như khí lòng dung hợp với nhau. Nhưng qua quá trình phát triển của điện ảnh đã hấp thu những đặc sắc của văn hóa truyền thống dân tộc, trong đó tinh hoa võ thuật đã kết duyên sâu đậm với điện ảnh hình thành một thể khó phân ly. Theo tư liệu sử điện ảnh Trung Hoa, bộ phim đầu tiên là “Định Quân Sơn” Định Quân là vở diễn võ hý khởi xuất từ kinh kịch, trong đó thiết kế nhiều trường đoạn giao đấu võ thuật. Diễn vở này không cần hát xướng, không cần giới thiệu lớp lang, mà người xem đều có thể hiểu rõ. “Định Quân sơn” cũng giống như vở khởi nguyên của kinh kịch “Đông Hải Hoàng Công” về hình thức cũng như ý nghĩa. Sau đó, điện ảnh Trung Quốc còn đóng bộ phim “Hỏa thiêu Hồng Liên Tự” cũng là phim võ thuật nhưng do quay phim và thiết kế võ thuật không hoàn thiện nên ảnh hưởng không lớn.

Đến những năm 60 của thế kỷ XX, Hồng Kông liên tục đóng các phim công phu (KungFu) võ thuật, khơi dậy làn sóng “cơn sốt KungFu Trung Quốc”, “cơn sốt Lý Tiểu Long”.

Lý Tiểu Long nguyên quán Quảng Đông, tinh thông Vịnh xuân quyền, sau lại luyện Nam quyền, năm 18 tuổi sang Mỹ du học, lại học không thủ đạo (Karatédo) của Nhật Bản và Kick boxing (Quyền Thái) của Thái Lan, lập ra Trung Quốc võ thuật quán, truyền dạy võ thuật lại giao lưu quyền thuật với võ sư các nơi. Sau đến Thái Lan đóng bộ phim “Đường Sơn đại huynh” nổi tiếng khắp nơi, sau đó

Hồng Kông liên tục quay các phim có Lý Tiểu Long đóng, chấn động thế giới, tạo thành thể loại “phim quyền cước Trung Quốc”. Lý Tiểu Long lấy võ thuật Trung Hoa dung nhập và điện ảnh đạt được thành công lớn nhờ có 2 đặc điểm lớn. Thứ nhất, Lý Tiểu Long là 1 võ sư có “chân công phu”, trên cơ sở võ thuật Trung Hoa, tự sáng lập nên “Triệt quyền đạo”, có nhiều tuyệt chiêu, giao đấu với võ sĩ các nước đều chiến thắng. Một tuyệt chiêu của Lý Tiểu Long là “Liên hoàng tam phi cước” tức là phát triển trên cơ sở đòn đá “Ngọc hoàn bộ uyên ương cước” của Võ Tòng sử dụng khi say đánh Tưởng Môn Thần. Kỹ năng tự vệ thực dụng của Lý Tiểu Long ai cũng kính phục. Hai là Lý Tiểu Long vận dụng được đặc điểm trong biểu diễn võ thuật Trung Hoa, thiết kế ra nhiều trường đoạn hấp dẫn tựa như thật, các chiêu thức tấn công, phòng thủ mau lẹ, lại được kỹ thuật quay phim che đậm nên càng trở nên sống động, thu hút người xem, nức lòng tán thưởng “phim quyền cước Trung Quốc” do Lý Tiểu Long khởi dòng, đến thập niên 70, 80 lại có Lý Liên Kiệt kế thừa và phát triển. Lý Liên Kiệt là vận động viên võ thuật ở Bắc Kinh, từ năm 1975 đến 1979 đoạt giải vô địch toàn năng võ thuật Trung Quốc tổ chức tại Thiền Liên. Sau khi Lý Tiểu Long qua đời, phim quyền cước Hồng Kông thiếu diễn viên chính nên mời Lý Liên Kiệt đóng vai chính trong phim “Thiếu Lâm Tự”, phim này lại gây chấn động khắp nơi, từ đó Lý Liên Kiệt ở Hồng Kông đóng luôn mấy bộ phim võ thuật nổi tiếng thế giới, làm cho phim quyền cước Trung Quốc có 1 thế đứng vững vàng trên ảnh đài thế giới.

Lý Liên Kiệt có thể kế thừa và phát triển trên cơ sở phim KungFu của Lý Tiểu Long là nhờ anh có nền tảng võ thuật vững chắc, từ nhỏ đã rèn luyện võ thuật, tinh thông các loại quyền thuật luôn mẻ, hấp dẫn, lôi cuốn người

xem. Đặc biệt là Lý Liên Kiệt có thể linh hôi được tinh túy biểu diễn võ thuật Trung Hoa kết hợp tả ý với sự khéo léo, tinh xảo sáng tạo, phong cách độc đáo mới lạ trên màn ảnh. Trong phim “Thiếu Lâm Tự” do Lý Liên Kiệt thủ vai chính có 1 cảnh anh nhảy lên trên cao, 2 tay 2 chân giang ra thành hình chữ đại chống trên 2 cây tre. Cảnh này không chỉ tạo hình mỹ quan, mà ý vị rất sâu xa: công phu Trung Hoa có thể truyền bá khắp nơi, thể hiện võ thuật Trung Hoa có nội hàm phong phú, tinh hoa võ thuật Trung Hoa sẽ sống mãi trong sự huy hoàng của văn minh hiện đại.

MỤC LỤC

I. Diễn biến phát triển của võ thuật Trung Hoa	5
Diễn biến phát triển của Wushu Trung Quốc	7
II. Quyền thuật huyền bí	23
1. Trường quyền	28
2. Nam quyền	29
3. Hình ý quyền	31
4. Thái cực quyền	33
III. Khí giới-Binh khí dài – ngắn	36
1. Thương (Trường khí giới)	37
2. Kiếm (Đoản khí giới)	40
3. Song dao (Song khí giới)	44
4. Lưu tinh chùy (Nhuyễn khí giới)	47
IV. Các loại phương thức đối luyện	49
1. Tay không đối tay không	51
2. Khí giới đối khí giới	53
3. Tay không đối binh khí	56
V. Quyền thuật ứng dụng trong thực tế	59
VI. Các tổ chức và thăng địa võ thuật Trung Hoa	69
1. Thiếu Lâm Tự	69
2. Võ Đang Sơn	80
3. Nghĩa Hòa Quyền	87
4. Tinh võ thể dục hội	92

VII. Các nhân vật lịch sử nổi tiếng trong võ thuật Trung Hoa 100

Du Đại Du	101
Thích Kế Quang	102
Trình Tông Du	104
Trương Tòng Khê	106
Ngô Thủ	107
Cam Phương Trì	108
Dương Lộ Thiền	109
Hoắc Nguyên Giáp	112
Vương Tử Bình	114
VIII. Văn hóa võ thuật Trung Hoa	115
1. Âm dương ngũ hành	115
2. Kiện thân tu tâm	121
3. Tả ý tạo hình	126
4. Hý khúc điện ảnh	128

■ TINH HOA VÕ THUẬT TRUNG HOA

Số tay võ thuật

Chủ trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Phạm Lợi

Sửa bản in: Hoàng Nhẫn

Bìa: Điêu Quốc Việt

In 1.000 cuốn tại Xí nghiệp in Số 5

120 Triệu Quang Phục, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 120/XB-QLXB-27

Cục xuất bản ký ngày 18 tháng 01 năm 2001

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2001.

TINH HOA VÕ THUẬT TRUNG HÓA



HIỆU SÁCH **Minh Trung**

496 NGUYỄN THỊ MINH KHAI TP. HỒ CHÍ MINH DT: 839507

Tinh hoa võ thuật Tr.Hca



2 200006024705
CK037 14,000 đ

Giá: 14.000 đồng